UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 8633/UBND-TH V/v trả lời câu hỏi tái chất vấn tại kỳ họp 14 HĐND Thành phố	*Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2015*

Signature Not Verified
Thời gian ký: 02/12/2015 17:06 PM

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố.

Thực hiện yêu cầu của Thường trực HĐND Thành phố (tại công văn số 462/HĐND-VP ngày 27/11/2015) về việc chuyển nội dung tái chất vấn tại kỳ họp thứ 14 HĐND Thành phố khóa XIV, Ủy ban nhân dân Thành phố xin gửi HĐND Thành phố Báo cáo tổng hợp trả lời câu hỏi tái chất vấn tại kỳ họp *(gửi kèm theo)*.

Xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBNDTP *(để báo cáo)*;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND TP;
- VPUBTP: CPVP, các phòng CV;
- Lưu: VT, TH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Khanh

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO
TRẢ LỜI CÂU HỎI TÁI CHẤT VẤN TẠI KỲ HỌP THỨ 14
HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI KHÓA XIV
(Kèm theo công văn số 8633/UBND-TH ngày 02/12/2015 của UBND TP)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân Thành phố.

Thực hiện yêu cầu của Thường trực HĐND Thành phố (tại công văn số 462/HĐND-VP ngày 27/11/2015) về việc chuyển nội dung tái chất vấn tại kỳ họp thứ 14 HĐND Thành phố khóa XIV, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo như sau:

A. Nhóm vấn đề về kinh tế

Câu 1: Số nợ thuế, phí, tiền sử dụng đất.

Trả lời:

Căn cứ dữ liệu về nợ thuế theo Quy trình quản lý nợ trên hệ thống quản lý của cơ quan Thuế:

1. Nợ thuế đến 31/12/2014:

Tổng số: 22.734 tỷ, tính cả nợ chờ điều chỉnh là 22.901 tỷ (Gồm: Nợ khó thu: 2.124 tỷ; Nợ chờ xử lý: 2.010 tỷ; Nợ chờ điều chỉnh: 167 tỷ; Nợ có khả năng thu: 18.600 tỷ).

2. Nợ thuế đến 31/10/2015:

Tổng nợ thuế đến 31/10/ 2015 là: 21.850 tỷ (Nợ khó thu: 2.557 tỷ; Nợ có khả năng thu: 19.292 tỷ), trong đó:

- Nợ thuế, phí: 8.507 tỷ (Nợ khó thu: 1.550 tỷ; Nợ có khả năng thu: 6.957 tỷ).

- Nợ tiền chậm nộp: 7.091 tỷ (Nợ khó thu: 684 tỷ; Nợ có khả năng thu: 6.407 tỷ).

- Nợ các khoản liên quan đến đất: 6.250 tỷ (Nợ khó thu: 323 tỷ; Nợ có khả năng thu: 5.927 tỷ), chi tiết:

+ Nợ tiền SD đất: 3.752 tỷ (Nợ khó thu: 172 tỷ; Nợ có khả năng thu: 3.580 tỷ).

- Nợ tiền thuê đất: 2.362 tỷ (Nợ khó thu: 147 tỷ; Nợ có khả năng thu: 2.214 tỷ).

- Nợ thuế SD đất phi NN: 135,7 tỷ (Nợ khó thu: 3,2 tỷ; Nợ có khả năng thu: 132,5 tỷ).

Phân tích cụ thể các khoản nợ thuế:

- Nợ thuế phí: 8.507 tỷ, tăng 1,8% so thời điểm 31/12/2014 (Do nợ khó thu tăng), cụ thể:

- Nợ khó thu: 1.550 tỷ, tăng 34,5% so thời điểm 31/12/2014. Nguyên nhân chính là do 10 tháng đầu năm 2015 có 12.557 DN bỏ địa chỉ kinh doanh (tăng 47% so cùng kỳ năm 2014), trong đó phần lớn các DN đều nợ thuế làm cho nợ khó thu tăng cao.

- Nợ có khả năng thu: 6.957 tỷ, giảm 3,5% so thời điểm 31/12/2014.

Câu 2: Việc kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp vi phạm quy định về quản lý thuế, phí, tiền sử dụng đất.

Trả lời:

Trong những năm qua, Cục Thuế thành phố Hà Nội luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên, trực tiếp của Thành uỷ, HĐND, UBND Thành phố, của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế; sự phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả của các ngành, các cấp, của cả hệ thống chính trị từ Thành phố đến phường, xã, thị trấn vào cuộc trong công tác quản lý thuế, trong đó đặc biệt chú trọng công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho DN để ổn định, duy trì và phát triển SXKD, tăng nguồn thu cho ngân sách; sự nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, sự tuân thủ pháp luật thuế của Người nộp thuế.

Để phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao, hàng năm Cục Thuế thành phố Hà Nội đã đề ra những nhiệm vụ trọng tâm, các nhóm giải pháp công tác thuế để chỉ đạo và triển khai thực hiện, trong đó công tác quản lý, đôn đốc thu hồi nợ thuế được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Kết quả đôn đốc thu nợ thuế đã góp phần quan trọng trong tổng số thu ngân sách trên địa bàn Thành phố.

Kể từ năm 2011 đến nay, số thu nội địa hàng năm của Thành phố luôn đạt trên 100.000 tỷ đồng và có xu hướng năm sau cao hơn năm trước. Kết quả thu ngân sách hàng năm đã đảm bảo cân đối thu chi của Thành phố, của từng quận, huyện, thị xã, góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thủ đô, đồng thời đóng góp nguồn thu quan trọng vào số thu ngân sách Quốc gia.

I. Thực trạng nợ thuế trong thời gian qua

Do ảnh hưởng của khủng khoảng kinh tế thế giới những năm 2007 - 2009, mà đỉnh điểm là khủng khoảng kinh tế tháng 9/ 2008 tại Mỹ, kể từ năm 2009 đến nay, kinh tế cả nước nói chung, Thủ đô nói riêng còn gặp nhiều khó khăn: tăng trưởng kinh tế chậm lại; thị trường tín dụng tăng trưởng ở mức thấp, nợ xấu ngân hàng rất phức tạp; thanh khoản của nền kinh tế chưa được cải thiện; thị trường tiêu thụ thu hẹp; thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán chưa thật sự khởi sắc; sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, một bộ phận doanh nghiệp bị thua lỗ phải hoạt động cầm chừng hoặc giải thể; sức mua thị trường giảm; tồn kho tuy đã giảm nhưng còn ở mức cao…

Từ cuối năm 2008 đến nay, mặc dù Quốc hội, Chính phủ đã có nhiều Nghị quyết, Quyết định ban hành các chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho XSKD, hỗ trợ thị trường; tuy nhiên, do ảnh hưởng kinh tế chung, bên cạnh số thu ngân sách trên địa bàn tăng hàng năm thì tình hình nợ thuế cũng có chiều hướng gia tăng (đặc biệt là nợ tiền chậm nộp và nợ các khoản liên quan đến đất): Nợ thuế có khả năng thu năm 2009: 4.894 tỷ, chiếm tỷ trọng 6,7% trên tổng số thu nội địa của Thành phố; Năm 2010: 4.738 tỷ, chiếm tỷ trọng 5,1%; Năm 2011: 7.078 tỷ, chiếm tỷ trọng 6,4%; Năm 2012: 10.460 tỷ, chiếm tỷ trọng 9%; Năm 2013: 13.684 tỷ, chiếm tỷ trọng 11,3%; Năm 2014: 18.600 tỷ, chiếm tỷ trọng 17,3%.

II. Kết quả công tác quản lý nợ thuế 10 tháng đầu năm 2015

Thực hiện chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố, của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế; với nhận thức tình hình kinh tế năm 2015 sẽ tiếp tục khó khăn, thách thức và tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng lớn đến nguồn thu ngân sách trên địa bàn; để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu Ngân sách được giao, ngay từ cuối tháng 12/2014 Cục Thuế đã đề ra 7 nhiệm vụ trọng tâm, 9 nhóm giải pháp công tác thuế để triển khai thực hiện ngay từ những ngày đầu năm 2015, đồng thời với việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ, chương trình hành động của UBND Thành phố, trong đó Cục Thuế đã tập trung chú trọng công tác quản lý, đôn đốc thu hồi nợ thuế:

- Nghiêm chỉnh thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về giải quyết khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, thúc đẩy phát triển SXKD của doanh nghiệp, về việc tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong quản lý thuế, tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

- Tiếp tục hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp: Thực hiện tốt việc gia hạn nợ, xóa nợ thuế theo chính sách hiện hành; Phối hợp với các ngành, các cấp tham mưu Thành phố kịp thời tháo gỡ khó khăn cho DN trong quá trình hoạt động SXKD; Kiến nghị các cấp có thẩm quyền tạo cơ chế, chính sách để DN có nguồn vốn phát triển sản xuất kinh doanh, qua đó tăng thu nhập, đồng thời có nguồn tài chính để nộp tiền nợ thuế.

- Tiếp tục tranh thủ sự chỉ đạo của lãnh đạo các cấp trong công tác đôn đốc thu nợ; Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với các cấp, các ngành Thành phố, của cả hệ thống chính trị tiếp tục vào cuộc, tăng cường đôn đốc thu nợ.

- Tăng cường đôn đốc thu nộp thuế hàng tháng sát số đã kê khai nhằm hạn chế nợ mới phát sinh.

- Thực hiện việc phân loại nợ theo từng ngưỡng nợ; căn cứ ngồn nhân lực để xử lý nợ từ đối tượng cao xuống thấp, xác định đúng đối tượng chây ì, nợ dây dưa kéo dài; phân tích nguyên nhân nợ thuế của từng đối tượng nợ thuế để có giải pháp đôn đốc thu phù hợp với nguồn nhân lực còn thiếu nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả thu nợ; Ban hành thông báo nợ và tiền chậm nộp đối với đối tượng nợ thuế để đôn đốc nộp nợ.

- Lựa chọn áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thích hợp để tổ chức cưỡng chế nợ quyết liệt, đạt hiệu quả cao nhưng vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ các bước theo quy trình, đúng luật định.

Riêng đối với những trường hợp nợ thuế xử lý sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; nợ của những đơn vị đang hoạt động sản xuất kinh doanh, có doanh thu bán hàng, có dòng tiền luân chuyển; nợ tiền sử dụng đất của các dự án được gia hạn nhưng quá hạn chưa nộp, dự án đã bán hàng, thu tiền thì cơ quan Thuế sẽ kiên quyết áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng và các biện pháp mạnh khác theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị các cấp có thẩm quyền có cơ chế, giải pháp, chế tài hiệu quả để công tác cưỡng chế nợ có tính khả thi cao

- Phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng danh sách những đối tượng dây dưa nợ thuế kéo dài, đặc biệt là các dự án nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất lâu ngày, số nợ lớn hoặc đã được UBND thành phố quyết định gia hạn nhưng không chấp hành nộp đúng thời hạn.

Kết quả cụ thể

(Do toàn ngành Thuế đang vận hành sử dụng ứng dụng quản lý thuế tập trung TMS, hiện tại cơ quan Thuế đang chuyển đổi dữ liệu phân tán trên các ứng dụng cũ sang ứng dụng mới nên việc tổng hợp, phân tích nợ thuế phải kết hợp với phương pháp thủ công).

(1) Thường xuyên nắm bắt tình hình SXKD của các doanh nghiệp nợ thuế; thu thập thông tin phản hồi của Người nộp thuế (qua thư điện tử trao đổi thông tin với doanh nghiệp, qua điện thoại, qua đối thoại trực tiếp, qua các phương tiện thông tin truyền thông) để tiếp thu ý kiến, kiến nghị của DN về các vướng mắc cơ chế, chính sách thuế. Đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền, Cục Thuế đã xem xét và giải quyết ngay cho DN. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền, Cục Thuế đã kịp thời báo cáo tham mưu UBND Thành phố, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế xem xét giải quyết.

(2) Thành lập Tổ rà soát dữ liệu nợ thuế do Cục trưởng làm tổ trưởng để chỉ đạo, triển khai việc rà soát dữ liệu nợ thuế của toàn ngành; Thực hiện phân tích nợ, đặc biệt tập trung phân tích nợ, xác định nguyên nhân nợ, tình trạng hoạt động của các doanh nghiệp (đặc biệt doanh nghiệp nợ trọng điểm) để áp dụng biện pháp đôn đốc, cưỡng chế nợ phù hợp (Qua phân tích trong số trên 85.000 lượt đối tượng nợ thuế chỉ có 4.610 DN đã có số nợ chiếm trên 70% tổng nợ thuế):

- Đối với nhóm nợ khó thu: Cục Thuế tập trung tiến hành rà soát, phân tích, đánh giá đối với các DN bỏ địa chỉ kinh doanh về tình hình nợ thuế, số thuế nợ, tình hình sử dụng hóa đơn để phân loại, nhận diện những doanh nghiệp có dấu hiệu chiếm đoạt tiền thuế (nợ thuế lớn trước khi bỏ địa chỉ kinh doanh), những doanh nghiệp có dấu hiệu buôn bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để chiếm đoạt tiền thuế, tiền hoàn thuế; từ đó tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ chuyển cơ quan Công an phối hợp xác minh, điều tra, xử lý.

- Đối với nhóm nợ có khả năng thu: Căn cứ phân loại đối tượng, căn cứ nguồn nhân lực hiện có, trên cơ sở phân tích thực trạng nợ thuế, xác định rõ nguyên nhân nợ thuế đối với từng doanh nghiệp, Cục Thuế triển khai đầy đủ, đồng bộ các giải pháp đôn đốc thu nợ, cưỡng chế nợ thuế theo Luật định, đúng

quy trình, trong đó tập trung quyết liệt công tác đôn đốc thu nợ, cưỡng chế nợ thuế đối với các DN nợ trọng điểm.

(3) Công tác ban hành thông báo nợ:

Thực hiện phát hành thông báo nợ thuế qua thư điện tử tới các doanh nghiệp nợ thuế; Gửi Thư trao đổi thông tin qua Email để trao đổi về tình hình nợ thuế của doanh nghiệp, qua đó rà soát, đối chiếu, xử lý nợ sai. Lũy kế từ đầu năm, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã ban hành 823.470 lượt thông báo nợ thuế để đôn đốc nhắc nhở NNT nộp kịp thời, đạt tỷ lệ 96% số đối tượng phải ban hành thông báo. Số đối tượng chưa ban hành thông báo chủ yếu là những đối tượng có số tiền nợ thuế quá nhỏ, dưới 100.000 đồng (chủ yếu là khối hộ kinh doanh).

(4) Về thực hiện cưỡng chế nợ thuế:

Thực tế hiện nay số người nợ thuế có số thuế nợ nhỏ lại chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số người nợ thuế (81,5% số người nợ thuế nhưng số thuế nợ chỉ chiếm 6,4% tổng nợ). Do nguồn nhân lực làm công tác quản lý nợ còn thiếu (VP Cục có 26 cán bộ, mỗi Chi cục Thuế có từ 5 - 7 cán bộ); để đảm bảo hiệu quả công tác cưỡng chế, Cục Thuế tập trung cưỡng chế nợ đối với các doanh nghiệp nợ trọng điểm (những DN nợ thuế, phí, nợ các khoản liên quan đến đất lớn), đồng thời ứng dụng phần mềm hỗ trợ công tác cưỡng chế nợ (tự động in các mẫu biểu, hồ sơ cưỡng chế), kết quả:

+ 10 tháng đầu năm, Cục Thuế đã ban hành 3.579 quyết định cưỡng chế trích tiền từ tài khoản đối với các DN có số thuế nợ 11.877 tỷ đồng.

+ Ban hành 313 Quyết định cưỡng chế nợ bằng biện pháp Thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với 311 DN, số tiền nợ 2.689 tỷ đồng.

Tuy nhiên biện pháp cưỡng chế hóa đơn có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp (DN không được xuất hóa đơn để bán hàng), dẫn đến DN càng không có nguồn để nộp nợ thuế, đồng thời ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp. Do đó khi thực hiện biện pháp này, cơ quan Thuế đã phải nghiên cứu kỹ, rà soát số liệu để đảm bảo cưỡng chế đúng đối tượng. Đồng thời theo quy trình hiện nay, thời gian để tiến hành 1 cuộc cưỡng chế hóa đơn còn khá dài, bình quân mất từ 11-12 ngày.

Căn cứ kiến nghị của các doanh nghiệp và cơ quan Thuế, hiện nay Bộ Tài chính đã có văn bản hướng dẫn thủ tục thông báo sử dụng hóa đơn lẻ cho các DN đã bị cưỡng chế hóa đơn khi có nhu cầu bán hàng, qua đó đã tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho DN tiếp tục hoạt động XSKD, từ đó có nguồn tài chính nộp ngân sách.

(5) Về công khai thông tin nợ thuế đối với các doanh nghiệp:

Đến thời điểm hiện nay, Cục Thuế thành phố Hà Nội đã phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí đăng công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên trangWeb của cơ quan Thuế 6 đợt với 521 doanh nghiệp nợ đọng thuế lớn, số tiền thuế nợ 5.356 tỷ và 40 dự án nợ tiền sử dụng đất lớn, số tiền thuế nợ 2.340 tỷ đồng; Đồng thời thực hiện cưỡng chế trích tiền gửi từ tài khoản ngân hàng đối với 100% các đối tượng đã công khai. Kết quả thu được số tiền là 1.475,5 tỷ đồng (thu

nợ thuế phí 579,5 tỷ; tiền sử dụng đất 896 tỷ). Trong thời gian tới Cục thuế sẽ tiếp tục công khai.

(6) Các công tác khác nhằm tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp nợ:

+ Gia hạn nộp thuế đối với: 13 DN, tổng số tiền gia hạn 55,4 tỷ;

+ Giải quyết nộp dần tiền thuế nợ đối với 01 đơn vị, số tiền: 3,2 tỷ.

+ Không tính tiền chậm nộp theo quy định đối với 19 đơn vị, số tiền: 119,3 tỷ đồng.

+ Giải quyết xóa nợ tiền thuế, tiền phạt không có khả năng thu hồi phát sinh trước ngày 01/7/2007 của 9 đơn vị số tiền 24,9 tỷ.

+ Thực hiện mở sổ chi tiết và tổng hợp theo dõi tình hình cam kết nộp nợ thuế của DN: tính từ đầu năm đến nay có 933 DN cam kết nộp dần từng tháng, số tiền nợ: 1.763 tỷ, số đã nộp được theo cam kết là 594 tỷ đồng.

(7) Kết quả 10 tháng đầu năm 2015 đã thu nợ được 8.137 tỷ đồng, trong đó: Thu nợ thuế, phí: 4.662 tỷ; Thu nợ các khoản liên quan đến đất: 3.476 tỷ.

Về dữ liệu nợ thuế

Căn cứ dữ liệu về nợ thuế theo Quy trình quản lý nợ trên hệ thống quản lý của cơ quan Thuế:

1. Nợ thuế đến 31/12/2014:

Tổng số: 22.734 tỷ, tính cả nợ chờ điều chỉnh là 22.901 tỷ (Gồm: Nợ khó thu: 2.124 tỷ; Nợ chờ xử lý: 2.010 tỷ; Nợ chờ điều chỉnh: 167 tỷ; Nợ có khả năng thu: 18.600 tỷ).

2. Nợ thuế đến 31/10/2015:

Tổng nợ thuế đến 31/10/ 2015 là: 21.850 tỷ (Nợ khó thu: 2.557 tỷ; Nợ có khả năng thu: 19.292 tỷ), trong đó:

- Nợ thuế, phí: 8.507 tỷ (Nợ khó thu: 1.550 tỷ; Nợ có khả năng thu: 6.957 tỷ).

- Nợ tiền chậm nộp: 7.091 tỷ (Nợ khó thu: 684 tỷ; Nợ có khả năng thu: 6.407 tỷ).

- Nợ các khoản liên quan đến đất: 6.250 tỷ (Nợ khó thu: 323 tỷ; Nợ có khả năng thu: 5.927 tỷ), chi tiết:

+ Nợ tiền SD đất: 3.752 tỷ (Nợ khó thu: 172 tỷ; Nợ có khả năng thu: 3.580 tỷ).

- Nợ tiền thuê đất: *2.362 tỷ* (Nợ khó thu: 147 tỷ; Nợ có khả năng thu: 2.214 tỷ).

- Nợ thuế SD đất phi NN: 135,7 tỷ (Nợ khó thu: 3,2 tỷ; Nợ có khả năng thu: 132,5 tỷ).

Phân tích cụ thể các khoản nợ thuế:

2.1. Nợ thuế phí: *8.507 tỷ*, tăng 1,8% so thời điểm 31/12/2014 *(Do nợ khó thu tăng), cụ thể:*

- Nợ khó thu: *1.550 tỷ*, tăng 34,5% so thời điểm 31/12/2014. Nguyên nhân chính là do 10 tháng đầu năm 2015 có 12.557 DN bỏ địa chỉ kinh doanh *(tăng 47% so cùng kỳ năm 2014)*, trong đó phần lớn các DN đều nợ thuế làm cho nợ khó thu tăng cao.

- Nợ có khả năng thu: *6.957 tỷ*, giảm 3,5% so thời điểm 31/12/2014.

Mặc dù những tháng đầu năm 2015 Cơ quan Thuế đã quyết liệt đôn đốc thu nợ, cưỡng chế nợ thuế nên số nợ có khả năng thu đã giảm so đầu năm nhưng số thuế nợ đến thời điểm 31/10/2015 vẫn ở mức cao. Nguyên nhân:

Trong năm 2015, tình hình kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi nhưng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro; Nền kinh tế trong nước đã có những chuyển biến tích cực nhưng chưa bền vững, năng lực cạnh tranh chưa cao. Nhu cầu sử dụng vốn của các doanh nghiệp để phục vụ SXKD chưa được cải thiện. Thị trường bất động sản những tháng đầu năm đã có dấu hiệu phục hồi nhưng không bền vững; tồn kho hàng hóa còn nhiều cho nhiều DN ứ đọng vốn. Đầu tư, mua sắm tài sản công bị hạn chế, đặc biệt nhiều công trình XDCB bằng nguồn vốn ngân sách nhưng chậm được thanh toán dẫn đến công nợ lẫn nhau giữa các DN thi công xây lắp. (Chỉ tính riêng số nợ thuế của khối DN hoạt động trong lĩnh vực xây dựng đã chiếm tỷ trọng 40,7% trên tổng nợ thuế có khả năng thu).

Trong tổng số nợ thuế, phí có khả năng thu 6.957 tỷ phân loại theo Quy trình, có 2.766 tỷ thực tế rất khó thu.

+ Các đơn vị khó khăn về tài chính, mất khả năng thanh toán, cơ quan Thuế đã áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ (trích tiền từ tài khoản, thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng, công khai lên phương tiện thông tin đại chúng) nhưng vẫn không thu được nợ là 2.584 đơn vị, số tiền thuế nợ 1.629 tỷ.

+ Có 425 DN tuy có gửi tờ khai thuế (nhưng không phát sinh doanh thu) khi cơ quan Thuế kiểm tra địa điểm kinh doanh thì không còn hoạt động, số tiền nợ 94 tỷ.

+ Có 1.124 DN do thiếu vốn, không có dòng tiền nên không có nguồn tài chính để nộp thuế, số tiền nợ là: 1.043 tỷ (Khu vực DNNN trung ương: 868 tỷ, DNNN địa phương: 532 tỷ, DN có vốn ĐTNN: 432 tỷ, DN ngoài QD: 934 tỷ).

+ Nhiều DN thi công các công trình vốn NSNN nhưng chưa được NSNN thanh toán nên không có nguồn để nộp thuế. Tính đến thời điểm hiện tại Cục thuế Hà Nội đã tiếp nhận 14 hồ sơ đề nghị không tính tiền chậm nộp do thi công công trình thuộc nguồn vốn Ngân sách đang nợ nên không có nguồn để nộp thuế, số tiền nợ: 269 tỷ đồng.

+ Nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong SXKD, nhiều tháng liền không phát sinh doanh thu nên không có nguồn tài chính để nộp nợ thuế (số thuế nợ hơn 170 tỷ).

Điển hình một số DN nợ lớn, nợ kéo dài: Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long nợ 195 tỷ (chưa kể nợ tiền chậm nộp 185 tỷ); Tổng công ty công nghiệp

Tàu Thủy nợ 66,5 tỷ (chưa kể nợ tiền chậm nộp 72,4 tỷ); Tổng công ty cơ khí xây dựng - CTy TNHH một thành viên nợ 48,6 tỷ, (chưa kể nợ tiền chậm nộp 43,5 tỷ); Công ty CP cầu 12-Cienco1 nợ 38 tỷ (chưa kể nợ tiền chậm nộp 62 tỷ); Công ty CP Viglacera Hà Nội nợ 40,4 tỷ, (chưa kể nợ tiền chậm nộp 85,2 tỷ); Công ty CP CAVICO XD cầu hầm nợ 44,4 tỷ (chưa kể nợ tiền chậm nộp 46,6 tỷ); Công ty cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà nợ 45,1 tỷ (chưa kể nợ tiền chậm nộp 27,1 tỷ)...

* *Phân tích tỷ trọng nợ thuế, phí theo thành phần kinh tế:* Nợ thuế, phí khu vực DNNN trung ương nợ chiếm 38% tổng nợ thuế, phí; Khu vực DNNN địa phương nợ chiếm tỷ trọng 4,5%; Khu vực DN có vốn ĐTNN chiếm tỷ trọng 7%; DN ngoài quốc doanh chiếm tỷ trọng 48,5%; Hộ kinh doanh cá thể chiếm tỷ trọng 2% tổng nợ thuế, phí.

* *Phân tích nợ thuế, phí theo ngành nghề:* Lĩnh vực sản xuất nợ thuế, phí chiếm 7,3% tổng nợ thuế, phí; Lĩnh vực kinh doanh bất động sản 14%, Lĩnh vực xây dựng chiếm tỷ trọng 40,7%; Lĩnh vực thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng 18%; Các lĩnh vực khác chiếm tỷ trọng 20% tổng nợ thuế, phí.

2.2. Nợ tiền chậm nộp: 7.091 tỷ, tăng 38,9% so thời điểm 31/12/2014, trong đó:

- Nợ khó thu: 684 *tỷ*, tăng 118,8% so thời điểm 31/12/2014.

- Nợ có khả năng thu: *6.407 tỷ*, tăng 33,7% so thời điểm 31/12/2014, tăng 20,4% so thời điểm 30/4/2015.

Trong tổng số tiền chậm nộp có khả năng thu trên, có khoảng 3.668 tỷ thực tế rất khó thu.

Nguyên nhân nợ tiền chậm nộp tăng cao so đầu năm là do:

+ Theo quy định, tất cả các khoản nợ đều bị tính tiền chậm nộp, do vậy số nợ khó thu (thực tế không thu được) vẫn phải tính tiền chậm nộp.

+ Hầu hết các DN nợ thuế chỉ quan tâm đến nộp nợ gốc, chưa nộp hoặc nộp rất ít nợ tiền chậm nộp do nợ tiền chậm nộp không bị tính tiền chậm nộp; Có một số DN còn trông chờ vào việc Nhà nước xóa nợ tiền chậm nộp.

+ Nhiều DN có số thuế nợ lớn nhưng không có tiền nộp nợ thuế (hoặc chỉ nộp một phần) theo luật định phải tính tiền chậm nộp (0,05%/ ngày tính trên số tiền chậm nộp kể từ khi hết thời hạn nộp);

+ Bên cạnh đó có những DN không nộp (hoặc chỉ nộp một phần) số thuế đã kê khai làm cho nợ mới phát sinh, phải tính tiền chậm nộp.

+ Nhiều DN nhận thầu lại các công trình có nguồn vốn NSNN nhưng Nhà thầu chính chưa được NSNN thanh toán nên không có nguồn để nộp thuế. Tuy nhiên theo chính sách hiện hành chỉ có các nhà thầu chính ký hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư mà ngân sách chưa thanh toán dẫn đến nợ thuế mới không phải tính tiền chậm nộp trên số thuế nợ, còn lại các DN nhận thầu lại (không ký trực tiếp, không được chủ đầu tư thanh toán trực tiếp) vẫn bị tính tiền chậm nộp.

+ Một số dự án đã có Quyết định giao đất của Thành phố nhưng chưa bàn giao mặt bằng, chưa triển khai cơ quan Thuế vẫn phải ra thông báo thu tiền sử dụng đất, phải tính tiền chậm nộp nếu chủ đầu tư chưa nộp tiền sử dụng đất.

2.3. Nợ các khoản liên quan đến đất: 6.250 tỷ, giảm 8,2% so thời điểm 31/12/2014, trong đó:

- Nợ khó thu: *323 tỷ*, giảm 11,2% so thời điểm 31/12/2014.

- Nợ có khả năng thu: ***5.927 tỷ***, giảm 18% so thời điểm 31/12/2014.

a. Nợ tiền SD đất: ***3.752 tỷ*** (của 66 dự án), giảm 10,9% so thời điểm 31/12/2014, trong đó:

- Nợ khó thu: 172 tỷ, giảm 2,8% so thời điểm 31/12/2014; Một số dự án nợ khó thu như: Dự án Nhà ở chung cư cao tầng để bán cho cán bộ quận Cầu Giấy và đối tượng khác ở Ngõ 259 phố Yên Hoà, quận Cầu Giấy của Công ty cổ phần Thanh Bình Hà Nội có vướng mắc hộ dân khiếu kiện, UBND quận yêu cầu dừng triển khai dự án - nợ 46 tỷ; Dự án nhà cao tầng, văn phòng, căn hộ để bán tại 120 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy của TCT Thép Việt Nam do vướng mắc đơn vị đã có văn bản đề nghị thu hồi đất, không thực hiện dự án - nợ 55 tỷ; Dự án toà nhà chung cư, văn phòng hỗn hợp tại số 12 ngõ 115 phố Định Công do Công ty TNHH Định Công làm chủ đầu tư nợ 71 tỷ.

- Nợ có khả năng thu: ***3.580 tỷ***, giảm 11,3% so thời điểm 31/12/2014.

Tuy nhiên trong số nợ có khả năng thu nêu trên, có 1.296 tỷ thực tế rất khó thu do các chủ đầu tư gặp khó khăn như mất cân đối tài chính, không bán được hàng không có khả năng nộp tiền SDĐ (Ví dụ: Dự án Khu nhà ở Đồi Dền tại thị xã Sơn Tây do Công ty cổ phần TM và XD Á Châu làm chủ đầu tư - Nợ 231 tỷ; Dự án khu văn phòng giao dịch thương mại, giới thiệu sản phẩm và nhà ở tại thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ do Công ty cổ phần Lộc Ninh làm chủ đầu tư - Nợ 44 tỷ; Dự án văn phòng, trung tâm TM và nhà ở 52 Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai do Công ty CP Lilama làm chủ đầu tư - Nợ 27 tỷ ...)

Hàng tháng, Cục Thuế đã phân tích kỹ nguyên nhân nợ, tình trạng hoạt động của từng dự án để có biện pháp thu nợ phù hợp, hiệu quả: Đối với các dự án đã được gia hạn, đến hạn nộp, đã bán hàng nhưng chưa nộp đã cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản nhưng chưa thu hồi hết nợ kiên quyết áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng.

b. Nợ tiền thuê đất: ***2.362 tỷ***, giảm 5% so 31/12/2014, trong đó:

- *Nợ khó thu:* ***147 tỷ***, giảm 6,2% so 31/12/2014.

Ví dụ: Công ty cổ phần đầu tư và dầu khí VINASHIN nay là công ty cổ phần vận tải và bất động sản Việt Hải nợ 33,33 tỷ (các điểm đất thuê tại Văn Khê, Mê Linh; Công ty kỹ thuật điện thông nợ 14,084 tỷ (02 điểm đất thuê tại phường Bạch Mai, Hai Bà Trưng); Công ty sản xuất công nghiệp và xây lắp Hà Nội nợ 5,513 tỷ đối với điểm đất thuê tại phường Trần Phú, Hoàng Mai, ...

- *Nợ có khả năng thu:* ***2.214 tỷ***, giảm 4,5% so 31/12/2014.

Ví dụ: Công ty cổ phần đầu tư và du lịch An Phát nợ 42,9 tỷ đối với điểm đất tại Thanh Lâm, Mê Linh; Công ty CP Đóng Tầu Hà Nội nợ 11 tỷ (điểm đất thuê tại phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai); Công ty TNHH Liên Doanh ĐTXD Tam Trinh nợ 11,5 tỷ (điểm đất thuê tại Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai); Công ty TNHH MTV CN Tàu thuỷ và Xây dựng Sông Hồng nợ 15,651 tỷ (điểm đất tại phường Trần Phú, quận Hoàng Mai).

** Nguyên nhân nợ tiền thuê đất tuy đã giảm so thời điểm 31/12/2014 nhưng vẫn ở mức cao là do:*

+ Số nợ thuê đất lớn chủ yếu do chính sách thu tiền thuê đất thay đổi tăng trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn nên nhiều tổ chức, các nhân không có khả năng tài chính để nộp nợ; Đặc biệt đối với khu vực Hà Tây cũ, đơn giá thuê đất tăng cao do giá đất sau khi Hà Nội mở rộng tăng đột biến so với Hà Tây cũ (có đơn vị sau điều chỉnh tăng 81 lần so với trước đây). Mặc dù trong giai đoạn 2011-2014, Chính phủ đã có chính sách giảm tiền thuê đất nhưng trong năm 2011, 2012 việc giảm tiền thuê đất chỉ áp dụng cho các tổ chức kinh tế (năm 2011 chỉ giảm đối với tổ chức hoạt động trong lĩnh vực sản xuất), không giảm cho hộ gia đình và cá nhân thuê đất nên nhiều đối tượng này nợ tiền thuê đất kéo dài *(Có 1.549 trường hợp, số nợ 1.454 tỷ đồng).*

+ Một số doanh nghiệp gặp vướng mắc giải phóng mặt bằng nên chưa thể triển khai hoặc phải điều chỉnh quy hoạch, phương án kiến trúc...*(92 đơn vị, nợ 415 tỷ đồng);* một số doanh nghiệp thuộc đối tượng được miễn, giảm, được khấu trừ tiền giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất nhưng do có vướng mắc về hồ sơ nên chưa được khấu trừ, vẫn phải tính nợ *(115 đơn vị; số nợ 345 tỷ đồng)*

+ Nhiều đối tượng thuế đất do khó khăn về tài chính nên nợ tiền thuê đất kỳ 1 (sau tháng 5), kỳ 2 (sau tháng 10) làm cho số nợ tăng cao.

c. Nợ tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: ***135 tỷ***, tăng 26,1% so 31/12/2014, trong đó:

- Nợ khó thu 3,2 tỷ, giảm 89% so thời điểm 31/12/2014;

- Nợ có khả năng thu 132 tỷ, tăng 69,5% so 31/12/2014. Nguyên chủ yếu do các hộ dân nợ tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp kỳ 1, 2 năm 2015.

III. Những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nợ thuế hiện nay

1. Đối với công tác quản lý nợ:

- Số liệu nợ thuế còn sai lệch do nhiều nguyên nhân: Từ người nộp thuế nộp nhầm mục lục ngân sách, sai mã số thuế; do ứng dụng tin học của cơ quan Thuế có lúc bị lỗi; do Ngân hàng, Kho bạc hạch toán số thu nhầm mục, tiểu mục... làm mất nhiều thời gian, công sức để đối chiếu, xử lý dữ liệu sai, nhất là đối với Người nộp thuế; gây khó khăn cho cơ quan Thuế trong các bước cưỡng chế nợ thuế tiếp theo.

- Theo quy định hiện hành, tất cả các khoản nợ đều bị tính tiền chậm nộp, nên số nợ khó thu (thực tế không thu được) vẫn phải tính tiền chậm nộp; Các DN thi công xây lắp các công trình từ nguồn vốn ngân sách nhưng chưa được

Nhà nước thanh toán nên nợ thuế nếu không trực tiếp ký hợp đồng với chủ đầu tư thì vẫn bị tính tiền chậm nộp; Hầu hết các DN nợ thuế chỉ quan tâm đến nộp nợ gốc, chưa nộp hoặc nộp rất ít nợ tiền chậm nộp do nợ tiền chậm nộp không bị tính tiền chậm nộp; Một số dự án đã có Quyết định giao đất của Thành phố nhưng chưa bàn giao mặt bằng, chưa triển khai cơ quan Thuế vẫn phải ra thông báo thu tiền sử dụng đất, phải tính tiền chậm nộp nếu chủ đầu tư chưa nộp tiền sử dụng đất... Do đó số tiền chậm nộp ngày càng tăng cao (số tiền chậm nộp tăng hàng nghìn tỷ đồng/năm).

- Hiện nay chưa có quy định cụ thể trong việc phối hợp, hỗ trợ giữa cơ quan chức năng với cơ quan Thuế để đôn đốc, cưỡng chế nợ thuế đối với những doanh nghiệp nợ thuế nhưng bỏ địa chỉ kinh doanh nên hầu như cơ quan Thuế không thu được nợ đối với những đối tượng này.

- Nhiều doanh nghiệp khi thay đổi địa chỉ kinh doanh, địa chỉ nhận thông báo thuế nhưng không làm thủ tục bổ sung thông tin cho cơ quan thuế nên thông báo nợ thuế của cơ quan Thuế không có người nhận, thường bị trả lại, gây khó khăn cho công tác đôn đốc nộp thuế, nộp nợ thuế.

- Thông báo nợ thuế, Thư trao đổi thông tin của cơ quan Thuế gửi Người nộp thuế không đủ sức răn đe.

- Số lượng cán bộ làm công tác quản lý nợ còn thiếu so với đối tượng nợ thuế (Bình quân tại Văn phòng Cục Thuế mỗi cán bộ quản lý 250 đơn vị nợ thuế, tại Chi cục thuế mỗi cán bộ quản lý 603 DN và hộ kinh doanh nợ thuế); trình độ cán bộ không đồng đều đã ảnh hưởng lớn đến công tác phân tích, đánh giá nợ để có giải pháp đôn đốc, cưỡng chế phù hợp, hiệu quả.

2. Đối với công tác cưỡng chế nợ:

- Một số quy định hiện nay còn chưa thực sự phù hợp với điều kiện thực tế như: Doanh nghiệp được phép nộp dần số tiền nợ thuế trong 12 tháng nhưng *phải có bảo lãnh của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về số tiền thuế nợ đề nghị nộp dần;* trong khi đó nhiều doanh nghiệp thực sự khó khăn, số tiền thuế nợ phát sinh từ nhiều năm trước do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế, do làm ăn thua lỗ...sẽ rất khó được các tổ chức tín dụng bảo lãnh do cơ chế quản lý, thủ tục bảo lãnh của các ngân hàng hết sức chặt chẽ. Mặc dù các doanh nghiệp này có văn bản gửi cơ quan Thuế cam kết đề nghị được nộp dần nợ thuế (thực tế đang thực hiện đúng cam kết nộp dần) nhưng do không có bảo lãnh của các tổ chức tín dụng nên cơ quan thuế vẫn phải áp dụng cưỡng chế tài khoản, hóa đơn, gây khó khăn thêm cho doanh nghiệp.

- Qua thực tiễn, Cục Thuế nhận thấy, trong số 7 biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế (quy định tại khoản 1, Điều 93 Luật quản lý thuế) thì biện pháp cưỡng chế trích tiền từ tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng của các doanh nghiệp là biện pháp hiệu quả và phù hợp nhất, không gây khó khăn, tác động trực tiếp tới hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Tuy nhiên việc thực hiện công tác cưỡng chế nợ thuế theo quy định và quy trình cưỡng chế hiện nay là chưa phù hợp và hiệu quả do sự phối hợp liên thông về thông tin giữa cơ quan thuế và các ngân hàng còn chưa được trao đổi, chia sẻ thường

xuyên, kịp thời, có quan thuế thiếu thông tin về dòng tiền của các doanh nghiệp tại các ngân hàng dẫn tới sự không đồng nhất giữa thời điểm cưỡng chế nợ với thời điểm phát sinh dòng tiền của các doanh nghiệp tại các ngân hàng.

- Đối với thời điểm hiệu lực thi hành của quyết định cưỡng chế tài khoản:

+ Theo quy định tại Điều 24 mục 1 chương II Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế: "Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày ban hành quyết định. Riêng đối với quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ban hành quyết định."

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Mục 1 Thông tư số 215/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về Thời hiệu thi hành quyết định cưỡng chế: "Quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày ghi trong quyết định cưỡng chế. Thời hiệu áp dụng cưỡng chế được ghi trong quyết định cưỡng chế.

Riêng quyết định cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày ghi trong quyết định cưỡng chế. Thời hiệu áp dụng cưỡng chế là 30 (ba mươi) ngày được ghi trong quyết định cưỡng chế."

+ Theo phần Hướng dẫn lập Quyết định tại mẫu số 01/QĐ-TK (Quyết định Về việc cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế tại kho bạc nhà nước, tổ chức tín dụng) ban hành kèm theo Quyết định số 751/QĐ-TCT ngày 20/4/2015 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế.

Tại Điều 3 "Quyết định có hiệu lực":

"từ ngày": là ngày làm việc thứ 5 kể từ ngày ban hành quyết định.

"đến ngày": tính "từ ngày" cộng thêm 30 ngày."

Căn cứ tại các quy định nêu trên, thời điểm có hiệu lực thi hành của Quyết định cưỡng chế đang có sự không đồng nhất, chưa rõ ràng giữa nội dung hướng dẫn tại Quy trình cưỡng chế nợ thuế với quy định tại Điều 24 Mục 1 Chương II Nghị định 129/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Nếu theo hướng dẫn tại quy trình sẽ dẫn đến việc khi dòng tiền xuất hiện nhưng Quyết định lại chưa có hiệu lực và việc NNT có thể lợi dụng thời gian quyết định chưa có hiệu lực thi hành để thực hiện việc rút tiền khỏi tài khoản nhằm tránh bị cưỡng chế.

- Đối với công tác cưỡng chế bằng phương pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng đối với DN: biện pháp cưỡng chế này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động SXKD của doanh nghiệp (DN không được xuất hóa đơn để bán hàng), dẫn đến DN càng không có nguồn để nộp nợ thuế, đồng thời ảnh hưởng đến uy tín và thương hiệu của doanh nghiệp. Do đó khi thực hiện biện pháp này, cơ quan Thuế đã phải nghiên cứu kỹ, rà soát số liệu để đảm bảo cưỡng chế đúng

đối tượng. Đồng thời theo quy trình hiện nay, thời gian để tiến hành 1 cuộc cưỡng chế hóa đơn còn khá dài, bình quân mất từ 11-12 ngày.

- Về chế tài sau cưỡng chế: Theo quy định hiện hành, sau khi cưỡng chế tài khoản 30 ngày nếu Người nợ thuế không nộp nợ thuế thì tiếp tục biện pháp cưỡng chế hóa đơn - thời hiệu 12 tháng như vậy khá dài - sau đó mới đến các bước tiếp theo: Cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên; thu tiền,tài sản của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức, cá nhân khác nắm giữ; thu hồi giấy chứng nhận ĐKKD, giấy chứng nhận ĐK DN, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép hành nghề. Các bước cưỡng chế tiếp theo rất khó khăn và phức tạp, cần có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan có liên quan nên rất khó thực hiện.

- Quy định chế tài xử phạt đối với các đơn vị cố tình vi phạm còn chưa đủ mạnh, chưa mang tính răn đe: Luật quản lý thuế không quy định chế tài xử lý hình sự đối với NNT nợ tiền thuế, tiền chậm nộp.

IV. Các giải pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý nợ thuế nhằm giảm nợ đọng thuế cuối năm

Để góp phần tăng thu ngân sách, đồng thời phấn đấu số nợ thuế thời điểm 31/12/2015 ở mức thấp nhất, Cục Thuế tiếp tục tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Thành phố, của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế trong công tác quản lý nợ thuế; tiếp tục phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả với các ngành, các cấp tăng cường đôn đốc thu nợ, cưỡng chế nợ thuế; chỉ đạo quyết liệt, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhóm giải pháp công tác quản lý nợ thuế đảm bảo đúng luật định và đúng quy trình, trong đó tập trung những nội dung sau:

(1) Tiếp tục nắm bắt tình hình SXKD của các doanh nghiệp nợ thuế; thu thập thông tin phản hồi của Người nộp thuế (qua thư điện tử trao đổi thông tin với doanh nghiệp, qua điện thoại, qua đối thoại trực tiếp, qua các phương tiện thông tin truyền thông) để tiếp thu ý kiến, kiến nghị của DN về các vướng mắc cơ chế, chính sách thuế, qua đó xem xét và giải quyết ngay cho DN; trường hợp vượt quá thẩm quyền kịp thời báo cáo tham mưu UBND Thành phố, Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế xem xét giải quyết.

(2) Tiếp tục phối hợp với các Ngành, các cấp tham mưu Thành phố kịp thời tháo gỡ khó khăn cho DN trong quá trình hoạt động SXKD; Kiến nghị các cấp có thẩm quyền tạo cơ chế, chính sách để DN có nguồn vốn phát triển sản xuất kinh doanh, qua đó tăng thu nhập để có nguồn tài chính nộp tiền nợ thuế, đồng thời tạo nguồn thu bền vững cho ngân sách.

Chủ động phối hợp với các Sở, ngành thường xuyên rà soát, kiến nghị, tham mưu Thành phố cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, chỉnh sửa và bổ sung các cơ chế, chính sách theo hướng minh bạch, thông thoáng, phù hợp với pháp luật hiện hành trong các lĩnh vực quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng, cấp giấy chứng nhận ĐKKD, cấp phép ngành nghề KD có điều kiện; khai nộp lệ phí trước bạ ô tô xe máy, nhà đất...; Tăng cường xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, nâng cao thương hiệu của DN, hỗ trợ DN tiếp cận, vay vốn; Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý; Thực hiện tốt các chính miễn, giảm, gia hạn về thuế của Nhà

nước nhằm tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ về vốn để các DN duy trì, phát triển SXKD. Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế "một cửa liên thông", tiến tới "một cửa liên thông điện tử" giữa các cơ quan Thành phố.

(3) Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính thuế mà trọng tâm là cải cách TTHC là khâu đột phá; Lấy sự hài lòng của NNT, của nhân dân là mục tiêu chính để cải cách TTHC thuế; Chuyển nền hành chính quản lý thuế sang nền hành chính phục vụ một cách thực chất; Thường xuyên rà soát, đánh giá lại toàn bộ các TTHC thuế; thu thập thông tin phản hồi từ người dân; tập hợp những khó khăn, vướng mắc có liên quan đến việc khai và nộp thuế để kịp thời kiến nghị các cấp có thẩm quyền đề nghị cắt giảm, sửa đổi các TTHC thuế không còn phù hợp; xử lý kịp thời hoặc kiến nghị xử lý những vướng mắc của NNT, tạo thuận lợi, rút ngắn thời gian, chi phí tuân thủ pháp luật thuế cho NNT; Tiếp tục đưa ứng dụng CNTT vào tất cả các khâu trong quản lý để tạo thuận lợi, đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng cho NNT khi thực hiện pháp luật thuế, đồng thời xác định rõ được trách nhiệm của từng khâu, từng CBCC thuế nhằm ngăn ngừa vi phạm.

(4) Tăng cường đôn đốc thu nộp thuế hàng tháng sát số đã kê khai nhằm hạn chế nợ mới phát sinh.

(5) Tiếp tục rà soát cơ sở dữ liệu về thuế, đặc biệt dữ liệu về nợ thuế để đảm bảo dữ liệu "sạch" phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành; đảm bảo dữ liệu chính xác phục vụ công tác đôn đốc thu nợ, nhất là công tác cưỡng chế nợ thuế.

(6) Nghiêm chỉnh thực hiện đúng quy định tại các Luật thuế, các Quy trình về công tác quản lý nợ thuế, trong đó chú trọng:

- Tiếp tục thực hiện việc phân loại nợ; phân tích nguyên nhân nợ thuế của từng đối tượng nợ thuế, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nợ trọng điểm để có giải pháp đôn đốc thu nợ hiệu quả: động viên, thuyết phục doanh nghiệp có kế hoạch phân chia nguồn tiền để đảm bảo vừa duy trì, phát triển sản xuất kinh doanh, vừa có tiền nộp nợ thuế; ban hành thông báo nợ và tiền chậm nộp đối với đối tượng nợ thuế để đôn đốc thu nợ; Gửi thư trao đổi thông tin với doanh nghiệp để đối chiếu, xử lý nợ thuế.

- Kiên quyết cưỡng chế tài khoản, cưỡng chế hóa đơn đối với những doanh nghiệp nợ thuế theo quy định hiện hành và theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế.

Riêng đối với những trường hợp nợ thuế xử lý sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; nợ của những đơn vị đang hoạt động SXKD, có doanh thu bán hàng, có dòng tiền luân chuyển; nợ tiền sử dụng đất của các dự án được gia hạn nhưng quá hạn chưa nộp, dự án đã bán hàng, thu tiền thì cơ quan Thuế sẽ kiên quyết áp dụng biện pháp cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không có giá trị sử dụng và các biện pháp mạnh khác theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên phối hợp với các cơ quan báo, đài tiếp tục công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang Web của ngành Thuế danh sách những đơn vị dây dưa nợ thuế kéo dài, đặc biệt là các dự án nợ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất lâu ngày, số nợ lớn hoặc đã được gia hạn nhưng không chấp hành nộp đúng thời hạn.

V. Kiến nghị

Bên cạnh việc cơ quan Thuế triển khai quyết liệt các giải pháp đôn đốc thu nợ, cưỡng chế nợ thuế, để đảm bảo số nợ thuế đến 31/12/2015 ở mức thấp nhất, kiến nghị các cấp có thẩm quyền một số nội dung sau:

1. Về nợ tiền sử dụng đất:

Ngày 20/11/2015 Cục Thuế thành phố Hà Nội đã có Văn bản số 74340/CT-QLĐ báo cáo UBND Thành phố nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tiền sử dụng đất của các dự án trên địa bàn Thành phố, đồng thời giảm thiểu số nợ đọng tiền sử dụng đất đang theo dõi trên hệ thống quản lý của cơ quan Thuế, cụ thể:

- Đối với 2 dự án phát triển nhà ở thương mại đã có văn bản chấp thuận chủ trương chuyển sang nhà ở xã hội của UBND Thành phố: kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành chức năng và chủ đầu tư dự án khẩn trương hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đầu tư, xây dựng, đất đai … trình UBND Thành phố xem xét, ban hành Quyết định chuyển đổi sang dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để xác định lại nghĩa vụ tài chính của dự án (miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật). Cục Thuế đề xuất chưa tính tiền chậm nộp trên số tiền sử dụng đất còn nợ đến khi có Quyết định của UBND Thành phố.

- Đối với 4 dự án đã có văn bản chấp thuận chủ trương của UBND Thành phố cho phép đối trừ tiền sử dụng đất theo hình thức ghi thu ghi chi (dự án xây dựng đường giao thông , trường học …): kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo Sở, ngành chức năng tham mưu UBND Thành phố ban hành văn bản chính thức cho phép đối trừ tiền sử dụng đất theo hình thức BT và xác định cụ thể số tiền sử dụng đất được đối trừ để giảm số nợ tiền sử dụng đất chờ xử lý đang theo dõi; tạm thời chưa tính tiền chậm nộp số tiền sử dụng đất còn nợ đến khi có văn bản chính thức của UBND Thành phố cho phép đối trừ.

- Có 2 dự án đã có văn bản báo cáo không tiếp tục thực hiện dự án và đề nghị thu hồi lại đất; dự án không đủ điều kiện để cấp phép xây dựng do không phù hợp quy hoạch: kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo Sở, ngành chức năng rà soát, tham mưu UBND Thành phố xem xét, giải quyết theo thẩm quyền. Trong thời gian đó, tạm thời chưa tính tiền chậm nộp số tiền sử dụng đất còn nợ, khi có ý kiến chính thức của UBND Thành phố sẽ tiếp tục xử lý theo quy định.

- Đối với 4 dự án đang điều chỉnh quy hoạch: kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành chức năng rà soát việc điều chỉnh quy hoạch; khẩn trương tham mưu trình UBND Thành phố ban hành Quyết định điều chỉnh, bổ sung quy hoạch để có căn cứ xác định chính xác số tiền sử dụng đất phải nộp sau điều chỉnh; trong thời gian chờ điều chỉnh quy hoạch nếu dự án đang dừng triển khai thì tạm thời chưa áp dụng biện pháp cưỡng chế đối với số tiền sử dụng đất đang nợ đọng. Trường hợp dự án trong thời gian chờ điều chỉnh quy hoạch nhưng vẫn tiếp tục triển khai xây dựng, bán hàng thì kiên quyết áp dụng các biện pháp cưỡng chế để thu hồi nợ đọng.

- Đối với 11 dự án theo báo cáo của Chủ đầu tư: dự án chưa hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, chưa được bàn giao đất thực tế: kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành chức năng phối hợp với chủ đầu tư khẩn trương đẩy

nhanh tiến độ Giải phóng mặt bằng (GPMB); Căn cứ thời điểm bàn giao đất thực tế thực hiện xác định nghĩa vụ tài chính phải nộp chính thức của dự án. Trong thời gian thực hiện công tác GPMB, tạm thời chưa áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ đọng và chưa tính tiền chậm nộp số tiền sử dụng đất còn nợ.

- Đối với 2 dự án đề nghị được chuyển đổi từ mục đích kinh doanh, dịch vụ sang mục đích kinh doanh dịch vụ kết hợp nhà ở: kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành chức năng khẩn trương rà soát, xem xét, giải quyết đề nghị của chủ đầu tư. Trường hợp đủ điều kiện tham mưu trình UBND Thành phố ban hành Quyết định điều chỉnh mục đích sử dụng đất để xác định lại nghĩa vụ tài chính phải nộp của dự án; trường hợp không đủ điều kiện thì sớm có văn bản trả lời để đơn vị tiếp tục thực hiện dự án và thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố, tạm thời chưa áp dụng các biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ đọng.

- Có một dự án không bán được hàng, mất khả năng thanh toán: kiến nghị UBND Thành phố chỉ đạo các Sở, ngành chức năng xem xét xây dựng phương án thu hồi một phần diện tích đất của dự án tương đương với số tiền sử dụng đất nợ đọng giao Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý hoặc thu hồi dự án giao chủ đầu tư khác tiếp tục thực hiện.

2. Về nợ tiền thuê đất:

- Kiến nghị UBND Thành phố tiếp tục đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét mở rộng đối tượng giảm tiền thuê đất năm 2011 - 2012 cho hộ gia đình, cá nhân thuê đất.

- Đối với các trường hợp vướng mắc về giải phóng mặt bằng, kiến nghị UBND Thành phố yêu cầu UBND quận, huyện phối hợp với chủ đầu tư khẩn trương hoàn thành công tác GPMB để sớm triển khai dự án. Đối với các trường hợp đang tiến hành điều chỉnh các chỉ tiêu quy hoạch, xây dựng, mục tiêu đầu tư... kiến nghị UBND Thành phố giao các Sở, ngành liên quan hướng dẫn, phối hợp chủ đầu tư hoàn thiện các thủ tục có quy hoạch, đầu tư, đất đai, xây dựng.

- Kiến nghị UBND Thành phố xem xét chỉ đạo Liên ngành thành phố và UBND quận huyện rà soát, kiểm tra và đề xuất việc thu hồi đất thuê đối với những trường hợp nợ tiền thuê đất kéo dài, đã áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ nhưng không thu được số tiền nợ; sử dụng đất kém hiệu quả, sai mục đích.

3. Kiến nghị với Bộ Tài chính:

- Kiến nghị có cơ chế không tính tiền chậm nộp đối với các DN thi công trực tiếp các công trình có vốn ngân sách nhưng chưa được thanh toán dẫn đến nợ thuế.

- Để nâng cao hiệu quả công tác cưỡng chế, thu hồi nợ thuế, Cục Thuế thành phố Hà Nội kiến nghị cần có sự kết nối, chia sẻ thông tin cũng như xây dựng cơ chế trao đổi, hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông giữa cơ quan thuế với hệ thống ngân hàng, từ đó khi các doanh nghiệp nợ thuế phát sinh dòng tiền tại bất cứ ngân hàng nào trong hệ thống ngân hàng thì các ngân hàng đó sẽ tự động trích số tiền nợ để nộp vào NSNN đến khi hết nợ, đồng thời tự động hạch toán giảm trừ số nợ thuế trên hệ thống.

- Về chính sách cho nộp dần tiền thuế nợ: Đối với những trường hợp thật sự khó khăn về tài chính, không có khả năng nộp được hết một lần số thuế nợ sẽ cho phép NNT được cam kết chia dần số thuế nợ nộp trong 12 tháng mà không cần bảo lãnh của bên ngân hàng, tổ chức tín dụng, khi đó cơ quan thuế chưa thực hiện cưỡng chế nợ thuế. Trường hợp NNT không thực hiện nộp được theo đúng cam kết thì bị cưỡng chế nợ thuế ngay.

- Kiến nghị sửa đổi, hướng dẫn thống nhất, rõ ràng về thời điểm có hiệu lực của Quyết định cưỡng chế nợ giữa Quy trình và Nghị định đối với biện pháp trích tiền từ tài khoản là "có hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định", theo đó, ngay sau khi ban hành Quyết định, cơ quan thuế sẽ gửi Quyết định có xác thực chữ ký số tới các ngân hàng thông qua hệ thống thư điện tử (mỗi ngân hàng sẽ đăng ký 1 địa chỉ email chuyên dụng với cơ quan thuế để nhận các Quyết định cưỡng chế) hoặc xây dựng hệ thống trao đổi dữ liệu liên thông giữa các ngân hàng với cơ quan thuế để các ngân hàng có thể nhận được các Quyết định cưỡng chế nợ thuế ngay sau khi ban hành và thực hiện cưỡng chế kịp thời, hiệu quả. Đồng thời, triển khai thực hiện việc gửi Thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp (Mẫu 07), các Quyết định cưỡng chế nợ thuế đã được xác thực bằng chữ ký số cho NNT thông qua phương thức điện tử để NNT nắm bắt, tra cứu kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí cho cả cơ quan thuế và NNT.

- Kiến nghị Nhà nước tăng chế tài xử lý đối với các đối tượng cố tình chây ỳ, dây dưa nợ thuế: Chẳng hạn quy định sau khi thực hiện biện pháp cưỡng chế hóa đơn mà Người nợ thuế chưa nộp nợ thì với ngưỡng (số thuế nợ) bao nhiêu, thời gian nợ bao nhiêu ngày sẽ chuyển sang xử lý hình sự.

4. Kiến nghị Tổng cục Thuế:

- Sửa đổi, bổ sung Quy trình cưỡng chế nợ thuế nhằm hạn chế những tồn tại, vướng mắc nêu trên, đảm bảo công tác cưỡng chế nợ thuế đạt hiệu quả cao.

- Ngày 25/11/2015 Cục Thuế thành phố Hà Nội có văn bản báo cáo, đề xuất, xin ý kiến chỉ đạo của Tổng cục Thuế: trong khi chờ ý kiến chỉ đạo của UBND thành phố Hà Nội về việc xử lý vướng mắc tiền sử dụng đất đối với 26 dự án trên địa bàn thành phố, cho phép Cục Thuế thành phố Hà Nội tạm thời được theo dõi riêng số nợ tiền sử dụng đất của các dự án này, chưa đưa số liệu nợ vào hệ thống ứng dụng quản lý nợ, tạm thời chưa tính tiền chậm nộp và chưa thực hiện các biện pháp cưỡng chế đối với các dự án trên cho đến khi có văn bản chính thức của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về số tiền sử dụng đất phải nộp của các dự án đó.

B. Nhóm vấn đề về khoa học, công nghệ và môi trường

Câu 3: Việc di dời các cơ sở gây ô nhiễm và không phù hợp quy hoạch.

Trả lời:

1. Thực trạng tình hình di dời cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm và không phù hợp quy hoạch:

a) Kết quả thực hiện

Trong những năm qua, thành phố Hà Nội đã tập trung giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường và di chuyển các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường không phù hợp với quy hoạch ra khỏi các quận nội thành.

- Ngoài việc hoàn thành thực hiện Kế hoạch xử lý triệt để 25 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn thành phố Hà Nội theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2003, thành phố Hà Nội đã chủ động rà soát, lập danh mục các cơ sở công nghiệp thuộc 17 ngành nghề có khả năng gây ô nhiễm môi trường và không phù hợp với quy hoạch. UBND Thành phố đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ (tại văn bản số 104/BC-UBND ngày 24/7/2009) nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt danh mục 17 lĩnh vực ngành nghề sản xuất công nghiệp có khả năng gây ô nhiễm môi trường đề nghị phải di dời ra nội thành. Tuy nhiên, Thành phố đã hướng dẫn, làm thủ tục cho 41 doanh nghiệp di dời cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi nội thành.

- Việc chuyển mục đích sử dụng đất và sử dụng quỹ đất của các cơ sở sau khi di dời thực hiện dự án đầu tư phù hợp quy hoạch xây dựng đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt (xây dựng công trình trường học các cấp, công trình hỗn hợp để kinh doanh...); đồng thời đảm bảo kinh phí để các cơ sở di dời đến nơi mới theo kế hoạch .

- Quá trình thực hiện di dời cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, UBND Thành phố Hà Nội đã có các văn bản: số 104/BC-UBND ngày 24/7/2009, số 113/BC-UBND ngày 08/08/2012 báo cáo Thủ tướng Chính phủ và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số cơ chế chính sách thực hiện. Đồng thời để quy định thời gian di dời hàng năm cho từng trường hợp cụ thể và đưa đất sử dụng theo quy hoạch, UBND Thành phố đã giao Sở Quy hoạch Kiến trúc chủ trì phối hợp với Viện quy hoạch xây dựng Hà Nội căn cứ quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch có liên quan rà soát từng vị trí mà doanh nghiệp di dời đi để bố trí phù hợp; Nghiên cứu điều chỉnh đồng bộ quy hoạch toàn khu vực làm cơ sở điều chỉnh cho từng dự án, không điều chỉnh chỉnh cục bộ từng khu đất khi chưa có quy hoạch toàn bộ khu vực; việc điều chỉnh quy hoạch phải phù hợp với phân vùng kiểm soát phát triển công trình cao tầng trong khu trung tâm, mục tiêu di chuyển nhà máy ra ngoài khu vực trung tâm theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, giảm mật độ dân số và tăng cường công trình công ích, công cộng.

- Đồng thời, UBND Thành phố đã phối hợp Bộ Xây dựng trong quá trình xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan đơn vị trong nội thành; làm việc với các Bộ, ngành Trung ương đẩy nhanh tiến độ di dời các cơ sở công nghiệp, y tế, giáo dục, một số trụ sở cơ quan Trung ương đảm bảo không tăng áp lực về dân số và hạ tầng nội đô.

b) Khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện:

Công tác di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường hoặc không phù hợp với quy hoạch ra khỏi khu vực đô thị và khu dân cư trên địa bàn Thành phố có nhiều khó khăn, vướng mắc dẫn đến tiến độ xử lý, di dời chậm do các nguyên nhân sau:

- Tâm lý doanh nghiệp ngại di chuyển ra xa nội thành, muốn dựa vào lợi thế vị trí đất để sản xuất kinh doanh, thuận tiện đi lại và sinh hoạt;

- Năng lực tài chính của hầu hết các doanh nghiệp còn hạn chế trong việc đầu tư thay đổi công nghệ sạch, đầu tư công nghệ xử lý nước thải, chất thải và đầu tư tại nơi di chuyển đến. Nguồn lực Nhà nước còn hạn chế trong đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ tại nơi di chuyển đến.

- Bối cảnh kinh tế suy thoái, khó khăn từ năm 2011 và việc lập, hoàn thiện quy hoạch ngành và quy hoạch xây dựng theo Quy hoạch chung Thủ đô mở rộng cùng với chủ trương hạn chế công trình cao tầng khu vực nội đô ảnh hưởng khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xây dựng phương án đầu tư, chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại cơ sở phải di dời

- Cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp di dời *(áp dụng theo quy định tại Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 về việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu Nhà nước và Quyết định số 140/2008/QĐ-TTg ngày 21/10/2008 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg, Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị của Thủ tướng Chính phủ)* còn một số bất cập, chưa phù hợp với thực tế chưa thực sự khuyến khích để doanh nghiệp tự nguyện, tích cực chuyển đổi ngành nghề, chuyển mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch hoặc tự nguyện di dời, cụ thể là:

Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg chỉ đề cập hình thức đơn vị di dời trả lại đất, di dời đến địa điểm mới hoặc đơn vị di dời tự làm chủ đầu tư thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khi di dời chưa đề cập đến việc hỗ trợ thuê trụ sở, nhà xưởng; hỗ trợ do bị ngừng sản xuất; trợ cấp cho người lao động; thưởng tiến độ di dời, bố trí địa điểm di dời đến, miễn giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất tại nơi di chuyển đến, hỗ trợ lãi vay ngân hàng, ưu đãi về thuế, hỗ trợ để xây dựng nhà ở công nhân, hỗ trợ đào tạo bồi dưỡng và nâng cao tay nghề cho số lao động mới tại nơi di chuyển đến; chỉ hỗ trợ 50% số tiền thu được từ việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho công ty nhà nước và 30% số tiền thu được cho tổ chức kinh tế (mức tối đa không quá 5 tỷ đồng) ...

Trên cơ sở kiến nghị của các Bộ ngành và UBND Thành phố, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg khắc phục được nhiều tồn tại về cơ chế, chính sách di dời, tuy nhiên vẫn còn những nội dung bất cập như: *Quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định bán tài sản gắn liền với đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ của đơn vị di dời thuộc Trung ương quản lý là chưa phù hợp với quy định của Luật Đất đai; Chưa quy*

định về việc việc quản lý vốn, tạo nguồn vốn, quản lý và sử dụng nguồn vốn sau khi di dời đối với tổ chức kinh tế không có vốn Nhà nước; Quy định mức ứng vốn tối đa cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp phải di dời không quá 50% dự toán chi cho dự án đầu tư tại vị trí mới bằng nguồn thu từ vị trí cũ gây khó khăn cho doanh nghiệp khi triển khai; Chưa có cơ chế tài chính khuyến khích, ưu đãi các doanh nghiệp thực hiện tốt chủ trương di dời.

2. Biện pháp đẩy mạnh thực hiện chủ trương di dời cơ sơ sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm môi trường và không phù hợp quy hoạch trong thời gian tới

a) Về cơ sở pháp lý:

- Căn cứ Luật Thủ đô, về biện pháp quản lý quy hoạch (tại Điều 9): Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp và lộ trình di dời một số cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi nội thành.

- Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về biện pháp, lộ trình di dời và việc sử dụng quỹ đất sau khi di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ quan, đơn vị trong nội thành Hà Nội. UBND Thành phố có trách nhiệm chủ trì: Lập danh mục, tiêu chí, lộ trình và biện pháp di dời các cơ sở công nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Đề xuất phương án và phê duyệt quy hoạch sử dụng đất sau khi di dời, bố trí quỹ đất và hạ tầng các cơ sở mới trước khi phải di dời; Đề xuất cơ chế chính sách phù hợp để hỗ trợ khuyến khích thực hiện di dời trên địa bàn 12 quận nội thành.

- Căn cứ Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị của Thủ tướng Chính phủ.

b) Giải pháp thực hiện

Triển khai thực hiện Quyết định số 130/QĐ-TTg, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 16/4/2015, kiện toàn Ban chỉ đạo công tác di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị; Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 05/6/2015 thành lập Tổ công tác giúp việc Ban chỉ đạo công tác di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

Căn cứ ý kiến thống nhất của Ban chỉ đạo Thành phố, UBND Thành phố đã kết luận, chỉ đạo, giao nhiệm vụ các Sở ngành tại Thông báo số 329/TB-VP ngày 16/10/2015, cụ thể:

- *Về việc xây dựng Danh mục:* giao Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo trực tiếp làm việc với UBND 12 quận và khảo sát thực tế tại các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm, không phù hợp quy hoạch trên địa bàn để xây dựng danh mục, tiêu chí và lộ trình, biện pháp di dời; trong đó:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm: rà soát tình hình sử dụng đất; đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường; tổng hợp đề xuất phương án di dời.

+ Sở Quy hoạch Kiến trúc, Viện Quy hoạch Xây dựng chịu trách nhiệm rà soát, đối chiếu danh mục 12 quận báo cáo để xác định các cơ sở không phù hợp quy hoạch phải di dời và dự kiến quy hoạch sử dụng đất sau khi di dời.

+ Sở Công Thương chủ trì, phối hợp Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tổng hợp đăng ký nhu cầu sử dụng đất để bố trí, giới thiệu cơ sở mới cho đối tượng phải di dời.

- *Về tiêu chí:* căn cứ mức độ gây ô nhiễm môi trường và sự phù hợp quy hoạch của các cơ sở sản xuất công nghiệp để xác định tiêu chí di dời.

- *Về lộ trình thực hiện:* cần phân kỳ đảm bảo tính khả thi, trong đó tập trung di dời ngay những cơ sở sản xuất công nghiệp gây ô nhiễm và không phù hợp quy hoạch tại 04 quận nội đô (Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa).

- *Về cơ chế:* Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Xây dựng nghiên cứu đề xuất: cơ chế mang tính nguyên tắc chung áp dụng đối với từng loại đối tượng di dời và mục đích sử dụng đất sau di dời; cơ chế chính sách phù hợp để hỗ trợ, khuyến khích thực hiện di dời, khai thác sử dụng quỹ đất tạo nguồn vốn tái đầu tư cho các cơ sở phải di dời.

- *Về biện pháp:*

+ Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện đánh giá ô nhiễm môi trường và các nội dung liên quan phục vụ công tác di dời.

+ Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn và tạo điều kiện cho các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố nắm rõ và thực hiện Kế hoạch, danh mục, lộ trình, cơ chế di dời của Thành phố.

+ Công bố công khai thông tin quy hoạch để các đối tượng di dời biết và chủ động thực hiện.

+ Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc thực hiện công tác di dời ở các ngành, các cấp và doanh nghiệp; có chế tài và biện pháp kiên quyết xử lý các trường hợp chậm di dời gây ô nhiễm và vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, quy hoạch, đất đai.

Triển khai chỉ đạo của UBND Thành phố, ngày 16/10/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường có Quyết định số 1867/QĐ-STNMT về kiểm tra đánh giá việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn Thành phố Hà Nội năm 2015 (cụ thể là 12 quận nội thành, theo chế độ kiểm tra: đột xuất); quan trắc, xác định mức độ ô nhiễm môi trường, đánh giá phân loại các cơ sở phục vụ công tác di dời. Tuy nhiên, quá trình thực hiện công tác lập danh mục, xây dựng tiêu chí, lộ trình, biện pháp di dời đang gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Do kiểm tra và lấy mẫu đột xuất việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại các cơ sở nên tại thời điểm kiểm tra phần lớn các cơ sở không có Lãnh đạo (chỉ có nhân viên nhưng không chuyên trách), hoặc có Lãnh đạo nhưng không chuyên trách, hoặc chỉ có nhân viên làm việc, hoặc không có người nào tiếp; Các cơ sở chưa chuẩn bị, cung cấp đầy đủ hồ sơ pháp lý về bảo vệ môi trường tại buổi kiểm tra. Hiện nay, các cơ sở chưa cung cấp, bổ sung

đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu nên khó khăn cho quá trình tổng hợp, xem xét hồ sơ pháp lý của các cơ sở.

-Các cơ sở nhiều khi còn không hợp tác, chống đối; do vậy việc lấy mẫu nước thải còn gặp nhiều khó khăn.

-Một số cơ sở tại thời điểm kiểm tra không phát sinh nước thải; hệ thống thoát nước thải được đấu nối với hệ thống thoát nước chung của Thành phố, đặt cống ngầm nên việc lấy mẫu khó khăn.

-Nhiều cơ sở đã chuẩn bị cho công tác di dời; tuy nhiên, do tâm lý hoạt động tạm thời nên việc đầu tư cho công tác xử lý ô nhiễm chỉ mang tính tạm thời và hầu như không được chú trọng đầu tư.

-Nhiều cơ sở còn gặp khó khăn, vướng mắc trong cơ chế, chính sách hỗ trợ di dời bao gồm các chính sách ưu đãi về đất đai, ưu đãi về đầu tư...

Đồng thời, Sở Quy hoạch Kiến trúc đang tập trung rà soát quy hoạch của 183 cơ sở công nghiệp tại 12 quận để xác định các cơ sở không phù hợp quy hoạch phải di dời và dự kiến quy hoạch sử dụng đất sau di dời của các cơ sở công nghiệp; cung cấp thông tin quy hoạch kiến trúc tại nơi di dời để các đơn vị nghiên cứu, xây dựng phương án; phối hợp Sở Công Thương, Ban quản lý Khu công nghiệp và chế xuất rà soát các Khu, cụm công nghiệp, báo cáo UBND Thành phố phê duyệt hạ tầng kỹ thuật tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị phải di dời chuyển đến.

UBND Thành phố sẽ tiếp tục đôn đốc, chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành chức năng hoàn thành Danh mục, tiêu chí, lộ trình và cơ chế, biện pháp di dời báo cáo Ban chỉ đạo Thành phố và xin ý kiến các Bộ, ngành; báo cáo UBND Thành phố trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quý 2 năm 2016 theo đúng chỉ đạo tại Quyết định số 130/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Câu 4: Việc xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

Trả lời:

Để đảm bảo phát triển các làng nghề bền vững, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, gắn với chiến lược và quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội của Thủ đô, bảo tồn, duy trì, phát triển giá trị các làng nghề truyền thống, rà soát, phân loại để chuyển các nghề có gía trị kinh tế thấp, gây ô nhiễm môi trường, ngày 02/01/2013, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phát triển làng nghề thành phố Hà Nội đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Hiện nay, Thành phố Hà Nội có 1.350 làng nghề và làng có nghề phân bố không đều. Tình trạng ô nhiễm ở các làng nghề có ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của nhân dân và sự phát triển bền vững của chính các làng nghề. Tuy nhiên, việc xử lý vấn đề ô nhiễm môi trường còn gặp nhiều khó khăn do hoạt động sản xuất trong khu vực làng nghề có quy mô nhỏ (chủ yếu là hộ gia đình), nằm phân tán trong khu dân cư, hầu hết không có hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải, khí thải; kinh phí đầu tư cho công nghệ, xây dựng công trình xử lý ô nhiễm môi trường rất lớn nên

việc kêu gọi, huy động các hộ gia đình, cơ sở sản xuất trong làng nghề đầu tư cho công tác xử lý, bảo vệ môi trường cũng rất khó khăn. Bên cạnh đó, nhu cầu giải quyết việc làm, thu nhập, đời sống của nhân dân tại khu vực nông thôn luôn là vấn đề cấp thiết, phải ưu tiên giải quyết.

Trong số 1.350 làng nghề và làng có nghề (làng có nghề chiếm gần 59% tổng số làng), với 175.889 hộ sản xuất, 2.063 công ty cổ phần, 4.562 công ty TNHH, 1.466 DNTN, 164 HTX và 50 Hội, hiệp hội. Trong đó 244 làng có nghề truyền thống, nhưng phân bố không đều, tập trung chủ yếu ở các huyện: Phú Xuyên (98 làng), Thường Tín (120 làng), Chương Mỹ (175 làng), Ứng Hòa (113 làng), Thanh Oai (101 làng), Ba Vì (91 làng). UBND Thành phố đã công nhận 287 làng nghề, chiếm 21,2 % tổng số làng nghề của Thành phố, tuy nhiên trong số 287 làng nghề được công nhận có 25 làng nghề (chiếm chưa đến 10%) giảm sút về sản xuất và có xu hướng mai một, có những nghề không còn duy trì sản xuất hoặc còn tồn tại thì cũng rất ít lao động làm nghề. Những làng nghề này trước đây công nhận là làng nghề công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, không có yếu tố truyền thống.

1. Về hiện trạng môi trường làng nghề:

Kết quả quan trắc, phân tích chất lượng môi trường tại 22 làngvới tần suất 2 đợt/năm, cho thấy hầu hết các làng nghề mới chỉ tổ chức thu gom rác thải sinh hoạt, chưa có hệ thống xử lý nước thải, khí thải, thu gom và xử lý chất thải rắn, thải thẳng ra môi trường, có ít nhất 03 chỉ tiêu phân tích nước thải vượt tiêu chuẩn cho phép, đặc biệt là các làng nghề chế biến nông sản thực phẩm có chỉ tiêu quan trắc vượt chỉ tiêu cho phép. Cụ thể: Làng nghề dệt nhuộm: thông số độ ồn, H2S, Clo vượt QCCP từ 1,05 – 2,1 lần, nước thải có thông số COD, BOD, TSS, Cr(VI) vượt QCCP từ 1,07 – 3,18 lần. Làng nghề sản xuất hàng mỹ nghệ: nước thải có các thông số COD, TSS, BOD vượt từ 1,07 – 4,7 lần. Làng nghề luyện kim - cơ khí: nồng độ bụi kim loại, bụi TSP và độ ồn vượt QCCP từ 1,4 – 5,4 lần; các thông số TSS, Fe, Zn, Mn vượt từ 1,38 – 63,73 lần. Làng nghề mây tre đan và chế biến gỗ: chất lượng môi trường không khí có thông số TSP, Benzene vượt từ 1,04 – 1,11 lần; nước thải có các thông số COD, BOD, TSS vượt từ 1,02 – 2,46 lần. Làng nghề giày da: nước thải của làng nghề giầy da có các thông số COD, BOD, TSS, Sunfua, Mn vượt từ 1,08 - 5,36 lần...

Thời gian vừa qua, UBND Thành phố đã tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp trong công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn như: Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao ý thức của cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường; tổ chức nhiều buổi tập huấn, hội thảo chuyên đề cho các tổ chức, cá nhân có liên quan về bảo vệ môi trường tại các làng nghề; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm và xử lý vi phạm pháp luật về Bảo vệ môi trường tại các làng nghề; chỉ đạo các sở, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng, hoàn chỉnh các cơ chế, chính sách, quy định của Thành phố liên quan đến công tác bảo vệ môi trường làng nghề; tập trung huy động nguồn lực đầu tư cho công tác Bảo vệ môi trường làng nghề từ nguồn vốn ngân sách và cả từ nguồn vốn xã hội hóa.

Trong những năm vừa qua, chi ngân sách cho sự nghiệp môi trường luôn chiếm 2-3% tổng chi ngân sách của Thành phố (Mức quy định theo Nghị quyết 41-NQ/TW là tối thiểu 1%). Bên cạnh đó, Thành phố cũng đã đẩy mạnh xã hội hoá công tác đầu tư và cung cấp các dịch vụ môi trường; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào xử lý chất thải rắn, nước thải và công tác bảo vệ môi trường làng nghề. Tuy nhiên, việc đầu tư trong lĩnh vực xử lý môi trường ít sinh lời, do đó, công tác kêu gọi đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách cũng còn hạn chế, chưa đạt được kết quả như mong đợi.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn Thành phố, từ năm 2012, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành khảo sát tại 17 làng nghề có ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; đã lựa chọn 06 Làng Nghề đặc biệt ô nhiễm về nước thải để tổ chức triển khai thí điểm công nghệ xử lý phù hợp. Một số mô hình thí điểm xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề đã thực hiện, cho kết quả tích cực, đã được nghiệm thu, bàn giao cho cơ sở sản xuất quản lý sử dụng, có thể phổ biến, nhân rộng, như: Thí điểm xử lý nước thải cho làng nghề chế biến tinh bột sắn tại xã Tân Hòa, huyện Quốc Oai; thử nghiệm mô hình xử lý bụi làng nghề đồ gỗ mỹ nghệ tại xã Vân Hà, huyện Đông Anh; xử lý ô nhiễm nước thải làng nghề bằng chế phẩm tại xã Bích Hòa, huyện Thanh Oai...

2. Về đầu tư xây dựng các dự án, công trình xử lý nước thải, giảm ô nhiễm môi trường làng nghề:

- UBND Thành phố đã chỉ đạo, hỗ trợ kinh phí cho các quận, huyện, thị xã tập trung đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm, điểm công nghiệp làng nghề, như: Cụm tiểu thủ công nghiệp cơ kim khí Phùng Xá, Thạch Thất (công suất 200m^3/ngày đêm); Cụm TTCN Duyên Thái, Thường Tín (công suất 500m^3/ngày đêm); các Cụm TTCN làng nghề được đầu tư xây dựng hệ thống hào thu gom, bể chứa, bể lắng, bể lọc, đảm bảo vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn gồm: Vạn Phúc (quận Hà Đông), Tân Triều (huyện Thanh Trì), Bát Tràng (huyện Gia Lâm), Tân Hội (huyện Đan Phượng), Vân Hà (huyện Đông Anh), Di Trạch (huyện Hoài Đức), Kim Quan (huyện Thạch Thất), Đám Sào - Canh Nậu (huyện Thạch Thất), Phú Thịnh (thị xã Sơn Tây), Liên Hà (huyện Đan Phượng), Tiền Phong (huyện Thường Tín), Ngọc Hòa (huyện Chương Mỹ).

Một số dự án xử lý nước thải làng nghề do UBND quận, huyện đang triển khai thực hiện, gồm: Làng nghề rèn Đa Sỹ, quận Hà Đông; thôn Xuân La, xã Phượng Dực, Huyện Phú Xuyên; xã Hữu Hòa, Huyện Thanh Trì.

- Một số dự án xử lý nước thải làng nghề quy mô lớn đã và đang được UBND Thành phố chỉ đạo triển khai thực hiện, như:

+ Dự án xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tại xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, công suất 13.000m^3/ngày.đêm, sẽ xử lý nước thải làng nghề của 3 xã Cát Quế - Dương Liễu - Minh Khai, được đầu tư bằng hình thức xã hội hóa; dự kiến hoàn thành và đi vào hoạt động trong năm 2016.

+ Các dự án dự kiến đầu tư từ nguồn vốn ngân sách: Dự án xây dựng Nhà máy xử lý nước thải tại xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức có tổng mức đầu tư 231,5 tỷ đồng; Dự án xây dựng nhà máy xử lý nước thải tại xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, có tổng mức đầu tư 140 tỷ đồng; Dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại làng nghề cơ kim khí Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, công suất 1.000m3/ngày.đêm. Các dự án này dự kiến thực hiện trong năm 2014-2016, tuy nhiên hiện nay đang gặp khó khăn trong việc bố trí vốn từ nguồn ngân sách và cũng không có nhà đầu tư tham gia theo hình thức xã hội hóa.

Với việc triển khai thực hiện bằng nhiều giải pháp nêu trên, thời gian vừa qua, tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề đã bước đầu có những chuyển biến tích cực.

3. Giải pháp trong thời gian tới:

UBND Thành phố sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo việc bố trí, huy động vốn để đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án xử lý nước thải làng nghề; xây dựng các chính sách, giải pháp hỗ trợ để tiếp tục từng bước cải thiện chất lượng môi trường tại các làng nghề trên địa bàn, cụ thể:

- Quy hoạch không gian làng nghề gắn liền với BVMT: Quy hoạch các cụm công nghiệp làng nghề để di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực dân cư, đồng thời các cụm này phải có cơ sở hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường.

Ban chỉ đạo phát triển nghề và làng nghề Thành phố tiến hành xây dựng Kế hoạch triển khai chính sách khuyến khích phát triển làng nghề Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020, trong đó coi công tác bảo vệ môi trường làng nghề là một trong những tiêu chí để đánh giá việc phát triển của làng nghề; đồng thời, đặt mục tiêu đến năm 2020 sẽ hoàn thành việc xử lý ô nhiễm môi trường tại 50 làng nghề có mức độ ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Nghiên cứu xây dựng thí điểm mô hình Hệ thống quản lý môi trường tại làng nghề; các chính sách khuyến khích, hỗ trợ đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, bảo vệ môi trường tại các làng nghề.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở: Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, lập "Đề án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn Thành phố đến năm 2020, định hướng đến năm 2030".

Câu 5: Việc xử lý nước thải, chất thải trong các cụm công nghiệp

Trả lời:

1. Việc đầu tư xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp

1.1 Rà soát, đánh giá hiệu quả các trạm xử lý nước thải đang hoạt động:

Hiện nay trên địa bàn Thành phố có 43 Cụm công nghiệp đã đầu tư xây dựng và hoạt động ổn định. Tình hình đầu tư trạm xử lý nước thải tập trung như sau:

- 11 cụm công nghiệp đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Cụm CN Hà Bình Phương, huyện Thường Tín: công suất 500m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng: công suất 400m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì: công suất 1.800m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN vừa và nhỏ Từ Liêm: Công suất 3.500m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Duyên Thái, huyện Thường Tín (làng nghề): Công suất 250m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN cơ kim khí Phùng Xá, huyện Thạch Thất: Công suất 200m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Duyên Thái, huyện Thường Tín: Công suất 500m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Quất Động, huyện Thường Tín: công suất 2.000m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Ninh Hiệp, huyện Gia lâm: công suất 500m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Hapro, huyện Gia lâm: công suất 600m^3/ngày đêm.

+ Cụm TTCN Tân Triều, Thanh Trì: công suất 500m^3/ngày đêm.

- 04 cụm công nghiệp đang triển khai đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2015:

+ Cụm CN Thanh Oai, huyện Thanh Oai: công suất 600m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Ngọc Liệp, huyện Quốc Oai: công suất 1.000m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Nguyên Khê, huyện Đông Anh: công suất 1.000m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Phú Thị, huyện Gia Lâm: công suất 500m^3/ngày đêm.

- 03 cụm công nghiệp đang triển khai đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng quý II/2016:

+ Cụm CN Bình Phú, huyện Thạch Thất: công suất 600m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Ngọc Hòa, huyện Chương Mỹ: công suất 500m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Liên Phương, huyện Thường Tín: công suất 500m^3/ngày đêm.

- 06 cụm công nghiệp đang tập trung triển khai thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án hệ thống xử lý nước thải tập trung, trong đó 04 Cụm CN thực hiện theo Quyết định 7209/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội, dự kiến khởi công vào cuối tháng 12/2015, hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2016:

+ Cụm CN Liên Hà, huyện Đan Phượng: công suất 500m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Ngọc Sơn, huyện Chương Mỹ: công suất 1.000m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây: công suất 700m^3/ngày đêm.

+ Cụm CN thị trấn Phúc Thọ, huyện Phúc Thọ: công suất 250m^3/ngày đêm.

+ 02 Cụm công nghiệp là Cụm TTCN Thanh Thùy thực hiện theo dự án XLNT làng nghề Thanh Thùy do Sở TNMT làm Chủ đầu tư; Cụm TTCN Liên Hà, huyện Đông Anh đang thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án công suất 150m3/ngày, đêm.

- 06 Cụm công nghiệp do tính chất hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp lượng nước thải không nhiều, các doanh nghiệp cam kết tự xử lý đảm bảo quy chuẩn trước khi xả ra môi trường; các chủ đầu tư Cụm công nghiệp cam kết đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung trên địa bàn:

+ Cụm CN Lại Yên, huyện Hoài Đức.

+ Cụm CN Lai Xá, huyện Hoài Đức.

+ Cụm CN Yên Sơn, huyện Quốc Oai.

+ Cụm CN Vạn Điểm, huyện Thường Tín.

+ Cụm CN Chuyên Mỹ, huyện Phú Xuyên.

+ Cụm CN Đông Anh (*sẽ đấu nối vào hệ thống xử lý của Cụm CN Nguyên Khê*).

- Ngoài ra còn Cụm TTCN Bát Tràng hiện đã xây dựng hệ thống thu gom, bể chứa nước thải; hiện đang triển khai các hạng mục tiếp theo.

** Như vậy, tính đến hết năm 2015, trên địa bàn Thành phố đã có 11 Cụm đã đầu tư + 4 cụm sẽ hoàn thành tháng 12/2015 + 6 Cụm không cần thiết đầu tư = 21 Cụm/43 Cụm = 48,8% vượt chỉ tiêu của HĐND Thành phố là 35%.*

Các trạm xử lý nước thải tập trung hoạt động đạt hiệu quả, xử lý triệt để nguồn nước xả thải của các cụm công nghiệp gây ô nhiễm môi trường, kiểm soát các hoạt động gây ô nhiễm môi trường của các doanh nghiệp trong cụm, cải thiện môi trường tại các cụm công nghiệp, đảm bảo nâng cao chất lượng cuộc sống của người lao động, cộng đồng dân cư, đảm bảo an sinh xã hội.

Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, các doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp hoạt động cầm chừng do suy thoái kinh tế, do đó lượng nước thải không nhiều.

1.2 Rà soát quy hoạch các cụm công nghiệp để bố trí quỹ đất xây dựng trạm xử lý nước thải

Nhằm tăng cường việc đầu tư xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp, UBND Thành phố đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt trong thời gian qua, cụ thể:

- Ban hành văn bản số 6142/UBND-CT ngày 15/8/2014 về việc quy định cấm, hạn chế đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung giao Sở Công thương chỉ đạo chủ đầu tư các cụm công nghiệp khẩn trương xây dựng các khu nước thải tập trung đảm bảo tiêu chuẩn bảo vệ môi trường tại các cụm công nghiệp, giao Sở Tài nguyên Môi trường công an thành phố và các ngành liên quan giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các địa phương.

- Chỉ đạo các quận, huyện, thị xã bổ sung quy hoạch quỹ đất để xây dựng trạm xử lý nước thải đối với các cụm công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cụ thể: CCN Ngọc Liệp huyện Quốc Oai, Ngọc Hòa huyện Chương Mỹ...

- Chỉ đạo các Sở chuyên ngành giám sát, kiểm tra thường xuyên đề nghị cơ sở sản xuất xử lý cục bộ trước khi xả thải ra môi trường đối với các cụm công ngiệp không thể đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung.

- Chỉ đạo yêu cầu các doanh nghiệp là chủ đầu tư các cụm công nghiệp đầu tư xây dựng ngay trạm xử lý nước thải tập trung.

- Đối với các cụm công nghiệp do UBND cấp huyện, xã làm chủ đầu tư, UBND Thành phố chỉ đạo UBND cấp huyện, xã các Sở chuyên ngành kêu gọi các doanh nghiệp làm Chủ đầu tư, xã hội hóa dịch vụ cung ứng xử lý nước thải. Trường hợp không có doanh nghiệp làm Chủ đầu tư giao Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện làm đại diện Chủ đầu tư cho UBND cấp huyện. Cụ thể: CCN Ngọc Liệp huyện Quốc Oai; Ngọc Hòa, Ngọc Sơn huyện Chương Mỹ; thị trấn Phúc thọ huyện Phúc Thọ...

- Ban hành quyết định số 7209/QĐ-UBND ngày 02/12/2013 về việc phê duyệt Đề án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp giai đoạn 2014-2015, trong đó hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho 16/43 cụm công nghiệp đã có doanh nghiệp vào sản xuất, kinh doanh ổn định.

- Trong công tác quản lý, phát triển các cụm công nghiệp của Thành phố để đảm bảo đúng Quy định của Chính phủ, phù hợp với thực tiễn tháo gỡ vướng mắc khó khăn, UBND Thành phố chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Xây dựng và một số quận huyện liên quan xây dựng, hướng dẫn thực hiện đơn giá tối đa tạm thời về dịch vụ chung và xử lý nước thải trong các cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố (*Sở Tài Chính đã có hướng dẫn số 6634/STC-BG ngày 14/11/2014*). Cụ thể, đối với cụm công nghiệp Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì đã được UBND huyện phê duyệt giá dịch vụ dùng chung. Về đơn giá chi phí xử lý nước thải, chủ đầu tư xây dựng phương án báo cáo UBND huyện phê duyệt.

Trên cơ sở rà soát quy hoạch, hiện trạng quy hoạch các cụm công nghiệp để bố trí quỹ đất xây dựng trạm xử lý nước thải trên địa bàn Thành phố cụ thể như sau:

* Hiện trạng

Căn cứ số liệu kiểm tra, rà soát quy hoạch tại các cụm công nghiệp, hiện trạng, trên địa bàn Thành phố còn 12 Cụm công nghiệp cần được đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải, trong đó có 05 Cụm công nghiệp đã có quy hoạch và quỹ đất bố trí hệ thống xử lý nước thải (Cụm TTCN Đám Sào-Canh Nậu, Kim Quan, Bình Phú 1, Tân Hội, CCN Yên Nghĩa); 07 Cụm chưa có quy hoạch quỹ đất đầu tư hệ thống xử lý nước thải (CCN Trường An, Cụm TTCN La Phù, Cụm TTCN Chàng Sơn, Cụm TTCN Đan Phượng, Cụm TTCN Sông Cùng-Đồng Tháp, CCN Bích Hòa, CCN Biên Giang).

* Giải pháp

- Các cụm công nghiệp đang triển khai đầu tư xây dựng cần tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải và đưa vào vận hành.

- Các cụm công nghiệp chưa đầu tư xây dựng phải khẩn trương đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải theo quy hoạch.

- Các cụm công nghiệp chưa đầu tư xây khẩn trương thực hiện việc khảo sát lưu lượng nước, chất lượng nước thải, trường hợp cần thiết thì báo cáo UBND Thành phố bổ sung quy hoạch để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo quy định về môi trường.

- Đối với các cụm công nghiệp triển khai đầu tư xây dựng mới, yêu cầu bắt buộc phải có quy hoạch và thực hiện đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn.

- Để thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVI Đảng bộ Thành phố Hà Nội nhiệm kỳ 2015-2020, đảm bảo đến hết năm 2020 tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động và xây dựng mới có trạm xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn hoặc quy chuẩn quốc gia tương ứng đạt 100%. Trong thời gian tới, Sở Công Thương sẽ xây dựng, trình UBND Thành phố xem xét phê duyệt "Đề án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động trên địa bàn Thành phố nhưng chưa có hệ thống xử lý nước thải".

2. Về xử lý chất thải trong cụm công nghiệp

2.1 Về chất thải công nghiệp

Phần lớn chất thải công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất của các doanh nghiệp, hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp được tái sử dụng hoặc tận dụng cho mục đích khác như: Sắt, thép, nhựa, giấy có thể tái sử dụng hoặc bán làm phế phế liệu; Mùn cưa làm chất đốt, phân bón ... số ít là rác thải.

2.2 Về xử lý rác thải

Các chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp và các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp ký hợp đồng với công ty vệ sinh

môi trường thu gom, vận chuyển rác thải với công ty vệ sinh môi trường trên địa bàn.

Câu 6: Việc kiểm soát an toàn thực phẩm đối với hoa quả trong nước, nhập khẩu, thực phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc, các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thức ăn đường phố, việc buôn bán chất cấm ngâm tẩm thực phẩm.

Trả lời:

1. Việc kiểm soát ATTP đối với hoa quả trong nước, nhập khẩu

UBND TP chỉ đạo ngành Nông nghiệp phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, lấy mẫu giám sát hoạt động sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản nói chung trong đó có sản phẩm quả sản xuất trong nước và quả nhập khẩu.

Đối với hoa quả trong nước: Sở Nông nghiệp & PTNT phối hợp với UBND quận, huyện, ban quản lý chợ đầu mối quản lý nguồn gốc hoa quả đưa về các chợ. Các cơ sở kinh doanh hoa quả tại các chợ đầu mối đều phải xuất trình giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ.

Đối với hoa quả nhập khẩu: Qua kiểm tra các doanh nghiệp đều có hồ sơ nhập khẩu, có Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và ATTP do các cơ quan kiểm dịch thực vật cửa khẩu cấp cho mỗi lô hàng, các loại hoa quả nhập khẩu đều được đóng trong thùng xốp và có nhãn phụ bằng tiếng Việt. Kiểm tra quầy bán hoa quả tươi tại các Siêu thị thì lượng trái cây nhập khẩu là khá lớn với nhiều chủng loại, nguồn gốc xuất xứ khác nhau. Siêu thị đóng chia thành nhiều gói nhỏ được công khai thông tin về sản phẩm, thể hiện rõ nguồn gốc xuất xứ.

Nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời những sai phạm trong việc đảm bảo ATTP trong sản xuất, sơ chế, kinh doanh quả trong nước, quả nhập khẩu, các cơ quan chuyên môn của Sở Nông nghiệp thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra, lấy mẫu để giám sát dư lượng thuốc BVTV. Năm 2015 ngành Nông nghiệp đã lấy 92 mẫu quả để phân tích, phát hiện 01 mẫu nho nhập khẩu có dư lượng thuốc bảo vệ thực vật *Determethrin* vượt mức giới hạn tối đa cho phép (chiếm 1,08%).

Để giúp người tiêu dùng lựa chọn những sản phẩm hoa quả đảm bảo an toàn, các cơ quan chức năng đã khuyến nghị người tiêu dùng chỉ nên mua hoa quả tại nơi có địa chỉ rõ ràng, sản phẩm hoa quả chứng minh được nguồn gốc xuất xứ và được sản xuất tại những nơi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, không mua tại cơ sở không rõ nguồn gốc.

2. Việc kiểm soát ATTP đối với thực phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc

Thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố, Sở Công thương đã yêu cầu Chi cục Quản lý thị trường xây dựng và ban hành các kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm trong đó xác định công tác kiểm tra, kiểm soát mặt hàng đảm bảo ATTP là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, trong đó chú trọng tăng cường kiểm tra thực phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc xuất xứ, không đảm bảo ATVSTP nhất là trong các dịp lễ tết.

Với vai trò là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo 389 của Thành Phố, ngành Công thương đã tham mưu với UBND Thành phố xây dựng và ban hành Quyết thành lập Đội cơ động liên ngành Thành phố kiểm tra, ngăn chặn và xử lý việc vận chuyển, tiêu thụ gà nhập lậu, không rõ nguồn gốc, chưa qua kiểm dịch, không đảm bảo an toàn thực phẩm tại chợ Hà Vĩ, chợ đầu mối và chợ khác trên địa bàn thành phố Hà Nội. Chỉ đạo các Đội QLTT kiểm tra, kiểm soát các cơ sở giết mổ, kinh doanh gia cầm, thủy cầm tại chợ Ngã Tư Sở, chợ Phùng Khoang và trên địa bàn thôn Bình Đà, xã Bình Minh, Thanh Oai; xử lý nghiêm đối với các cơ sở kinh doanh, giết mổ có hành vi: không đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y; kinh doanh gia cầm, thủy cầm, sản phẩm gia cầm, thủy cầm không có nguồn gốc, không có chứng nhận kiểm dịch; kinh doanh thực phẩm tươi sống có nguồn gốc động vật bị đưa thêm tạp chất.

Phối hợp với các Trung tâm Y tế, Thú y, Công an... tăng cường công tác kiểm tra liên ngành trên địa bàn Quận, Huyện. Trong quá trình kiểm tra kết hợp công tác tuyên truyền các quy định của pháp luật về VSATTP để người dân hiểu và ý thức được tầm quan trọng của việc sản xuất, kinh doanh cũng như sử dụng thực phẩm an toàn đối với sức khoẻ người tiêu dùng.

Tổng kết 5 năm: (từ năm 2010 đến tháng 11/2015): Đã tiến hành kiểm tra, xử lý: 6.685 vụ vi phạm về chất lượng, ATTP, Phạt hành chính: 32.278.276.000 đồng; Trị giá hàng hoá tiêu huỷ trên: 37,7 tỷ đồng; Riêng năm 2015: Kiểm tra, xử lý: 1.320 vụ, Phạt hành chính: 8,66 tỷ đồng. Trị giá hàng hoá vi phạm trên: 12,8 tỷ đồng.

Hàng tịch thu, tiêu hủy gồm: 1.968 kg gia cầm và sản phẩm gia cầm, 28.550 quả trứng gia cầm, 1.100 con gia cầm giống; 600 kg bồ câu đông lạnh; 2.122 hộp sữa; 1.383 kg thịt trâu, thịt lợn muối; 12.753 kg nội tạng động vật; 2.270 kg xương động vật;4.315 kg cá, ếch, rắn, ba ba; 106.154 gói, kg thực phẩm; 46.102 kg ô mai, táo khô, hạt dẻ cười; 88.681 thùng, hộp, gói và 4.476 kg bánh kẹo các loại; 6.829 hộp, gói gia vị, phụ gia thực phẩm; ... gia cầm sống; trứng gia cầm; sản phẩm từ gia súc, gia cầm; cá tầm; cá giống; cá, ếch các loại; ngao, sò, bạch tuộc muối; nội tạng động vật; thực phẩm chế biến; gia vị, phụ gia thực phẩm các loại,...

Nhận xét, đánh giá:

- Mặc dù các lực lượng chức năng trên địa bàn Thủ đô đã tăng cường phối hợp kiểm tra việc sản xuất, kinh doanh thực phẩm không đảm bảo ATVSTP tuy nhiên tình trạng sản xuất kinh doanh vận chuyển thực phẩm nhập lậu, không rõ nguồn gốc vẫn diễn ra rất phức tạp, hiệu quả trong kết quả kiểm tra xử lý vẫn chưa cao; việc kiểm soát các tuyến đường giao thông từ các Tỉnh vận chuyển vào Hà Nội gặp rất nhiều khó khăn; các đối tượng vi phạm dùng mọi thủ đoạn để vận chuyển kinh doanh các mặt hàng thực phẩm không rõ nguồn gốc, phương thức vận chuyển thực phẩm thường vào ban đêm hoặc gửi nhỏ lẻ trên các tuyến xe khách , trà trộn thực phẩm vào các kiện hàng đi kèm theo các xe, hàng ngày có hàng trăm các tuyến xe đi vào Hà Nội với các khoảng thời gian khác nhau nên việc kiểm soát , kiểm tra của các lực lượng chức năng gặp rất nhiều khó khăn.

- Các văn bản pháp luật hiện nay còn nhiều bất cập trong việc áp dụng pháp luật, còn có sự chồng chéo trong công tác quản lý giữa các cơ quan chức năng nên gây nhiều khó khăn trong cách xử lý các hành vi vi phạm.

- Chất lượng công chức thực thi nhiệm vụ không đồng đều, có nhiều công chức không chịu rèn luyện, học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ, vẫn còn tình trạng ỷ nại, ngại va chạm không có tính đấu tranh trong công tác kiểm tra dẫn đến hiệu quả kiểm tra xử lý không cao.

- Trang thiết bị phương tiện phục vụ công tác kiểm tra đã dần được trang bị tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được so với thực tiễn nên việc kiểm tra phát hiện nhanh vi phạm về chất lượng vẫn phải trông chờ vào các cơ quan chuyên môn gây rất mất nhiều thời gian cũng như việc xử lý không đảm bảo tính kịp thời.

Về giải pháp:

- Phổ biến tuyền truyền là một trong những giải pháp quan trọng, chủ yếu; nội dung phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật cần đầy đủ, toàn diện, đặc biệt là các nội dung về đấu tranh chống các hành vi vi phạm về chất lượng, ATVSTP; hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, tuyên truyền phải đa dạng, sinh động, thông qua các hình thức, phương pháp truyền tải thích hợp, sử dụng nhiều công cụ thông tin, cách thức truyền tải khác nhau sao cho đảm bảo diện phủ sóng của thông tin;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vững mạnh và tinh nhuệ có trình độ chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng được so với tình thình thực tế; Kịp thời có hình thức khen thưởng động viên đối với cán bộ công chức có thành tích và đồng thời xử lý nghiêm mọi trường hợp cán bộ, công chức nhà nước sai phạm.

- Đảm bảo về trang thiết bị vật chất phục vụ công tác kiểm tra, kiểm soát.

- Phát huy hiệu quả công tác phối hợp giữa các lực lượng chức năng trong công tác đấu tranh theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính.

- Tiếp tục kiến nghị, đóng góp ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực ATVSTP.

3. Việc kiểm soát ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thức ăn đường phố

Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống là cơ sở tổ chức chế biến, cung cấp thức ăn, đồ uống để ăn ngay có địa điểm cố định bao gồm cơ sở chế biến suất ăn sẵn; căng tin kinh doanh ăn uống; bếp ăn tập thể; bếp ăn, nhà hàng ăn uống của khách sạn, khu nghỉ dưỡng; nhà hàng ăn uống; cửa hàng ăn uống; cửa hàng, quầy hàng kinh doanh thức ăn ngay, thực phẩm chín.

Kinh doanh thức ăn đường phố là loại hình kinh doanh thực phẩm, thức ăn, đồ uống để ăn ngay, uống ngay được bán rong trên đường phố hay bày bán tại những địa điểm công cộng (bến xe, bến tầu, nhà ga, khu du lịch, khu lễ hội) hoặc ở những nơi tương tự.

Theo số liệu thống kê, hiện trên địa bàn thành phố có 26.847 cơ sở kinh doanh DVAU, 5.345 cơ sở TAĐP.

a. Việc kiểm soát ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thức ăn đường phố trên địa bàn thành phố thời gian qua

** Về chỉ đạo:*

- Hàng năm Ban chỉ đạo VSATTP thành phố xây dựng Kế hoạch đảm bảo ATTP trên địa bàn thành phố, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là đảm bảo ATTP đối với các cơ sở dịch vụ ăn uống.

- Sở Y tế phối hợp với Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội xây dựng quy chế phối hợp quản lý ATTP bếp ăn tập thể trong các khu công nghiệp. Giáo dục & Đào tạo xây dựng kế hoạch phối hợp chỉ đạo đảm bảo ATTP trong các trường học.

- Ban chỉ đạo VSATTP các quận, huyện, thị xã chỉ đạo tăng cường quản lý ATTP đối với cơ sở DVAU, TADDP trên địa bàn.

- Tháng 9/2015, Sở Y tế tổ chức Hội nghị đánh giá công tác ATTP đối với bếp ăn tập thể trong trường học, bệnh viện, khu công nghiệp.

** Triển khai đề án, mô hình điểm:*

- Triển khai Đề án mô hình cải thiện ATTP đối với DVAU tại 176 phường, thị trấn (11.519 cơ sở);

- Xây dựng 30 tuyến phố văn minh về ATTP tại 30 quận, huyện, thị xã (với 903 cơ sở).

- Xây dựng mô hình điểm TAĐP tại phường trung Liệt - quận Đống Đa (75 cơ sở) và tuyến phố Núi Trúc - quận Ba Đình (30 cơ sở)

** Tập huấn kiến thức ATTP, ký cam kết đảm bảo ATTP:*

- Tổ chức hàng nghìn buổi tập huấn, hướng dẫn kiến thức ATTP cho người tham gia kinh doanh, chế biến thực phẩm, cho công nhân các Khu công nghiệp, cho giáo viên và nhân viên bếp ăn tập thể các trường học.

- Tổ chức cho các cơ sở TĂĐP ký cam kết đảm bảo ATVSTP.

** Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật:*

Hàng năm tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ATTP cho người kinh doanh, chế biến thức phẩm, người tiêu dùng với nhiều hình thức, nội dung phong phú. Năm 2015, tổ chức 310 lớp cho 14.645 người là chủ cơ sở, người chế biến; truyền thông cộng đồng 469 lớp cho 25.781 người tiêu dùng.

** Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm:*

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo ATTP đối với các cơ sở kinh doanh DVAU, cơ sở TĂĐP. Trong 11 tháng đầu năm 2015 kiểm tra 77.856 lượt cơ sở DVAU (trung bình 2,9 lượt/CS/năm), số lượt cơ sở đạt ATTP 64.620 cơ sở (83%); 19.242 lượt cơ sở TAĐP, số lần cơ sở đạt ATTP 15.008 cơ sở (78%), trung bình kiểm tra 3,6 lần/CS/năm. Xét nghiệm nhanh 226.446/247.225 mẫu thực phẩm (tỷ lệ đạt 91,6%); tổng số lượt cơ sở vi phạm 4.778 trong đó bị phạt tiền là 297 CS với 749.360.000 đồng. số lượt cơ sở vi phạm, tạm định chỉ hoạt động 28 cơ sở, nhắc nhở 4.453 CS.

- Đối với các Lễ hội: Trước lễ hội Sở Y tế đã làm việc với BCĐ VSATTP 5 quận, huyện có lễ hội lớn để bàn cách đảm bảo ATTP, tổ chức khám sức khỏe, tập huấn cho người chế biến kinh doanh, ký cam kết đảm bảo ATTP ở 100% Cơ sở. Các ngành Y tế, Công thương, công an đã tích cực phối hợp với các quận, huyện, thị xã kiểm tra thường xuyên, 100% cơ sở DVAU được kiểm tra. Yêu

cầu làm biển hiệu, bàn ghế theo quy định. Tại Lễ Hội Chùa Hương, UBND TP đã chỉ đạo quyết liệt việc cấm treo móc động vật, gia súc không được để nguyên con, phải pha thành miếng nhỏ, Cấm sử dụng thịt động vật hoang dã quý hiếm. DVAU khu lễ hội năm 2015 có sự chuyển biến tích cực, không để xảy ra NĐTP tại khu vực Lễ hội.

b. Đánh giá kết quả:

- Quản lý ATTP Dịch vụ ăn uống đã được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm, sự vào cuộc tích cực của các đoàn thể, tạo được sự chuyển biến tích cực về nhận thức, thực hành và trách nhiệm của người quản lý, người chế biến kinh doanh và người tiêu dùng.

- Công tác thanh kiểm tra tiến hành thường xuyên, xử lý vi phạm kiên quyết hơn, công khai các vi phạm trên phương tiện thông tin đại chúng.

- Qua triển khai, các điều kiện ATTP cơ sở dịch vụ ăn uống có những chuyển biến về các điều kiện ATTP. Tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chí ATTP tăng 5% "năm sau cao hơn năm trước 76% năm 2012 lên 81% năm 2015" (cơ sở có dụng cụ riêng thực phẩm sống, chín tăng từ 65,7% lên 91,2%; khám sức khỏe, tập huấn ATTP cho công nhân tăng từ 68,8% lên 90,0%; trang bị bảo hộ lao động tăng từ 52,8% lên 90,0%; nguồn gốc thực phẩm tăng từ 64,3% lên 83,8%; có tủ kính thiết bị che đậy chống bụi và côn trùng tăng từ 76,6% lên 92,0 %; đủ dụng cụ chuyên dùng, bao gói hợp vệ sinh tăng từ 86,6% lên 91,8% ; đủ dụng cụ chứa chất thải tăng từ 64,3% lên 90,8%; nơi chế biến sạch, cách biệt nguồn ô nhiễm tăng từ 75% lên 90,6%.

c. Khó khăn, tồn tại

- Hà Nội là thành phố lớn, tốc độ đô thị hóa nhanh, việc quản lý ATTP đối với các cơ sở Thức ăn đường phố gặp nhiều khó khăn do: Số cơ sở lớn, luôn di biến động; đặc biệt khu vực ven đô, khu có đông người lao động thuê trọ, khu có nhiều công trình xây dựng dở dang..., những nơi này có nhiều quán ăn, quán ăn bình dân không đảm bảo điều kiện vệ sinh thực phẩm nên tiềm ẩn nguy cơ xảy ra ngộ độc thực phẩm với số người mắc đông.

- Việc quản lý bếp ăn tập thể đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên với đặc điểm bếp ăn tập thể các Khu công nghiệp có số người ăn uống hàng ngày lớn, nếu không thực hiện nghiêm túc quy định ATTP nhất là về nguồn gốc thực phẩm, quy trình bảo quản, chế biến rất dễ xảy ra ngộ độc thực phẩm hàng loạt.

- Đối với các Lễ hội: Hà Nội có rất nhiều Lễ hội, với các Lễ hội lớn, dài ngày như Chùa Hương, Phủ Tây Hồ, Chùa Thầy, Đền Và...công tác đảm bảo ATTP đã có sự quản lý chặt chẽ và dần đi vào nề nếp, song đối với những Lễ hội quy mô làng, xã chính quyền cơ sở cần quan tâm, chỉ đạo công tác này.

d. Các giải pháp tăng cường quản lý ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thức ăn đường phố:

Thứ nhất: Phải có sự chỉ đạo quyết liệt của các cấp chính quyền, đặc biệt là chính quyền cơ sở, bởi chính quyền cơ sở là nơi quản lý trực tiếp và nắm rõ hoạt động của các cơ sở trên địa bàn.

Thứ hai: Tăng cường phối hợp liên ngành trong quản lý ATTP bếp ăn tập thể, dự phòng xảy ra ngộ độc thực phẩm hàng loạt.

Thứ ba: Tiếp tục triển khai có hiệu quả các đề án, chương trình, mô hình điểm đối với DVAU và TAĐP.

Thứ tư: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về ATTP cho chủ cơ sở, hướng dẫn người dân lựa chọn sử dụng cơ sở thực phẩm an toàn.

Thứ năm: Thường xuyên thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về ATTP của các cơ sở, xử lý nghiêm hành vi vi phạm và công khai cơ sở vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Việc kiểm soát ATTP buôn bán chất cấm ngâm tẩm thực phẩm

Sở Nông nghiệp & PTNT phối hợp với UBND quận, huyện và chính quyền các địa phương tiến hành rà soát, thông kê các cơ sơ sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật có giấy chứng nhận ĐKKD; tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT. Kết quả trên địa bàn thành phố có 628 cơ sở (70 công ty sản xuất, kinh doanh và 494 cửa hàng buôn bán thuốc BVTV). Kết quả năm 2015:

- Cấp thành phố: Đã kiểm tra, xếp loại đối với 70 công ty, lấy 70 mẫu thuốc BVTV để kiểm định chất lượng. Kết quả: 04 công ty xếp loại A, 03 công ty xếp loại B, 13 công ty xếp loại C, 28 công ty không đủ chỉ tiêu để đánh giá, 22 công ty hiện đang chờ kết quả phân tích mẫu.

- Cấp quận huyện: Đã kiểm tra, xếp loại đối với 164 cửa hàng. Kết quả: Có 92 cửa hàng xếp loại B, 72 cửa hàng xếp loại C.

Ngoài ra, Chi cục BVTV thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, kiểm tra đột xuất. Năm 2015, tiến hành kiểm tra 554 cơ sở buôn bán thuốc BVTV, phát hiện 91 trường hợp vi phạm *(01 trường hợp buôn bán thuốc cấm, 01 trường hợp buôn bán thuốc nhập lậu; 03 trường hợp buôn bán thuốc hết hạn sử dụng; 02 trường hợp buôn bán thuốc không đảm bảo chất lượng)* số còn lại chủ yếu vi phạm về điều kiện kinh doanh. Xử lý: nhắc nhở 79 trường hợp, phạt tiền 11 trường hợp với số tiền 29 triệuđồng; phạt tiền 04 trường hợp vi phạm năm 2014 chuyển sang với số tiền 80 triệu đồng. Thu giữ 193,36 kg (lít) thuốc vi phạm chờ tiêu hủy. Đối với những trường hợp buôn bán thuốc cấm, thuốc nhập lậu sau khi bị xử lý VPHC đã được UBND xã thông báo công khai trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương để tăng tính răn đe, hạn chế tình trạng tái phạm.

- Về xác minh thông tin do cơ quan báo chí nêu việc sử dụng thuốc BVTV, hóa chất ngâm tẩm. Năm 2015 có 02 vụ việc, Sở Nông nghiệp và PTNT đã giao các đơn vị kiểm tra, xác minh thông tin. Cụ thể:

+ Xác minh việc sử dụng hóa chất ép chuối chín tại các chợ đầu mối (chợ đầu mối phía Nam, Minh Khai, Văn Quán) và điểm tập kết chuối tại phường Phúc Tân, Hoàn Kiếm. Kết quả kiểm tra đã phát hiện có hoạt động dấm ủ chuối tại điểm tập kết chuối phường Phúc Tân. Tiến hành lấy 02 mẫu chuối để phân tích đa dư lượng thuốc BVTV. Kết quả 02 mẫu đảm bảo ATTP các chỉ tiêu phân tích.

+ Thông tin "Tắm thuốc cực độc cho rau sạch" đăng trên báo Nông thôn ngày nay. Chi cục BVTV đã cử đoàn cán bộ xuống làm việc với UBND xã Vân Nội (Đông Anh) và xã Tiền Yên (Hoài Đức) và kiểm tra thực tế việc sử dụng

thuốc BVTV của nông dân tại 02 địa phương. Kết quả không phát hiện thông tin như báo nêu và chính quyền địa phương đã có văn bản phản hồi lại đối với cơ quan Báo chí.

C. Nhóm vấn đề quản lý đất đai, quản lý đô thị, phòng cháy chữa cháy.

Câu 7: Các dự án chậm triển khai, chậm đưa đất vào sử dụng, khó thu hồi.

Trả lời:

Thực hiện Luật Đất đai, UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 31/7/2009, Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 14/7/2010, Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 10/01/2014 tổ chức kiểm tra, rà soát việc sử dụng đất của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên địa bàn Thành phố có vi phạm như chậm bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chưa đưa đất vào sử dụng sau 12 tháng kể từ ngày nhận bàn giao đất trên thực địa; tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư; không thực hiện nghĩa vụ tài chính; sử dụng đất sai mục đích, cho thuê, chuyển nhượng trái pháp luật, để đất bị lấn chiếm, tranh chấp... Kết quả thực hiện như sau:

1. Về các dự án chậm triển khai theo kiến nghị của Thường trực HĐND Thành phố (*gồm: 45 dự án vốn ngoài ngân sách chậm triển khai trên địa bàn 8 quận, huyện do Thường trực HĐND Thành phố trực tiếp giám sát và 170 dự án của các quận, huyện còn lại chậm triển khai theo kiến nghị tại Báo cáo kết quả giám sát số 53/BC-HĐND ngày 20/9/2012 của Thường trực HĐND Thành phố*), UBND Thành phố đã báo cáo cụ thể tại báo cáo tổng hợp.

2. Kết quả kiểm tra, xử lý đối với đất giao cho các chủ đầu tư nhưng để hoang hóa, chậm đưa vào sử dụng hoặc chậm hoàn thành theo dự án tiến độ đăng ký theo các Kế hoạch.

Thực hiện các Kế hoạch, UBND Thành phố đã phân các vi phạm thành 4 nhóm, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính, Ban chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được phân công thành lập Đoàn kiểm tra việc sử dụng đất. Kết quả kiểm tra, xử lý khắc phục vi phạm như sau:

a. Nhóm các Dự án chậm hoàn thành công tác GPMB dẫn đến chậm triển khai dự án *(do Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố làm chủ trì kiểm tra, đề xuất xử lý):* có 326 Dự án, trong đó: 188 Dự án, sau khi đôn đốc, tháo gỡ và tạo điều kiện đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng; 62 Dự án đang được giải quyết vướng mắc, khó khăn để tiếp tục thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng; 53 Dự án Đoàn Kiểm tra đề nghị thu hồi quyết định giao đất, cho thuê đất; 23 Dự án đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư do điều chỉnh quy hoạch.

b. Nhóm các Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng thực hiện chậm hơn 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư được phê duyệt *(do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì kiểm tra, đề xuất xử lý):* có 75 Dự án, trong

đó: 08 Dự án đã cơ bản hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng; 04 Dự án đã có quyết định thu hồi đất hoặc thu hồi quyết định giao đất, cho thuê đất; 01 Dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp đề xuất phương án quản lý, sử dụng đất có hiệu quả; 12 Dự án, sau khi đôn đốc, giám sát, kiểm tra các chủ đầu tư triển khai thực hiện, đưa ra khỏi danh sách các dự án chậm triển khai; 01 Dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã hướng đơn vị thực hiện dự án; 08 Dự án giao UBND các quận, huyện, thị xã (nơi có đất) đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị thực hiện; 03 Dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường thanh tra để xác định rõ mức độ vi phạm và đề xuất phương án xử lý; 05 Dự án thực hiện chậm tiến độ được phép điều chỉnh tiến độ thực hiện (Sau khi hướng dẫn, đôn đốc: 04 Dự án đã cơ bản hoàn thành các thủ tục về đầu tư xây dựng và đã triển khai thi công xây dựng; 01 Dự án đã thực hiện xong công tác giải phóng mặt bằng); 01 Dự án chưa hoàn thành các thủ tục đầu tư theo quy định (Sau khi hướng dẫn, đôn đốc, chủ đầu tư đã tích cực hoàn thiện các thủ tục đầu tư, đã được bàn giao đất ngoài thực địa); 01 Dự án không còn phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, chủ đầu tư đề xuất phương án quản lý, sử dụng đất; 01 Dự án, Thanh tra Thành phố đang thanh tra toàn diện đối với dự án; 04 Dự án chậm tiến độ do vướng mắc trong công tác GPMB đã được tháo gỡ vướng mắc; 06 Dự án đã tiến hành thi công xây dựng nhưng chậm tiến độ so với Giấy chứng nhận đầu tư (sau khi hướng dẫn, đôn đốc: 01 Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng; 03 Dự án đã tích cực triển khai thực hiện, được điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư; 01 Dự án đã triển khai thi công; 01 Dự án phải điều chỉnh dự án cho phù hợp với quy hoạch phân khu); 20 Dự án chưa hoàn thành các thủ tục về đầu tư xây dựng và chưa thi công xây dựng, trong đó có 05 Dự án, UBND Thành phố đã có văn bản chỉ đạo yêu cầu các Chủ đầu tư khẩn trương liên hệ với các Sở, ngành Thành phố để được gia hạn theo quy định; 13 Dự án đã thanh tra; 02 Dự án, Thanh tra Bộ Xây dựng đang thanh tra).

c. ***Nhóm các dự án chưa đưa đất vào sử dụng sau 12 tháng kể từ ngày nhận bàn giao đất trên thực địa và các dự án vi phạm khác theo quy định của Luật Đất đai*** *(do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì kiểm tra, đề xuất xử lý)*: có 465 Dự án, trong đó: 271 Dự án, chủ đầu tư đã chủ động khắc phục hành vi chậm triển khai, chủ động triển khai dự án, đưa đất vào sử dụng khi kiểm tra, đôn đốc; 75 Dự án, UBND Thành phố đã có các văn bản chỉ đạo khắc phục sau thanh tra để tiếp tục triển khai dự án; 113 dự án chậm đưa đất vào sử dụng trong 12 tháng kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc sử dụng sai mục đích, tùy theo mức độ vi phạm đã xử phạt hành chính, yêu cầu khắc phục vi phạm, cho phép gia hạn, điều chỉnh mục tiêu đầu tư, điều chỉnh dự án; 02 Dự án vi phạm đã bị thu hồi đất; 04 Dự án, UBND Thành phố đã chỉ đạo thực hiện xử lý sau thanh tra, khắc phục khó khăn vướng mắc để triển khai thực hiện dự án.

d. Nhóm các Dự án có dấu hiệu vi phạm: chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai *(do Sở Tài chính chủ trì kiểm tra, đề xuất xuất lý):* có 107 Dự án, trong đó: 19 Dự án đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất ngay tại thời điểm thanh, kiểm tra; 13 Dự án thuộc đối tượng miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản, giãn tiến độ nộp tiền sử dụng đất, giảm tiền thuê đất theo

Nghị quyết 02/NQ-CP của Chính phủ; 04 Dự án chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất yêu cầu hoàn thành thủ tục theo quy định; 03 Dự án đang tạm dừng thực hiện (đến nay 01 Dự án đã bị thu hồi đất; 02 Dự án đang tiến hành thanh tra theo quy định); 68 Dự án chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai (trong đó: 02 Dự án thuộc nhóm tiền thuế nợ khó thu; 01 Dự án thuộc nhóm tiền thuế nợ đến 90 ngày; 54 Dự án thuộc nhóm tiền thuế nợ trên 90 ngày; 08 dự án thuộc nhóm nợ chờ xử lý; 03 Dự án thuộc nhóm tiền thuế nợ chờ điều chỉnh), Cục thuế Thành phố xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Kết quả xử lý và công khai các trường hợp vi phạm

Thực hiện Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 31/7/2009, Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 14/7/2010, Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 10/01/2014, UBND Thành phố đã xử phạt hành chính đối với 157 trường hợp, ban hành quyết định thu hồi 65 tổ chức với 69 Dự án có quyết định thu hồi đất, tổng diện tích thu hồi 1812 ha (trong đó: 33 Dự án có quyết định thu hồi đất hoặc thu hồi quyết định giao đất, cho thuê đất đã thu hồi trên thực tế; 36 Dự án, UBND Thành phố có quyết định thu hồi đất, tổ chức được giao quản lý đất thu hồi đang làm thủ tục nhận bàn giao và thực hiện công tác giải phóng mặt bằng). Năm 2015, UBND Thành phố Quyết định thu hồi đối với 07 dự án, tổng diện tích thu hồi là 62.332 m2 đất; đang lập hồ sơ, tiếp tục thu hồi 04 Dự án với tổng diện tích 1.086.562 m2.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai, Thành phố đã công khai các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Tổng cục Quản lý đất đai và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các trường hợp vi phạm về đất đai đã bị xử lý công khai nêu trên là căn cứ để thẩm định nhu cầu sử dụng đất của chủ đầu tư, không xem xét giao đất, cho thuê đất tiếp.

4. Những khó khăn, vướng mắc, tồn tại; nguyên nhân và giải pháp thực hiện trong thời gian tới.

a) Khó khăn, vướng mắc

Theo quy định của pháp luật đất đai, tuỳ theo mức độ vi phạm mà Nhà nước xử lý phạt hành chính cho đến thu hồi đất. Các trường hợp vi phạm phải làm rõ nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan (như tạm dừng để chờ rà soát sau khi hợp nhất, không còn phù hợp với quy hoạch chung xây dựng thủ đô được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; do kinh tế suy giảm ...) nên các Sở, ngành phải xác minh, làm rõ, nhiều trường hợp phải thanh tra để có phương án xử lý theo quy định của pháp luật và khả thi nên thời gian xử lý kéo dài. Tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý từ xử phạt hành chính đến thu hồi đất; ngoài ra có trường hợp theo quy định pháp luật đủ điều kiện thu hồi nhưng khi cơ quan chức năng kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đơn vị có phương án khắc phục khả thi thì cần có thời gian để đơn vị thực hiện.

- Theo quy định của Luật đất đai và các Nghị định của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai, các trường hợp vi phạm pháp luật đất đai bị thu hồi thì không được

bồi thường về đất và tài sản trên đất nên khi thu hồi đất trên thực địa thường phát sinh khiếu kiện.

- Các cơ quan thanh tra, kiểm tra còn chưa quyết liệt thực hiện do phức tạp, liên quan quyền lợi của chủ sử dụng, việc làm của người lao động tại các đơn vị bị thu hồi đất.

b) Giải pháp thực hiện trong thời gian tới

- Tổ chức thẩm định chặt chẽ dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng đất để lựa chọn được các nhà đầu tư có năng lực thực hiện dự án, đảm bảo đúng pháp luật và đúng tiến độ;

- Phát huy chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tạo quỹ đất "sạch", chấm dứt tình trạng dự án đầu tư chậm triển khai do công tác giải phóng mặt bằng.

- Tiếp tục rà soát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật đất đai của các tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn Thành phố; tổ chức kiểm tra, rà soát, hậu kiểm việc thực hiện các Kết luận Thanh tra, chỉ đạo xử lý sau thanh tra theo quy định của pháp luật.

- UBND các quận, huyện, thị xã, UBND phường, xã, thị trấn (nơi có đất) tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý đất đai, vận động nhân dân, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chấp hành đúng các quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành; kịp thời ngăn chặn các vi phạm ngay từ ban đầu.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách, trình tự tổ chức thực hiện các quyết định thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai, đảm bảo công khai, có tính pháp chế cao.

Câu 8: Việc quản lý, xây dựng trái phép trên đất nông nghiệp, việc kiểm tra xử lý các trang trại "biến tướng" (khu sinh thái) xây dựng trên đất nông nghiệp.

Trả lời:

I . Công tác quản lý về đất đai có liên quan đến hoạt động xây dựng (xây dựng công trình) trên địa bàn thành phố:

1. Tình hình chung:

Thực hiện Luật Đất đai và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, UBND Thành phố đã ban hành nhiều văn bản quy định để chỉ đạo về công tác quản lý Nhà nước đối với đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất công *(gồm đất nông nghiệp giao cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng và đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND các phường, xã, thị trấn quản lý, đất bãi bồi ven sông, đất chưa sử dụng).* Đồng thời ngày 14/01/2014, Chủ tịch UBND Thành phố đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với đất nông nghiệp, đất công trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Đến nay, công tác quản lý, sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm

nghiệp và đất công trên địa bàn Thành phố đã chuyển biến tích cực, bước đầu đã đi vào nề nếp, hiệu quả.

Tuy nhiên, các công trình vi phạm trên đất nông nghiệp tại một số địa bàn vẫn còn tồn tại chưa được xử lý (Thanh Trì, Đông Anh, Mỹ Đức), trong đó có cả những trường hợp tồn tại từ những năm trước đây, ví dụ: Việc xây dựng trên đất nông nghiệp tại xã Tân Triều, huyện Thanh Trì; vụ Gốc Đa, Cây Ổi tại phường Đại Kim, quận Hoàng Mai; vụ xây dựng nhà Biệt thự tại xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng ... bên cạnh đó việc kiểm tra, xử lý các công trình vi phạm trên đất nông nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

Tuy nhiên, do quá trình đô thị hóa tăng mạnh, dẫn đến việc quản lý, sử dụng có diễn biến phức tạp. Các công trình vi phạm trên đất nông nghiệp vẫn còn nhiều, trong đó có cả những công trình tồn tại từ những năm trước đây, ví dụ: Việc xây dựng trên đất nông nghiệp tại xã Tân Triều, huyện Thanh Trì; vụ Gốc Đa, Cây Ổi tại phường Đại Kim, quận Hoàng Mai; vụ xây dựng nhà Biệt thự tại xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng ...Việc lấn, chiếm, mua bán, chuyển đổi mục đích sử dụng đất công, đất nông nghiệp trái pháp luật dưới nhiều hình thức, diễn ra trên nhiều địa bàn, nhất là tại các vùng ven đô, khu vực được quy hoạch phát triển đô thị, phát triển công nghiệp. Nhiều trường hợp vi phạm chưa được chính quyền phường, xã, thị trấn và quận, huyện, thị xã ngăn chặn kịp thời, kiểm tra và xử lý triệt để theo quy định của pháp luật gây khó khăn cho công tác quản lý nhà nước về đất đai, về quy hoạch phát triển đô thị gây bức xúc trong dư luận.

2. Kết quả kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng trên đất nông nghiệp, đất công:

2.1. Kết quả kiểm tra, xử lý:

Theo báo cáo của UBND các quận, huyện, thị xã và kết quả kiểm tra, rà soát của lực lượng Thanh tra Xay dựng trên địa bàn thành thành phố, trong năm 2015 tại 28/30 quận, huyện, thị xã, đã phát hiện có 1.314 trường hợp vi phạm xây dựng trên đất không phải là đất ở (đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất công) trên địa bàn. Trong đó:

- Đã giải quyết, xử lý: 1.150 trường hợp.

- Đang tiếp tục giải quyết: 164 trường hợp.

(phục lục 1 kèm theo)

2.2 Một số trường hợp khu sinh thái xây dựng trên đất nông nghiệp điển hình đang xử lý.

a. Dự án Cánh Buồm Xanh (tại khu Cánh Buồm, Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm)

Dự án do ông Lý Duy Thành làm chủ đầu tư xây dựng nhiều công trình không có trong phương án được UBND huyện Gia Lâm phê duyệt tại khu đất đấu thầu với mục đích sử dụng làm mô hình VAC vi phạm trật tự xây dựng và sử dụng đất không đúng mục đích trong nhiều năm tại xã Ninh Hiệp nhưng chưa được chính quyền địa phương quan tâm xử lý dứt điểm vi phạm.

Sở Xây dựng đã chỉ đạo Thanh tra Sở phối hợp với UBND xã Ninh Hiệp kiểm tra, rà soát, thống kê, phân loại, xác định thời điểm vi phạm và thiết lập hồ sơ vi phạm hành chính tại khu Cánh Buồm Xanh, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm. UBND xã Ninh Hiệp đã ban hành quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình, bộ phận công trình vi phạm trật tự xây dựng. Tuy nhiên, đến nay các công trình, bộ phận công trình xây dựng vi phạm chưa được xử lý dứt điểm.

Ngày 04/8/2015, Sở Xây dựng Hà Nội đã có văn bản số 6784/SXD-TTr về việc xử lý vi phạm trật tự xây dựng tại khu Cánh Buồm, xã Ninh Hiệp, huyện Gia Lâm đề nghị đồng chí Chủ tịch UBND huyện Gia Lâm chỉ đạo UBND xã Ninh Hiệp phối hợp với Đội Thanh tra Xây dựng huyện Gia Lâm, các phòng ban chức năng của huyện và các đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ xử lý vi phạm, xây dựng kế hoạch và phương án xử lý theo quy định đảm bảo đúng pháp luật; báo cáo UBND huyện Gia Lâm để cương quyết tổ chức cưỡng chế phá dỡ triệt để công trình, bộ phận công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng, tuyệt đối không để phát sinh trường hợp vi phạm mới trong khu Cánh Buồm, xã Ninh Hiệp mà không kịp thời xử lý.

b. Các dự án cải tạo VAC, lập vườn trại, phát triển chăn nuôi, thả cá tại xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng:

Năm 2014, trên địa bàn xã Thượng Mỗ, huyện Đan Phượng, Thanh tra Sở Xây dựng đã kiểm tra phát hiện 3 trường hợp được UBND huyện Đan Phượng chấp thuận cho thuê đất làm dự án cải tạo VAC, lập vườn trại, phát triển chăn nuôi, thả cá. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện dự án chủ đầu tư sử dụng đất không đúng mục đích (xây dựng nhà kiên cố) không có GPXD theo quy định, xây dựng một số hạng mục công trình vi phạm hành lang bảo vệ đê điều, vi phạm Đất đai, trật tự xây dựng đã được Thanh tra Sở Xây dựng, UBND huyện Đan Phượng, Đội Thanh tra Xây dựng huyện Đan Phượng, UBND xã Thượng Mỗ thiết lập hồ sơ vi phạm và ban hành các quyết định xử lý theo thẩm quyền. Các chủ đầu tư đã chấp hành khắc phục và tự giác tháo dỡ một phần vi phạm. Ngày 25/8/2014, Sở Xây dựng đã có văn bản số 6307/SXD-TTr báo cáo UBND Thành phố.

c. Dự án cải tạo vườn trại, phát triển chăn nuôi thả cá kết hợp với sinh thái dịch vụ tại Khu Đầm Sành, xã Đan phượng, huyện Đan Phượng:

Dự án do bà Nguyễn Thị Minh Hồng làm chủ đầu tư được UBND huyện Đan Phượng cho thuê đất. Trong đó yêu cầu khi thực hiện ĐTXD dự án phải làm thủ tục xin phép của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên qua kiểm tra công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thanh tra Sở Xây dựng, Đội Thanh tra xây dựng huyện Đan Phượng phát hiện thấy chủ đầu tư xây dựng công trình nhà kiên cố và một số hạng mục phụ trợ không có GPXD đã được Đội Thanh tra Xây dựng huyện Đan Phượng thiết lập hồ sơ và chuyển đến chính quyền địa phương xử lý theo thẩm quyền, đồng thời ngày 30/10/2015 Thanh tra Sở đã có văn bản số 717/TTr-KHTH đôn đốc UBND huyện Đan Phượng xử lý theo thẩm quyền. Đến nay dự án đã được UBND huyện Đan Phượng cấp Giấy phép xây dựng số 76/GPXD ngày 09/112015.

3. Nguyên nhân:

a. Nguyên nhân khách quan:

- Quy trình xử lý vi phạm được áp dụng liên quan đến việc xử lý các công trình vi phạm trên đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất công còn chưa đồng bộ về trình tự xử lý, thời gian xử lý và thẩm quyền xử lý như Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007; Nghị định 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013; Nghị định 105/2009/NĐ-CP (nay là Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014) của Chính phủ. Do vậy, quan điểm chỉ đạo xử lý của một số quận, huyện, thị xã áp dụng giải quyết khác nhau không tạo nên sự thống nhất chung. Có quận, huyện áp dụng Nghị định 180/2007/NĐ-CP; có huyện áp dụng Nghị định 102/2014/NĐ-CP trong xử lý vi phạm liên quan đến việc quản lý và sử dụng đất đai, hồ sơ xử lý vi phạm được Phòng Tư pháp của quận, huyện thẩm định hồ sơ dẫn đến kéo dài thời gian xử lý nhất là các huyện của tỉnh Hà Tây (cũ) mới hợp nhất như: Sơn Tây, Quốc Oai, Hoài Đức, Ba Vì...

- Do việc quản lý của chính quyền cơ sở còn gặp nhiều khó khăn do địa bàn quản lý rộng, đất nông nghiệp xen kẹp với đất ở cũng như thủ đoạn ngày càng tinh vi của các đối tượng vi phạm (lợi dụng thời gian ngày nghỉ, ngày lễ; huy động nhân công để vi phạm..).

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Một số địa phương chính quyền cấp quận, huyện, thị xã chưa đề cao trách nhiệm, còn giao phó cho chính quyền cấp phường, xã, thị trấn hoặc thiếu quyết liệt, thiếu sự giám sát kiểm tra và chưa kiên quyết, chủ động xử lý các vi phạm. Đối với cấp phường, xã, thị trấn, mặc dù được phân cấp quản lý. Một bộ phận cán bộ các cấp còn nể nang, né tránh, ngại va chạm hoặc có tiêu cực, vi phạm đạo đức công vụ... Sự phối hợp giữa các cơ quan Xây dựng, Tài nguyên Môi trường, Nông nghiệp... trong quá trình xử lý vi phạm chưa được nghiêm túc, kịp thời.

- Một số xã, phường, thị trấn chưa kiên quyết, kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm về đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất công theo thẩm quyền, đúng quy định của pháp luật ngay từ khi các vi phạm mới xảy ra.

4. Phương hướng, giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

Để tăng cường quản lý Nhà nước đối với đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất công theo đúng mục đích, quy hoạch được phê duyệt, ngăn chặn kịp thời và xử lý theo quy định của pháp luật. UBND Thành phố yêu cầu các Sở, ngành, UBND các quận, huyện, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ được phân công tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với đất nông nghiệp, đất công trên địa bàn Thành phố, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu cho UBND Thành phố xây dựng xây dựng Quy trình kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp xây dựng trên đất nông nghiệp, lâm nghiệp, đất công để thống nhất trên địa bàn toàn Thành phố. Trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sự phối hợp của các sở, ngành và chính quyền các cấp, hạn chế việc đùn đẩy, né tránh trách nhiệm

hoặc chồng chéo về thẩm quyền giải quyết, góp phần nâng cao hiệu quả nhà nước trong việc quản lý đất đai, xây dựng, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Giao Sở Xây dựng tiếp tục chỉ đạo Thanh tra Sở, lực lượng Thanh tra Xay dựng trên địa bàn Thành phố tăng cường kiểm tra, giám sát, thiết lập hồ sơ vi phạm, kịp thời chuyển và tham mưu chính quyền cơ sở ngăn chặn, xử lý dứt điểm vi phạm.

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm xây dựng và ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về việc xử phạt hành chính trong lĩnh vực đất đai, trong đó quy định rõ thẩm quyền lập biên bản và xử lý của các ngành, các cơ quan khác có liên quan.

Câu 9: Việc xử lý các vi phạm trật tự xây dựng đối với các công trình vi phạm tại các dự án khu đô thị.

Trả lời:

Trong năm 2015 dưới sự chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, UBND Thành phố đã chỉ đạo giao Sở Xây dựng tập trung xử lý các trường hợp vi phạm trật tự xây dựng tại các công trình thuộc dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở thương mại trên địa bàn thành phố Hà Nội. UBND các quận, huyện, thị xã đã có nhiều cố gắng, triển khai thực hiện nhiệm vụ công tác quản lý trật tự xây dựng theo quy định của pháp luật và Quy chế phối hợp trong công tác quản lý trật tự xây dựng giữa Sở Xây dựng và UBND các quận, huyện, thị xã; UBND các xã, phường thị trấn trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định 09/2014/QĐ-UBND ngày 14/02/2014 của UBND Thành phố. Vì vậy, công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố đã có nhiều chuyển biến tích cực: Công tác kiểm tra, phát hiện, kiểm soát và xử lý các vụ việc vi phạm trật tự xây dựng đã được thực hiện tốt hơn, số lượng các vụ vi phạm giảm được dư luận, nhân dân ghi nhận, ủng hộ và đồng tình.

Việc quản lý trật tự xây dựng tại các dự án khu đô thị trên địa bàn Thành phố đòi hỏi có sự tham gia, phối hợp chặt chẽ của nhiều Sở, ngành của Thành phố, chính quyền các cấp, các cơ quan, đơn vị có liên quan (công an, đơn vị cung cấp dịch vụ điện, nước,...) cũng như sự chấp hành, phối hợp của các chủ đầu tư dự án.

Theo quy định tại Điều 113 Luật Tổ chức HĐND&UBND, Điều 10 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ, Điều 3 Quyết định 09/QĐ-UBND ngày 14/02/2014 của UBND Thành phố ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng giữa Sở xây dựng Hà Nội và UBND quận, huyện, thị xã, UBND xã, phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố: Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm về tình hình vi phạm trật tự xây dựng đô thị trên địa bàn quản lý.

1. Kết quả xử lý vi phạm trật tự xây dựng đối với các dự án khu đô thị:

a. Kết quả rà soát đối với các dự án:

UBND Thành phố đã có văn bản số 8712/UBND-XDGT ngày 10/11/2014 về tổ chức thực hiện sau rà soát tổng thể các dự án phát triển nhà ở thương mại, khu đô thị mới trên địa bàn Thành phố, giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Quy hoạch – Kiến trúc

tiến hành rà soát danh mục 573 dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở thương mại trên địa bàn.

Kết quả kiểm tra, rà soát có 16 Dự án đã hoàn thành, 370 đã và đang triển khai đầu tư xây dựng. Trong 573 dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở thương mại có:

- 412 dự án đã được giao đất (39 dự án đã đưa vào sử dụng, 306 dự án cơ bản phù hợp với quy hoạch, 39 dự án chưa phù hợp với quy hoạch, 2 dự án thu hồi, 26 chưa có cơ sở để đánh giá);

- 71 dự án đã được chấp thuận đầu tư (44 dự án cơ bản phù hợp với quy hoạch, 14 dự án chưa phù hợp với quy hoạch, 13 dự án chưa có cơ sở để đánh giá);

- 60 dự án được phê duyệt quy hoạch chi tiết (30 dự án cơ bản phù hợp với quy hoạch, 29 dự án chưa phù hợp với quy hoạch, 01 dự án chưa có cơ sở để đánh giá);

- 30 dự án được chấp thuận chủ trương hoặc giao chủ đầu tư (09 dự án cơ bản phù hợp quy hoạch, 14 dự án chưa phù hợp với quy hoạch, 07 dự án chưa có cơ sở để đánh giá).

Kết quả đạt được: Các Chủ đầu tư đã và đang chấp hành nghiêm các yêu cầu của đoàn kiểm tra, khắc phục những vấn đề tồn tại, qua công tác kiểm tra Sở, ban, ngành tiếp tục hoàn chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật và các chế tài xử lý để đảm bảo công tác quản lý, xử lý trật tự xây dựng đối với các Dự án Khu đô thị đạt hiệu quả.

b. Tình hình vi phạm trật tự xây dựng tại các khu đô thị:

Theo quy định tại Điều 5 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ, công trình vi phạm trật tự xây dựng là các công trình thuộc 1 trong 4 dạng công trình sau: Công trình xây dựng không phép; Công trình xây dựng sai nội dung Giấy phép xây dựng; Công trình xây dựng sai thiết kế được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt hoặc sai quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với công trình xây dựng được miễn Giấy phép xây dựng); Công trình xây dựng có tác động đến chất lượng công trình lân cận; ảnh hưởng đến môi trường, cộng đồng dân cư.

Đối với các dự án khu đô thị, vi phạm trật tự xây dựng được biểu hiện qua các hành vi vi phạm trong các hoạt động xây dựng như:

- Xây dựng sai phép, sai quy hoạch về chiều cao, số tầng;

- Chia nhỏ diện tích căn hộ dẫn đến tăng số lượng căn hộ;

- Tăng diện tích xây dựng, do đó làm tăng mật độ xây dựng;

- Chiếm dụng diện tích hạ tầng kỹ thuật, xây dựng trên diện tích đất công cộng, vườn hoa, đường dạo,... để kinh doanh dịch vụ;

- Sử dụng sai công năng của các tầng phụ trợ (tầng kỹ thuật, tầng tum, tầng mái,..), chuyển từ mục đích kỹ thuật, phụ trợ thành diện tích ở, văn phòng để kinh doanh;

- Không có biện pháp, phương tiện che chắn trong quá trình thi công gây ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường;

- Gây ảnh hưởng (lún, nứt) đến chất lượng các công trình lân cận.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội,... thi công không đúng quy hoạch được duyệt; cốt sàn nền không đảm bảo.

c. Kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm tại các dự án khu đô thị năm 2015:

* Kết quả xử lý năm 2015:

- Sở Xây dựng đã phê duyệt kế hoạch và chỉ đạo Thanh tra Sở thực hiện 147 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với các dự án (trong đó có 21 công trình tại các dự án khu đô thị), ban hành 72 Quyết định xử phạt với tổng số tiền là 2.099.850 đồng; 15 Quyết định thu hồi với tổng số tiền là 10.086.936.500 đồng.

- Các Đội Thanh tra xây dựng quận, huyện, thị xã đã phối hợp với UBND cấp xã và các phòng, ban chuyên môn cấp huyện kiểm tra đối với 94 dự án trên địa bàn Thành phố (trong đó có 21 dự án khu đô thị). Qua kiểm tra, phát hiện 65 dự án vi phạm trật tự xây dựng (22 trường hợp không có giấy phép xây dựng; 35 trường hợp xây dựng sai giấy phép, sai thiết kế, sai quy hoạch được duyệt; 08 dự án vi phạm về vệ sinh môi trường, an toàn lao động).

Đối với các dự án khu đô thị, có 18 dự án vi phạm trật tự xây dựng, trong đó 06 dự án không phép, 10 dự án sai phép, sai quy hoạch, sai thiết kế, 02 dự án vi phạm về vệ sinh môi trường, an toàn lao động. Đã tham mưu trình UBND các cấp ban hành 13 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền là 897.500.000 đồng.

Một số dự án vi phạm trật tự xây dựng đã kiểm tra (có phụ lục 2 và 3 kèm theo)

2. Tồn tại, hạn chế:

- Việc triển khai thực hiện các dự án khu đô thị thường diễn ra trong một khoảng thời gian tương đối dài. Trong thời gian trên, cơ chế, chính sách pháp luật đôi khi có sự thay đổi, nhất là các quy định về việc cấp phép xây dựng. Luật xây dựng năm 2003, Nghị định 64/2012/NĐ-CP, Nghị quyết 43/NQ-CP ngày 06/6/2014 của Chính phủ, Luật Xây dựng năm 2014 có nội dung quy định khác nhau về việc xin cấp phép (hoặc miễn phép) đối với các công trình xây dựng thuộc dự án khu đô thị đã có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quan điểm của các cấp, các ngành đối với một số trường hợp dự án khu đô thị cụ thể còn khác nhau về việc phải đi xin phép hoặc được miễn phép xây dựng. Do vậy, việc kết luận hành vi vi phạm còn gặp khó khăn;

- Việc kiểm tra của các ngành, các cấp chính quyền chưa được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình thực hiện dự án. Bên cạnh đó, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của các cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ kiểm tra còn hạn chế nên đôi khi nảy sinh tư tưởng ngại kiểm tra;

- Một số chủ đầu tư dù biết vi phạm vẫn tìm mọi cách vi phạm do lợi nhuận cao. Tình trạng không kiểm soát, giám sát đối với các chủ đầu tư thứ cấp cũng như không phối hợp với chính quyền trong việc kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng của các chủ đầu tư cấp 1 còn diễn ra phổ biến;

- Nhiều dự án gặp khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng dẫn đến việc bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư để thực hiện dự án bị chậm, một số dự án đến nay vẫn còn một phần diện tích đất chưa được giải phóng mặt bằng nên chưa thể hoàn thành đầu tư xây dựng;

- Một số chính quyền địa phương có công trình vi phạm trật tự xây dựng tại các dự án khu đô thị trong quá trình triển khai thực hiện, còn nảy sinh tư tưởng phó mặc cho các chủ đầu tư cấp 1 của dự án khu đô thị mới, chưa thực hiện các chức năng quản lý nhà nước tại cơ sở, nhất là khi dự án đang triển khai thực hiện và chưa được bàn giao cho chính quyền địa phương.

3. Phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới:

- Chỉ đạo Sở Xây dựng, các Sở, Ngành có liên quan, UBND quận, huyện, thị xã tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các dự án đang được triển khai xây dựng. Việc kiểm tra được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục để giám sát việc thực hiện theo đúng quy hoạch, theo đúng giấy phép xây dựng đã được cấp đối với các dự án. *Kiên quyết không để xảy ra các sai phạm mới, đồng thời từng bước xử lý dứt điểm các vi phạm, tồn tại cũ*;

- Thực hiện nghiêm các chế tài xử phạt để buộc các chủ đầu tư dự án vi phạm nghiêm túc thực hiện:

+ Tăng cường xử phạt vi phạm hành chính trong các hoạt động xây dựng đối với các chủ đầu tư thực hiện dự án không đúng tiến độ, chậm bàn giao nhà ở cho khách hàng theo cam kết, không thực hiện chế độ báo cáo giám sát dự án.

+ Kiên quyết thu hồi dự án đối với nhà đầu tư cố tình trì hoãn việc thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng dự án, chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính của dự án.

+ Không giao dự án mới cho nhà đầu tư khi nhà đầu tư chưa hoàn thành công tác quản lý sau đầu tư đối với các dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng.

- Đề xuất, chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra xử lý theo quy định của pháp luật đối với các trường hợp vi phạm đã có quyết định đình chỉ thi công xây dựng công trình nhưng chủ đầu tư vẫn cố tình tiếp tục thi công, để công tác xử lý vi phạm trật tự xây dựng ngày một chặt chẽ, đảm bảo tính nghiêm minh pháp luật.

- Tổ chức kiểm điểm xử lý nghiêm các tổ chức, các nhân để xảy ra vi phạm về trật tự xây dựng theo qui định.

Câu 10: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, doanh nghiệp, nhất là các tổ chức đã sử dụng từ trước

Trả lời:

1. Tình hình và kết quả thực hiện

Thực hiện Luật đất đai 2013 và các Nghị định của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai 2013, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 quy định về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho các tổ chức sử dụng đất trên địa bàn Thành phố. Kết quả đến nay (tính lũy kế) trên địa bàn Thành phố cấp được 10.547 GCN/19.247 thửa đất đã sử dụng từ trước (đạt 55%), với diện tích 16.801ha (tỷ lệ theo diện tích đạt 63,0%).

Đối với các tổ chức chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc đối tượng thuê đất, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Cục Thuế Hà Nội căn cứ hồ sơ quản lý đất đai, hồ sơ kê khai theo Chỉ thị 245/TTg của Thủ tướng Chính phủ để tạm thu tiền thuê đất theo quy định; đồng thời hướng dẫn chủ sử dụng đất kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận.

2. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- *Đối với các Tổ chức kinh tế:* Thực hiện Chỉ thị 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ về kê khai sử dụng đất và ký Hợp đồng thuê đất với

Nhà nước việc rà soát và lập hồ sơ kê khai cấp Giấy chứng nhận được triển khai trên diện rộng từ năm 1996, nhưng số liệu các đơn vị kê khai không chính xác (chủ yếu theo số liệu trên sổ sách), không đúng với thực tế nên khó khăn cho việc lập hồ sơ, nhiều trường hợp có tranh chấp nên không lập được hồ sơ.

Đối với các vị trí đất các đơn vị xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải thực hiện theo các quy trình thủ tục được UBND Thành phố quy định, như: xác định lại diện tích thực tế đang quản lý sử dụng (được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận không tranh chấp khiếu kiện); xin thỏa thuận quy hoạch kiến trúc, chỉ giới đường đỏ; các vị trí đất cải tạo hoặc xây mới phải thực hiện lập dự án... nên thời gian kéo dài.

Nhiều đơn vị hiện nay sử dụng đất không phù hợp quy hoạch, nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình đê, đường, điện, di tích lịch sử văn hoá, công trình an ninh, quốc phòng hoặc không đảm bảo môi trường và không phù hợp với quy hoạch xây dựng đô thị nên phải làm thủ tục thoả thuận với các cơ quan quản lý chuyên ngành. Vì vậy, chưa thể cấp Giấy chứng nhận được khi chưa xử lý xong.

- Đối với Các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị- xã hội - nghề nghiệp; tổ chức - xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức hành chính sự nghiệp, Đơn vị vũ trang nhân dân: Trước khi tiến hành kê khai cấp Giấy chứng nhận phải thực hiện xử lý, sắp xếp lại cơ sở nhà đất theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, công tác xử lý, sắp xếp lại cơ sở nhà đất theo Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg còn chậm, nhất là các đơn vị thuộc Trung ương làm ảnh hưởng đến tiến độ cấp Giấy chứng nhận.

Một số tổ chức sử dụng đất sai mục đích, tự chuyển đổi mục đích sang làm đất ở hoặc chuyển đổi công năng nhà sau ngày 27/11/1992 nên khó thực hiện việc di dời các hộ gia đình, cá nhân ra khỏi khuôn viên đất.

- Đối với các cơ sở tôn giáo, đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh: Khi tiến hành kê khai phải thực hiện trình tự thủ tục như: xác định lại diện tích thực tế đang quản lý sử dụng (được UBND cấp xã nơi có đất xác nhận không tranh chấp khiếu kiện); Xin thỏa thuận quy hoạch kiến trúc, chỉ giới đường đỏ... nhưng các chủ sử dụng đất không thực hiện việc kê khai, lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Nhiều di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh chưa được xếp hạng nên chưa dược khoanh vùng bảo vệ dẫn đến thiếu căn cứ khi cấp Giấy chứng nhận.

3. Các giải pháp đẩy mạnh việc cấp Giấy chứng nhận cho tổ chức trong thời gian tới

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án tổng thể xây dựng hồ sơ địa chính Thành phố; Đo đạc bản đồ, lập hồ sơ địa chính thống nhất theo tiêu chuẩn quy phạm hiện hành và sử dụng ngay các sản phẩm đã nghiệm thu để phục vụ kê khai, cấp Giấy chứng nhận.

- Tiếp tục cấp Giấy chứng nhận cho các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị- xã hội - nghề nghiệp; tổ chức - xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp sử dụng đất mà không chờ quy hoạch phân khu và kết quả sắp xếp theo Quyết định 09/2007/QĐ-TTg. Đối với các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị- xã hội - nghề nghiệp; tổ chức - xã hội; tổ chức xã hội - nghề nghiệp; tổ chức hành chính sự nghiệp, Đơn vị vũ trang nhân dân: tiến hành cấp ngay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đơn vị mà không đợi kết quả xử lý, sắp xếp lại cơ sở nhà đất theo quyết định 09/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và cấp theo hiện trạng sử dụng đất mà không phải xin không phải thỏa thuận về quy hoạch kiến trúc và cấp chỉ giới đường đỏ.

- Hiện đại hóa hệ thống đăng ký đất đai trên địa bàn Thành phố với việc triển khai một hệ thống thông tin đất đai đạt chuẩn; nâng cao chất lượng hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội và các Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để tổ chức thực hiện việc kê khai đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.

- Tiếp tục triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trong cấp GCN quyền sử dụng đất cho các tổ chức trên địa bàn Thành phố và tiếp tục rà soát cải cách TTHC tại trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và môi trường.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, thông báo công khai trên phương tiện truyền thông để các tổ chức thuê đất, được giao đất phải đến kê khai cấp Giấy chứng nhận.

Câu 11: Việc quản lý nhà chung cư, quỹ nhà công và sử dụng quỹ nhà kinh doanh dịch vụ tại các khu chung cư tái định cư.

Trả lời:

I. Công tác quản lý nhà chung cư (thương mại và tái định cư)

Trên địa bàn Thành phố hiện có 643 nhà chung cư đã đưa vào sử dụng, tập trung trên địa bàn 15 quận, huyện (gồm 11 quận và 04 huyện: Thanh Trì, Gia Lâm, Hoài Đức, Đan Phượng); trong đó 477 nhà chung cư thương mại và 166 chung cư tái định cư.

Việc quản lý sử dụng, vận hành sau đầu tư tại các nhà chung cư thương mại do Chủ đầu tư quản lý vận hành cho đến khi thành lập Ban Quản trị theo quy định. Đối với nhà tái định cư, Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội là đơn vị tiếp nhận quản lý quỹ nhà sau khi hoàn thành để bán cho các đối tượng và đưa vào sử dụng, Công ty trực tiếp quản lý vận hành 108 tòa; Tổng Công ty Đầu tư và phát triển nhà Hà Nội tiếp nhận và thực hiện công tác quản lý vận hành 18 tòa *(tại khu Nam Trung Yên từ ngày 01/7/2013);* 13 tòa nhà chung cư do một số chủ đầu tư, đơn vị thi công được giao quản lý vận hành sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng và 27 tòa (là các nhà thấp tầng, không có thang máy) do các hộ dân tự quản.

1. Kết quả đã đạt được.

a. Hoàn thiện các hệ thống văn bản pháp luật:

Theo quy định của Luật Nhà ở năm 2005 và các văn bản hướng dẫn như: Nghị định 71/2010/NĐ-CP; Thông tư số 16/2010/TT-BXD và Quyết định số

08/2008/QĐ-BXD của Bộ Xây dựngvề việc ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư, UBND Thành phố đã ban hành các văn bản sau:

- Quyết định số 01/2013/QĐ-UBND ngày 4/1/2013 của UBND Thành phố về việc ban hành quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư trên địa bàn thành phố Hà Nội;

- Các Quyết định số 4520/QĐ-UBND ngày 29/9/2011; số 4341/QĐ-UBND ngày 31/5/2013; số 3185/QĐ-UBND ngày 16/6/2014 và số 3206/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 ban hành khung giá dịch vụ nhà chung cư trên địa bàn Thành phố;

- Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND Thành phố về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn kinh phí bảo trì nhà chung cư trên địa bàn Thành phố.

Trong những năm qua, Thành phố đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo, Sở Xây dựng và các sở, ngành đã tích cực phối hợp, hướng dẫn UBND các quận, huyện nơi có nhà chung cư tổ chức nhiều buổi tập huấn, làm việc trực tiếp, tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn, giải quyết các vướng mắc phát sinh trong công tác quản lý sử dụng. Đồng thời đã tổng hợp các nội dung vướng mắc, bất cập và phối hợp với Bộ Xây dựng để nghiên cứu, bổ sung các quy định cụ thể hơn tại Luật Nhà ở 2014 và đã được Chính phủ quy định chi tiết tại 03 Nghị định gồm: Nghị định 99/2015/NĐ-CP về quản lý và phát triển các loại nhà trong đó có nhà chung cư; Nghị định 100/2015/NĐ-CP về nhà ở xã hội; Nghị định 101/2015/NĐ-CP về cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ. Trong đó, Nghị định 99/2015 đã có quy định riêng về quản lý sử dụng nhà chung cư phục vụ tái định cư do có những cơ chế đặc thù hơn các loại hình chung cư khác. *Tại các quy định mới này, đã bổ sung những chế tài đối với các Chủ đầu tư, trong đó có việc cưỡng chế bàn giao kinh phí bảo trì phần sở hữu chung trong trường hợp chủ đầu tư chây ỳ hoặc chậm bàn giao; Ban quản trị đã có tư cách pháp nhân và con dấu riêng, có quy định chi tiết về khung pháp lý đối với các hoạt động của Ban quản trị. Đối với trường hợp Chủ đầu tư chậm tổ chức Hội nghị nhà chung cư thành lập Ban quản trị thì ngoài các chế tài xử lý còn bổ sung quy định và trao quyền tổ chức Hội nghị nhà chung cư lần đầu cho UBND cấp phường....Đồng thời, Chính phủ đã cho phép sử dụng nguồn thu từ kinh phí cho thuê diện tích kinh doanh dịch vụ thuộc sở hữu nhà nước tại các nhà chung cư tái định cư để thực hiện bảo trì các hạng mục chính của tòa nhà và hỗ trợ một phần cho công tác quản lý vận hành đối với nhà chung cư tái định cư.*

Đây là một trong những kết quả quan trọng trong việc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý sử dụng trong giai đoạn vừa qua. Hiện nay, Bộ Xây dựng đang hoàn tất Dự thảo Thông tư để thay thế Quyết định 08/2008/QĐ-BXD,

b. Một số kết quả cụ thể đã đạt được trong công tác quản lý sử dụng nhà chung cư.

Trong quá trình triển khai thực hiện, các sở, ngành liên quan của Thành phố đã tập trung giải quyết những vấn đề tồn tại, vướng mắc trong công tác quản lý nhà chung cư trên cơ sở những nội dung được chỉ ra, những nội dung cần phải thực hiện tại các Báo cáo giám sát của Hội đồng nhân dân (tại các kỳ 5, kỳ 6 và

kỳ 11), các chỉ đạo của UBND Thành phố; do đó công tác này đã có những chuyển biến và đạt được những kết qủa sau:

- Thành lập được 191 Ban Quản trị nhà chung cư, cụm nhà chung cư tại 297 nhà chung cư, đạt tỷ lệ 40% số nhà chung cư đã đưa vào sử dụng. Trong đó: Nhà chung cư thương mại đã thành lập 177 Ban Quản trị tại 281 tòa; Nhà chung cư tái định cư đã thành lập 16 Ban Quản trị tại 18 tòa. Các Ban quản trị sau khi được UBND cấp quận công nhận bước đầu đã hoạt động, là cầu nối quan trọng giữa nhân dân sinh sống tại các nhà chung cư với chính quyền địa phương, chủ đầu tư và đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư trong việc quản lý sử dụng, vận hành khai thác các thiết bị sử dụng chung, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, giảm hẳn những khiếu nại của các cư dân.

- Đã giải quyết được các tranh chấp liên quan đến giá dịch vụ nhà chung cư; hàng năm Thành phố đều ban hành khung giá dịch vụ, làm cơ sở để các chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành và các chủ sở hữu thực hiện.

- Theo quy định mới việc bố trí các phòng sinh hoạt cộng đồng tại các nhà chung cư đã được thực hiện, đặc biệt từ sau khi Thành phố ban hành Quyết định 01/2013/QĐ-UBND và tới đây là Nghị định 99/2015/NĐ-CP thì các thiết kế đã bổ sung phòng sinh hoạt cộng đồng theo quy chuẩn, đối với các nhà chung cư đã xây dựng thì các chủ đầu tư đã từng bước thực hiện trách nhiệm trong việc bố trí phòng sinh hoạt cộng đồng từ các diện tích chưa bán; qua đó, cơ bản đã làm giảm các bức xúc trong cư dân.

- Mô hình các Chủ đầu tư đã chủ động quản lý vận hành các quỹ nhà do mình xây dựng được người dân chấp nhận tại các nhà chung cư thương mại, công tác quản lý sử dụng, vận hành nhà chung cư đã có những chuyển biến tích cực; tranh chấp giữa các chủ sở hữu căn hộ và chủ đầu tư giảm hẳn.

- Đánh giá về những kết quả đạt được ban đầu đối với công tác quản lý sử dụng nhà chung cư tái định cư, tại Báo cáo kết quả giám sát của Hội đồng nhân dân Thành phố (số 33/BC-HĐND ngày 25/8/2015) đã ghi nhận: Công tác quản lý, vận hành nhà chung cư tái định cư trong giai đoạn gần đây đã có những chuyển biến, từng bước đi vào nề nếp, bài bản hơn; việc theo dõi, quản lý quỹ nhà chặt chẽ hơn, chi tiết và cụ thể hơn. Các vấn đề dân sinh bức xúc như diện tích sử dụng chung, thiết bị sử dụng chung (thang máy, PCCC,..) bước đầu đã được tháo gỡ, bảo đảm vệ sinh môi trường kịp thời hơn những năm trước. Trong những năm qua, Thành phố đã chủ động sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách Thành phố để hỗ trợ thực hiện công tác bảo trì trang thiết bị sử dụng chung (nhất là hệ thống thang máy và hệ thống PCCC), thực hiện cải tạo, sửa chữa mặt ngoài, thấm dột mái, đảm bảo vệ sinh môi trường,... qua đó bộ mặt một số khu chung cư tái định cư được cải thiện khang trang hơn, gọn gàng hơn.

2. Một số tồn tại, hạn chế.

a. Nhà chung cư thương mại.

- Tại một số nhà chung cư nảy sinh một số tranh chấp liên quan đến sở hữu chung – riêng sau khi các chủ sở hữu căn hộ đã có giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nhưng Chủ đầu tư vì nhiều lý do hoặc chưa quyết toán hoàn thành dự án, chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà tại chung cư,... Một số tòa nhà chung cư, Chủ đầu tư đã xây dựng trái phép một số diện tích trên mái,

sân thượng (mà theo quy định diện tích sân thượng, mái thuộc sở hữu chung) hoặc tại các tầng kỹ thuật tòa nhà,...

- Một số Chủ đầu tư chưa nghiêm túc thực hiện, chậm trễ trong việc bàn giao kinh phí bảo trì 2%, viện dẫn nhiều lý do, căn cứ theo một số quy định chồng chéo giữa các thời kỳ để trì hoãn việc chuyển giao kinh phí bảo trì cho Ban Quản trị (như: Chung cư Keangnam, Rainbow Văn Quán, D11 Trần Thái Tông, No17-1, No17-2 Sài Đồng, ...). Do Luật Nhà ở 2005 chưa quy định về thời hạn Chủ đầu tư phải bàn giao, chưa có chế tài, biện pháp xử lý Chủ đầu tư, dẫn đến khó khăn cho cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình hướng dẫn, kiểm tra và yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện; gây bức xúc trong cư dân.

- Những nhà chung cư đưa vào sử dụng trước Luật Nhà ở 2005 và trước Nghị định 71/2010/NĐ-CP đa phần không có quỹ bảo trì 2%, thiếu phòng sinh hoạt cộng đồng, hợp đồng mua bán không theo mẫu và hiện đã bắt đầu xuống cấp, việc thành lập Ban Quản trị gặp rất nhiều khó khăn, khó khả thi.

- Nội dung hợp đồng mua bán căn hộ nhà chung cư trước đây do Chủ đầu tư soạn trước và đôi khi áp đặt mẫu hợp đồng chung cho cả dự án, đồng thời người mua nhà chưa dành sự quan tâm đến quyền và trách nhiệm của mình trong hợp đồng dẫn tới tình trạng tranh chấp trong quá trình quản lý sử dụng.

- Việc lấn chiếm sân chung, hạ tầng ngoài nhà chung cư, tổ chức kinh doanh dịch vụ nhà hàng, quán ăn, quán bia,... tại tầng 1 còn diễn ra ở một số nơi, tình trạng lấn chiếm bán hàng, trông giữ xe ô tô, họp chợ,... gây mất mỹ quan đô thị, bức xúc trong cư dân sử dụng nhà chung cư.

b. Nhà chung cư tái định cư:

Ngoài các tồn tại vướng mắc chung như trên thì nhà chung cư phục vụ tái định cư còn một số tồn tại mang tính đặc thù như:

- Chưa có văn bản quy định riêng về công tác quản lý sử dụng đối với nhà chung cư tái định cư (hiện nay đang hoàn thiện sau khi Nghị định 99/2015 có hiệu lực và Bộ Xây dựng ban hành Thông tư về quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư).

- Việc tổ chức Hội nghị nhà chung cư bầu Ban Quản trị còn chậm, đa số cư dân chưa thống nhất tổ chức Hội nghị nhà chung cư vì cho rằng việc thành lập Ban Quản trị là để dồn trách nhiệm quản lý vận hành, bảo trì nhà chung cư cho người dân; Cư dân trong nhà chung cư tái định cư đa phần có hạn chế về điều kiện kinh tế, ý thức về giữ gìn thiết bị và sử dụng các phần diện tích chung còn hạn chế;

- Sự phối hợp của các đơn vị được giao quản lý vận hành nhà chung cư tái định cư với UBND các quận, huyện, phường, xã nơi có nhà chung cư chưa thường xuyên, liên tục.

- Khoảng trên 100 tòa chung cư không có quỹ bảo trì 2% (do bán trước Luật Nhà ở năm 2005) hoặc có thì rất thấp do giá bán nhà tái định cư thấp, không đủ để thực hiện công tác bảo trì theo quy định. Cư dân không đồng thuận về việc sử dụng kinh phí 2% và không thực hiện đóng góp đối với công tác phát sinh và yêu cầu Nhà nước phải sửa chữa,

- Đa số các công trình đã được sử dụng trên 10 năm (từ năm 2001), các trang thiết bị sử dụng chung đã xuống cấp, thường xuyên hỏng hóc, gây bức xúc dân sinh; cư dân trong nhà tái định cư vẫn trông chờ vào cơ chế báo cấp của Nhà nước.

3. Những giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

a. Nhà chung cư nói chung:

- Phối hợp với Cục Quản lý nhà - Bộ Xây dựng khẩn trương bổ sung, ban hành cơ chế chính sách cho phát triển và quản lý nhà chung cư cho phù hợp và đồng bộ với các quy định của pháp luật hiện hành; kịp thời ban hành để giải quyết các tồn tại, vướng mắc trên địa bàn ngay sau khi các văn bản của Trung ương có hiệu lực.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc: Thực tế cho thấy ở nơi nào chính quyền sở tại quan tâm phối hợp và chỉ đạo sát sao, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người dân thì ở đó công tác quản lý vận hành nhà chung cư nói chung và nhà chung cư tái định cư nói riêng rất hiệu quả và được nhân dân đồng tình ủng hộ. Tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra đôn đốc và hướng dẫn các đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư phối hợp chặt chẽ với UBND các quận, phường, các tổ chức chính trị xã hội.

- UBND các quận, huyện tiếp tục tổ chức kiểm tra, rà soát công tác quản lý sử dụng nhà chung cư trên địa bàn; cập nhật, theo dõi theo biểu mẫu hướng dẫn của Sở Xây dựng. Trường hợp phát hiện các nội dung còn tồn tại, vướng mắc thì UBND các quận, huyện chủ động giải quyết, xử lý theo thẩm quyền hoặc phối hợp với các cơ quan chuyên ngành: PCCC, cấp điện, nước để kiểm tra, xử lý theo quy định đồng thời hướng dẫn Chủ đầu tư, các chủ sở hữu có biện pháp khắc phục các tồn tại theo quy định và có chế tài xử lý đối với các trường hợp cố tình không thực hiện theo hướng dẫn của các cơ quan.

(Từ tháng 7 năm 2014, Sở Xây dựng đã có văn bản số 4792/SXD-QLN ngày 10/7/2014 đề nghị UBND các quận, huyện (nơi có nhà chung cư – 16 quận, huyện) quyết định thành lập Tổ công tác, xây dựng kế hoạch của UBND quận, huyện để khẩn trương kiểm tra, rà soát toàn bộ các nhà chung cư trên địa bàn, lập biểu tổng hợp theo mẫu để thống nhất quản lý, theo dõi, kiểm tra.

- Tổ chức bàn giao toàn bộ quỹ bảo trì 2% (cả gốc và lãi) cho Ban quản trị tòa nhà hay cụm nhà (nếu có) sau khi được thành lập để người dân chủ động trong việc quản lý và sử dụng theo đúng quy định. Trường hợp các Chủ đầu tư cố tình chây ỳ sẽ kiên quyết tổ chức cưỡng chế thu hồi theo quy định hiện nay.

b. Đối với nhà chung cư tái định cư:

- Tổng kiểm tra, rà soát toàn bộ quỹ nhà chung cư tái định cư đã đưa vào sử dụng, thống kê cụ thể các tồn tại, bất cập so với các quy định hiện hành về PCCC, quản lý, vận hành, bảo trì;

- Rà soát toàn bộ quỹ nhà chung cư tái định cư để xem xét bố trí nơi sinh hoạt cộng đồng (diện tích 0,8m2 x số căn hộ) theo tòa nhà hoặc cụm tòa nhà chung cư.

- Tổ chức kiểm tra, rà soát về chất lượng công trình, thiết bị sử dụng chung, lập kế hoạch tổ chức cải tạo, sửa chữa từng bước nâng cao chất lượng công trình, ưu tiên các hạng mục: thang máy, hệ thống cấp nước, PCCC,...

Từ những đánh giá về tồn tại, nguyên nhân và kết quả đạt được trên, cùng với việc hoàn thiện các cơ chế, chính sách, Thành phố sẽ nhân rộng và triển khai quyết liệt trên địa bàn Thành phố, phấn đấu cơ bản hoàn thành công tác thành lập Ban Quản trị trong năm 2016 và tiếp tục đưa công tác quản lý sử dụng nhà chung cư vào nề nếp.

II. Việc phân định các diện tích công cộng và sử dụng diện tích kinh doanh dịch vụ thuộc sở hữu nhà nước tại các nhà chung cư tái định cư.

Trong tổng số 166 tòa chung cư có 117 tòa chung cư có diện tích kinh doanh dịch vụ với tổng diện tích khoảng 69.052 m2; trong đó: Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển nhà Hà Nội quản lý 59.288m2; Tổng Công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội quản lý 9.764m2.

1. Công tác phân định diện tích sử dụng chung, riêng và xác lập sở hữu nhà nước đối với diện tích kinh doanh dịch vụ:

Theo chỉ đạo của HĐND Thành phố và UBND Thành phố Sở xây dựng đã thực hiện kiểm tra, rà soát, phân định các loại diện tích tại các nhà chung cư phục vụ tái định cư. Sở Xây dựng đã ban hành 113 Quyết định xác lập quyền sở hữu nhà nước đối phần diện tích kinh doanh dịch vụ tại 113/166 tòa nhà chung cư.

Từ kết quả trên, việc phân định, xác lập sở hữu nhà nước đối với các diện tích kinh doanh dịch vụ; phân định các diện tích thuộc sở hữu chung của các chủ sở hữu nhà chung cư tại các nhà chung cư tái định cư từng bước được công khai; qua đó, các tranh chấp liên quan đến sở hữu chung – riêng tại các nhà chung cư tái định cư đã được giải quyết và không phát sinh tranh chấp, khiếu nại về việc đòi quyền sở hữu tại các diện tích kinh doanh dịch vụ.

2. Việc sử dụng các diện tích kinh doanh dịch vụ:

a. Trong tổng diện tích khoảng 69.052 m^2 tại 117 tòa chung cư tái định cư, đã bố trí:

- 45 đơn vị khối cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp của Thành phố để sử dụng làm trụ sở làm việc, trạm y tế, trạm tuần tra,... với diện tích khoảng 25.671 m^2 (sử dụng không phải trả tiền thuê nhà);
- 136 tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đang sử dụng để kinh doanh dịch vụ (có thu tiền thuê nhà) với diện tích 33.409m^2;
- Diện tích chưa bố trí sử dụng khoảng 9.972m^2, *là các diện tích do một số đơn vị trả lại (do mặt bằng không thuận lợi) hoặc mới tiếp nhận đưa vào sử dụng...* Các diện tích này đang được tổ chức đo vẽ, sắp xếp để bố trí sử dụng làm phòng sinh hoạt cộng đồng, phần còn lại tiếp tục tổ chức đấu giá quyền thuê theo quy định của Luật Nhà ở 2014.

b. Đã rà soát, bố trí được 68 phòng sinh hoạt cộng đồng tại các nhà chung cư và cụm nhà chung cư. Căn cứ trên kết quả giám sát của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân, Sở Xây dựng đã ban hành Kế hoạch số 11513/KH-SXD ngày 06/11/2015 triển khai thực hiện để nâng cao hiệu quản trong quản lý, sử dụng nhà ở tái định cư và khai thác diện tích kinh doanh dịch vụ thuộc sở hữu nhà nước tại các nhà chung cư tái định cư trên địa bàn Thành phố; trong đó tập trung giải quyết các vấn đề dân sinh bức xúc như: tổ chức bố trí phòng sinh hoạt cộng đồng từ việc sắp xếp diện tích kinh doanh dịch vụ.

c. Đã xây dựng và ban hành Quy chế đấu giá quyền thuê diện tích kinh doanh dịch vụ theo Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND ngày 20/11/2012 của UBND Thành phố Hà Nội. Công ty TNHH một thành viên quản lý và phát triển nhà Hà Nội đã tổ chức thực hiện đấu giá 3 đợt với tổng số 9 điểm: 2.256m2 nhưng thực tế mới đấu giá thành công được 3 điểm tại nhà E Đền Lừ, quận Hoàng Mai và nhà 5B Lê Đức Thọ, quận Cầu Giấy với tổng diện tích khoảng 645m2 đưa vào ký hợp đồng thuê sử dụng. Các đợt đấu giá tiếp theo Công ty đã

triển khai nhưng không có tổ chức, cá nhân tham gia do giá sàn cao (theo Quyết số 5469/QĐ-UB ngày 10/9/2013).

3. Những tồn tại, hạn chế:

- Việc quản lý, khai thác diện tích kinh doanh dịch vụ còn nhiều hạn chế, chưa chặt chẽ; còn nhiều diện tích trống chưa sử dụng; nhiều diện tích đơn vị; việc thu, sử dụng kinh phí thu được từ cho thuê diện tích kinh doanh dịch vụ chưa đúng quy định.

- Phần lớn các diện tích đã được bố trí sử dụng (trước ngày ban hành Quyết định số 33/2012/QĐ-UBND) có vị trí thuận lợi trong việc khai thác sử dụng, trong khi phần lớn diện tích chưa bố trí sử dụng (khoảng 9.972m^2) có vị trí không thuận lợi (xa trung tâm) cho việc kinh doanh nên chưa hấp dẫn đơn vị tham gia đấu giá.

- Giá khởi điểm khi đấu giá cao so với thị trường (xét về vị trí và thời điểm thuê) nên cũng chưa hấp dẫn đơn vị thuê.

- Từ trước khi UBND Thành phố ban hành Quyết định 01/2013/QĐ-UBND, kinh phí quản lý vận hành thực hiện theo cơ chế tự cân đối Thu - Chi hòa chung tất cả các tòa nhà. Toàn bộ số tiền thu được từ diện tích kinh doanh dịch vụ; thu tiền trông xe đạp, xe máy; thu phí dịch vụ tại các tòa nhà sau khi nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định, Công ty giữ lại để chi phí quản lý vận hành các tòa nhà (chi tiền điện thang máy, máy bơm nước, điện chiếu sáng công cộng, vệ sinh môi trường; chi tiền lương cho bảo vệ, lao công; chi phí quản lý cho bộ phận vận hành tòa nhà và chi phí quản lý chung của Xí nghiệp quản lý dịch vụ và khai thác khu đô thị và một phần chi phí bảo trì (bảo trì định kỳ hệ thống thang máy, máy bơm, máy phát điện,..; thay thế sửa chữa bóng đèn chiếu sáng hành lang, cầu thang, chi phí sửa chữa nhỏ) do trước đây ngân sách chưa cấp hoàn trả nguồn kinh phí này cho các tòa nhà.

Theo quy định của Quyết định 01/2013/QĐ-UBND, Quyết định 19/2013/QĐ-UBND thì toàn bộ nguồn thu từ cho thuê diện tích kinh doanh dịch vụ phải nộp ngân sách, các kinh phí quản lý vận hành, bảo trì tòa nhà do cư dân đóng góp. Thực tế các đơn vị quản lý vận hành chưa nộp ngân sách, sử dụng để tổ chức quản lý vận hành do cư dân chỉ đóng góp 30.000 đồng/căn hộ/ tháng và không thống nhất đóng góp kinh phí bảo trì, sửa chữa.

Từ thực tế bất cập trên, Sở Xây dựng đã báo cáo, đề xuất Bộ Xây dựng xem xét, trình và đã được Chính phủ cho phép (tại Nghị định 99/2015) cho phép sử dụng nguồn thu từ kinh phí cho thuê diện tích kinh doanh dịch vụ để thực hiện bảo trì các hạng mục chính của tòa nhà. Thời gian qua, trong khi chờ các văn bản pháp luật đã ban hành có hiệu lực, UBND Thành phố đã chỉ đạo Sở Xây dựng và các đơn vị quản lý vận hành chủ động ứng vốn, sửa chữa kịp thời (chủ yếu là các trang thiết bị: thang máy, máy bơm,...) và bảo trì các hạng mục, đặc biệt là bổ sung hệ thống PCCC tại 39 chung cư.

Sau ngày 10/12/2015, Nghị định 99/2015/NĐ-CP có hiệu lực và sau khi Bộ Xây dựng ban hành thông tư thay thế Quyết định 08/2008/QĐ-BXD thì các nội dung trên từng bước sẽ được tháo gỡ, giải quyết trong Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố sau khi được ban hành.

4. Giải pháp thực hiện trong thời gian tới:

- Ban hành quy định về quản lý sử dụng, khai thác các diện tích kinh doanh dịch vụ sau khi xác lập sở hữu Nhà nước ở cho phù hợp với các quy định của Trung ương.

- Đã giao Sở Xây dựng nghiên cứu xây dựng cơ chế giao quản lý, khai thác và cơ chế tài chính trong quản lý, khai thác các diện tích kinh doanh dịch vụ; trình UBND Thành phố ban hành để tổ chức thực hiện trong năm 2016.

- Sửa đổi Quy chế đấu giá quyền thuê để đơn giản hóa thủ tục đấu giá nhằm sớm đưa vào khai thác các diện tích trống, trong đó đề xuất cơ chế xác định giá khởi điểm, việc xử lý các tình huống trong đấu giá,... nhằm tạo điều kiện cho cư dân được tham gia và khai thác diện tích theo quy định, tăng nguồn thu cho ngân sách để hỗ trợ cho công tác bảo trì và quản lý vận hành nhà chung cư tái định.

- Tổ chức khảo sát, báo cáo UBND Thành phố điều chỉnh giá thuê các diện tích kinh doanh dịch vụ cho phù hợp với thị trường.

Câu 12: Mô hình hoạt động của Công ty Quản lý và phát triển nhà.

Trả lời:

Tại Đề án Tăng cường công tác quản lý, sử dụng quỹ nhà chuyên dùng thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 6988/QĐ-UBND ngày 19/11/2013, UBND Thành phố đã giao Sở Nội vụ chủ trì cùng các sở ngành tham mưu, đề xuất mô hình, tổ chức bộ máy quản lý, chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH một thành viên Quản lý và phát triển nhà Hà Nội, cơ chế quản lý quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước nói chung và quỹ nhà chuyên dùng nói riêng, báo cáo UBND Thành phố.

Ngày 19/10/2015, Sở Nội vụ có Văn bản số 2526/SNV-QLDN báo cáo, đề xuất về mô hình tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội. Ngày 20/10/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở (có hiệu lực thi hành từ ngày 10/12/2015). Nghị định này đã thay thế Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và một số Nghị định khác quy định về đấu thầu, đặt hàng công tác quản lý, vận hành nhà ở. Các quy định này của Chính phủ có liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ của Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội.

Vì vậy, ngày 27/10/2015, UBND Thành phố có Công văn số 7628/UBND-TNMT giao cho các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất mô hình, tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ Công ty TNHH MTV Quản lý và phát triển nhà Hà Nội, đảm bảo hoạt động có hiệu hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Câu 13: Tranh chấp và xử lý tranh chấp giữa người dân và ban quản trị nhà, nhà đầu tư về diện tích sử dụng chung, riêng, quỹ bảo trì 2%.

Trả lời:

1. Việc quy định phần sở hữu chung và phần sở hữu riêng, thu nộp kinh phí 2% bảo trì phần sở hữu chung trong nhà chung cư nhiều chủ sở hữu được quy định tại Luật Nhà ở, các Nghị định, Thông tư, Quyết định và các văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan.

Tuy nhiên, theo từng thời kỳ, việc quy định phần sở hữu chung, phần sở hữu riêng trong nhà chung cư nhiều chủ sở hữu có những quy định cụ thể khác nhau. Đồng thời việc đầu tư phát triển nhà ở trải qua các thời kỳ khác nhau cũng có những quy định khác nhau liên quan đến việc kinh doanh bất động sản, do đó phát sinh tranh chấp giữa Chủ đầu tư và người mua nhà về quyền sở hữu các diện tích tại tầng hầm, tầng 1, sảnh, tầng mái,...và các tranh chấp liên quan đến diện tích kinh doanh dịch vụ. Việc phân định để xác định diện tích sở hữu chung – riêng, chủ yếu dựa theo hợp đồng mua bán nhà giữa hai bên nên một số tranh chấp về phần sở hữu chung – riêng diễn ra trong thời gian dài.

Chẳng hạn như tranh chấp về tầng hầm liên quan đến nơi để xe: Luật Nhà ở năm 2005 quy định một trong những phần sở hữu chung là "Nơi để xe", đến Nghị định 71/2010/NĐ-CP mới phân định "Nơi để xe đạp xe máy được thiết kế theo tiêu chuẩn" là phần sở hữu chung, còn "nơi để xe ô tô" thì tùy thuộc Chủ đầu tư quyết định khi bán hàng.

Hoặc các tranh chấp liên quan đến các diện tích kinh doanh dịch vụ: Luật Nhà ở chỉ quy định về các phần sở hữu riêng ngoài các căn hộ đã bán, thì *"Phần diện tích khác trong nhà chung cư được công nhận là sở hữu riêng theo quy định của pháp luật"*, đến Nghị định 71/2010/NĐ-CP quy định *"Phần diện tích thuộc sở hữu riêng của chủ đầu tư (chủ đầu tư giữ lại, không bán và cũng không phân bổ giá trị phần diện tích thuộc sở hữu riêng này vào giá bán căn hộ cho các chủ sở hữu căn hộ)"*. Do đó, các tranh chấp phát sinh khi các chủ sở hữu căn hộ yêu cầu Chủ đầu tư chứng minh phần diện tích kinh doanh dịch vụ do Chủ đầu tư đang quản lý, khai thác đã phân bổ vào giá bán hay chưa? Chủ đầu tư thì cho rằng các diện tích này không có trong hợp đồng mua bán căn hộ, chủ đầu tư chưa bán, do đó thuộc sở hữu của Chủ đầu tư.

Những tranh chấp về sở hữu chung – riêng chủ yếu phát sinh vào giai đoạn 2008 – 2010 và 2010 – 2012, khi UBND Thành phố có Quyết định 01/2013/QĐ-UBND ngày 04/01/2013 ban hành Quy chế quản lý sử dụng nhà chung cư trên địa bàn Thành phố, trong đó đã bổ sung riêng Điều 26 về xác định phần sở hữu chung, phần sở hữu riêng trong nhà chung cư (đã phân kỳ và đưa ra hướng giải quyết theo từng giai đoạn cụ thể: trước ngày 01/6/2006 ngày Luật Nhà ở 2005 có hiệu lực; từ ngày 01/6/2006 đến trước ngày 08/8/2010 ngày Nghị định 71/2010/NĐ-CP có hiệu lực và từ sau ngày 08/8/2010) thì các tranh chấp về sở hữu chung – riêng đã từng bước được giải quyết.

Tuy nhiên, trong thời gian gần đây, trên địa bàn Thành phố phát sinh một số tranh chấp liên quan đến sở hữu chung – riêng tại các nhà chung cư, các tranh chấp này phát sinh sau khi Ban Quản trị nhà chung cư được thành lập và sau khi các chủ sở hữu căn hộ đã có giấy chứng nhận quyền sở hữu căn hộ nhưng Chủ

đầu tư vì nhiều lý do hoặc chưa quyết toán hoàn thành dự án nên chưa cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà tại chung cư,... dẫn đến mâu thuẫn, nghi ngờ và phát sinh tranh chấp khi bàn giao tiếp nhận quản lý vận hành từ Chủ đầu tư và Ban Quản trị. Mặt khác, tại một số tòa nhà chung cư, Chủ đầu tư đã xây dựng trái phép một số diện tích trên mái, sân thượng (mà theo quy định diện tích sân thượng, mái thuộc sở hữu chung) hoặc tại các tầng kỹ thuật tòa nhà,... đây cũng là những tranh chấp trong thời gian qua.

Về phần kinh phí 2% bảo trì phần sở hữu chung: đa phần các Chủ đầu tư trên địa bàn Thành phố thực hiện nghiêm túc quy định về việc thu, nộp, quản lý và chuyển giao kinh phí 2% bảo trì cho Ban Quản trị khi được thành lập. Tuy nhiên, một số Chủ đầu tư chưa nghiêm túc thực hiện, chậm trễ trong việc bàn giao, viện dẫn nhiều lý do, căn cứ theo một số quy định chồng chéo giữa các thời kỳ để trì hoãn việc chuyển giao kinh phí bảo trì cho Ban Quản trị (như: Chung cư Keangnam, Rainbow Văn Quán, D11 Trần Thái Tông, N17 Sài Đồng, ...). Trong khi đó, quy định của Luật Nhà ở, Nghị định 71/2010/NĐ-CP và Quyết định 08/2008/QĐ-BXD chưa có quy định cụ thể về thời hạn Chủ đầu tư phải bàn giao mà chỉ quy định *"sau khi Ban Quản trị được thành lập"* và chưa có chế tài, biện pháp xử lý Chủ đầu tư chậm bàn giao.

2. Việc xử lý các tranh chấp giữa các chủ sở hữu, Ban Quản trị và Chủ đầu tư về diện tích sử dụng chung, riêng và quỹ bảo trì 2% phần sở hữu chung.

Luật Nhà ở 2005 và các văn bản hướng dẫn trách nhiệm giải quyết và xử lý tranh chấp về diện tích sử dụng chung, riêng và quỹ bảo trì 2% phần sở hữu chung do Tòa án giải quyết. Thực tế trong thời gian qua, với các trường hợp tranh chấp với nội dung trên, khi nhận được yêu cầu, phản ánh của các bên thì các cơ quan quản lý nhà nước chủ động phối hợp với UBND các quận, huyện nơi có nhà chung cư thực hiện kiểm tra, hướng dẫn và yêu cầu các bên thực hiện đúng quy định của Luật Nhà ở và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Luật Nhà ở năm 2014 quy định việc giải quyết và xử lý tranh chấp về diện tích sử dụng chung, riêng do Tòa án giải quyết. Việc tranh chấp quỹ bảo trì 2% do UBND cấp tỉnh giải quyết, cụ thể: sau 07 ngày từ ngày Ban Quản trị được công nhận thành lập và đi vào hoạt động, Chủ đầu tư phải chuyển giao kinh phí bảo trì vào tài khoản kinh phí bảo trì phần sở hữu chung do Ban Quản trị quản lý. Trường hợp Chủ đầu tư không thực hiện thì Ban Quản trị có quyền yêu cầu UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi kinh phí bảo trì 2% để chuyển giao cho Ban Quản trị. Trường hợp, tài khoản kinh phí bảo trì 2% do Chủ đầu tư quản lý không đủ theo số kinh phí đã quyết toán hoặc tạm tính, thì thực hiện cưỡng chế ở tài khoản khác của chủ đầu tư tại các tổ chức tín dụng hoặc tổ chức phong tỏa, bán tài sản của Chủ đầu tư để chuyển giao kinh phí bảo trì phần sở hữu chung cho Ban Quản trị.

Các quy định về trình tự, thủ tục, biện pháp thực hiện để ban hành và thi hành Quyết định cưỡng chế thu hồi kinh phí bảo trì 2% phần sở hữu chung trong trường hợp Chủ đầu tư chưa bàn giao sẽ được thực hiện sau khi Nghị định 99/2015/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (từ ngày 10/12/2015).

Câu 14: Trách nhiệm phòng cháy chữa cháy của các cơ quan chức năng, trách nhiệm của chủ đầu tư dự án về phòng cháy chữa cháy tại các tòa nhà cao tầng ở khu đô thị mới, khu chung cư cao tầng, khu công nghiệp, chợ, trung tâm thương mại.

Trả lời:

1. Trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan chủ trì trong thực hiện công tác PCCC.

Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001 đã quy định trách nhiệm phòng cháy và chữa cháy là trách nhiệm của mỗi cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chủ hộ gia đình là người chịu trách nhiệm tổ chức hoạt động và thường xuyên kiểm tra phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi trách nhiệm của mình.

- Trong thời gian qua, các cấp, các ngành của Thành phố đã có sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện công tác PCCC, tăng cường sự phối hợp giữa cấp ủy và chính quyền, chủ động thực hiện công tác phòng ngừa, trong đầu tư hạ tầng PCCC, xây dựng lực lượng PCCC, trong xử lý các tình huống liên quan đến cháy, nổ, cứu nạn, cứu hộ ngày càng chặt chẽ, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong việc nâng cao hiệu quả công tác PCCC trên địa bàn Thủ đô.

- Thành phố chỉ đạo UBND các quận, huyện, thị xã triển khai đẩy mạnh công tác PCCC trên địa bàn trước, trong và sau tết Nguyên đán hàng năm; chủ động triển khai có chiều sâu các chuyên đề PCCC tại các địa bàn, cơ sở trọng điểm, có nguy cơ cháy nổ cao; Cảnh sát PC&CC các quận, huyện đã chủ động tham mưu cho UBND quận, huyện, thị xã ban hành hàng trăm văn bản chỉ đạo tăng cường công tác PCCC&CNCH, Kế hoạch tăng cường công tác tuyên truyền về PCCC mùa hanh khô và các hoạt động Lễ hội, Tết Nguyên đán; tổ chức các hoạt động hưởng ứng Tuần lễ VSATLĐ-PCCN, hưởng ứng "Ngày toàn dân PCCC" (4/10) trên địa bàn; Thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành cấp quận, huyện kiểm tra công tác đảm bảo an toàn PCCC.

- Thực hiện Quyết định 1110/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống cơ sở của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Thành phố đã chỉ đạo Cảnh sát PC&CC lập Đề án quy hoạch: Dự án Quy hoạch tổng thể hệ thống cơ sở của lực lượng Cảnh sát PC&CC Thủ đô đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Trong năm 2015 Bộ Công an có kế hoạch thành lập Đoàn Thanh tra, kiểm tra Kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy của UBND thành phố Hà Nội.

- Hàng năm Ban Pháp chế, Hội đồng nhân dân Thành phố tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong công tác phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, bên cạnh đó một số cấp ủy, chính quyền địa phương và ngành chức năng chưa thực hiện hết trách nhiệm cũng như chưa thực sự quan tâm chỉ

đạo triển khai các biện pháp PCCC đối với các cơ sở có nhiều nguy hiểm về cháy, nổ. Công tác tự kiểm tra an toàn PCCC của cơ sở dù đã có chuyển biến nhưng còn nhiều bất cập chưa đáp ứng các quy định nhà nước về PCCC. Còn tồn tại những vi phạm, nguy cơ có thể dẫn đến cháy, nổ nghiêm trọng gây thiệt hại lớn.

2. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án về phòng cháy chữa cháy tại các tòa nhà cao tầng ở khu đô thị mới, khu chung cư cao tầng, khu công nghiệp, chợ, trung tâm thương mại

Luật đã quy định rất rõ trách nhiệm của chủ đầu tư từ khi lập hồ sơ thiết kế cho đến quá trình thi công, kiểm tra, nghiệm thu. Khi nào đủ các điều kiện mới được phép cho người vào ở hoặc đưa công trình vào sử dụng. Đồng thời, cơ quan Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải có trách nhiệm thẩm duyệt thiết kế kỹ thuật đối với hệ thống phòng cháy, chữa cháy của công trình đó. Nếu chủ đầu tư chưa hoàn thiện, chưa được nghiệm thu mà đã cho người dân vào ở là sai quy định, phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Vấn đề trên được cụ thể hóa tại Điều 16, nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy trong đó quy định rõ: Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện giao thông cơ giới, đơn vị tư vấn dự án, giám sát thi công, đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng, cơ quan phê duyệt dự án, cơ quan cấp giấy phép xây dựng và cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy trong đầu tư, xây dựng công trình:

*** Trách nhiệm của đơn vị tư vấn dự án và giám sát thi công**:

Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư trong việc thực hiện các nội dung về phòng cháy và chữa cháy theo cam kết trong hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị tư vấn.

*** Trách nhiệm của đơn vị tư vấn thiết kế:**

a) Thiết kế bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy; chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm thiết kế trong thời gian xây dựng và sử dụng công trình.

b) Thực hiện giám sát tác giả trong quá trình thi công xây lắp công trình.

c) Tham gia nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy.

*** Trách nhiệm của nhà thầu thi công xây dựng:**

a) Thi công theo đúng thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đã được thẩm duyệt.

b) Bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy thuộc phạm vi quản lý của mình trong suốt quá trình thi công đến khi bàn giao công trình.

c) Lập hồ sơ hoàn công; chuẩn bị các tài liệu và điều kiện để phục vụ công tác nghiệm thu và tham gia nghiệm thu công trình.

*** Trách nhiệm của cơ quan phê duyệt dự án và cơ quan cấp giấy phép xây dựng:**

a) Cơ quan phê duyệt dự án, công trình quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này, trước khi phê duyệt thì tùy từng dự án, công trình phải có giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, văn bản chấp thuận địa điểm xây dựng, văn bản về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy.

b) Cơ quan cấp giấy phép xây dựng, trước khi cấp giấy phép có trách nhiệm yêu cầu chủ đầu tư xuất trình giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy đối với các dự án, công trình quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này.

- Trong thời gian qua, các cấp, các ngành của Thành phố đã có sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện công tác PCCC, tăng cường sự phối hợp giữa cấp ủy và chính quyền, chủ động thực hiện công tác phòng ngừa, trong đầu tư hạ tầng PCCC, xây dựng lực lượng PCCC, trong xử lý các tình huống liên quan đến cháy, nổ, cứu nạn, cứu hộ ngày càng chặt chẽ, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong việc nâng cao hiệu quả công tác PCCC trên địa bàn Thủ đô.

Tuy nhiên, Quy định là như vậy, nhưng trên thực tế nhiều trường hợp đã không thực hiện đúng và đủ. Chủ đầu tư và Ban quản lý tòa nhà vẫn thờ ơ với công tác PCCC. Để tiết kiệm chi phí, chủ đầu tư đã "tiết kiệm" luôn các biện pháp đảm bảo an toàn PCCC. Hầu hết các nhà cao tầng đều không trang bị đầy đủ thiết bị chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn trên lối thoát nạn hoặc trang bị thiếu, đã trang bị nhưng bị hư hỏng và đặt ở vị trí chưa hợp lý. Việc không đảm bảo chiếu sáng và chỉ dẫn trên lối thoát nạn sẽ khiến việc di chuyển thoát nạn khi có sự cố gặp nhiều khó khăn, gây nên tình trạng hỗn loạn, đặc biệt với trẻ nhỏ, người già yếu và khách vãng lai.

Câu 15: Trách nhiệm phối hợp các cơ quan chức năng thành phố trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân về công tác phòng cháy chữa cháy.

Trả lời:

1. Công tác kiểm tra, phúc tra việc thực hiện phòng cháy, chữa cháy

Trong thời gian qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Luật PCCC quy định, các văn bản chỉ đạo Trung ương và Thành phố về công tác PCCC, Cảnh sát PCCC TP Hà Nội (được thành lập ngày 01/7/2011) đã chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị và chính quyền các cấp chủ đông hướng dẫn và mở nhiều đợt tổng kiểm tra toàn diện các cơ sở trọng điểm về cháy, nổ.

Thành ủy đã giao Ban Nội chính Thành ủy phối hợp với Cảnh sát PC&CC Thành phố chủ trì thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 06/CT-TU để Tổng kết 05 năm thực hiện chỉ thị của Thành ủy đối với một số Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, Ban quản lý các KCN trên địa bàn Thành phố (10 cơ quan, đơn vị). Thành ủy đã tổ chức hội nghị tổng kết và ban hành mới chỉ thị số 27-CT/TU ngày 19/11/2014 về tăng cường lãnh đạo công tác PCCC và cứu hộ cứu nạn trên địa bàn thành phố Hà Nội trong tình hình

mới; Thành phố ban hành kế hoạch 51/KH-UBND ngày 09/2/2015 về thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TU của Thành ủy Hà Nội,...

Hàng năm, Cảnh sát PC&CC TP Hà Nội tập trung thực hiện các Kế hoạch kiểm tra PCCC chuyên đề, đấu tranh ngăn chặn cháy lớn, tập trung vào 13 chuyên đề bao gồm: Chợ, siêu thị, trung tâm thương mại; Nhà cao tầng; Cơ sở vui chơi, giải trí (karaoke, vũ trường....); Cơ sở trường học (Trường mầm non tư thục); Xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng; Cơ sở hoạt động, kinh doanh, sản xuất hóa chất; Cơ sở dọc tuyến đường sắt; Các công trường thi công dọc tuyến đường sắt đô thị trên cao; Cơ sở kinh doanh, dịch vụ tổ chức sự kiện; Cơ sở thuộc diện quản lý về PCCC có biển quảng cáo sử dụng điện; Khu công nghiệp, khu chế xuất; Làng nghề; Các trụ sở cơ quan Trung ương, Bộ Công an và Thành phố; kết quả như sau:

Năm	Số lượt kiểm tra (đơn vị, cơ sở)	Kiến nghị (tồn tại, thiếu sót)	Xử phạt (tổ chức, cá nhân)	Số tiền xử phạt (đồng)
2011	7816	18.946	1.157	531.965.000 đ
2012	12.996	23.568	2.789	2.576.555.000đ
2013	18.630	50.781	3.292	3.143.100.000đ
2014	26.122	79.358,	3.640	5.469.050.000đ
2015	30.948	98.391	3.099	5.679.500.000đ
Tổng cộng	**96.512**	**271.044**	**13.977**	**17.400.170.000 đ**

2. Công tác thanh tra

- Giao Cảnh sát PC&CC Thành phố (Thanh tra Cảnh sát PC&CC TP) triển khai thanh tra chuyên ngành, chuyên đề, thanh tra độc lập tại các cơ quan, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ cháy, nổ cao. Chỉ đạo Cảnh sát PC&CC Thành phố phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị giáo dục đào tạo kiểm tra công tác an toàn PCCC trên địa bàn quản lý; Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Công đoàn Thành phố thành lập đoàn kiểm tra liên ngành của Thành phố kiểm tra công tác đảm bảo VSATLĐ-PCCN hàng năm; Chỉ đạo phối hợp với CATP, Sở GTVT, Sở Xây dựng thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành Thành phố kiểm tra các điểm, bãi, hầm ngầm trông giữ xe trong công tác đảm bảo trật tự văn minh đô thị, an toàn PCCC...

+ **Năm 2011:** Tổ chức thanh tra chuyên ngành 09 cơ sở theo 2 chuyên đề việc chấp hành các quy định pháp luật về phòng cháy, chữa cháy đối với doanh nghiệp bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ và các Trung tâm thương mại lớn trên địa bàn TP Hà Nội".

+ **Năm 2012:** Triển khai thanh tra 5 chuyên đề và 30 cuộc thanh tra độc lập tại 78 cơ quan, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực, mặt hàng tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao; phát hiện và có 512 kiến nghị đối với doanh nghiệp và cơ quan quản lý Nhà nước trên lĩnh vực đảm bảo an toàn PCCC; xử lý 67/78 cơ quan, doanh nghiệp vi phạm, phạt tiền 238.200.000 đồng.

+ **Năm 2013**: Tổ chức 46 cuộc thanh tra chuyên ngành, với 86 đối tượng thanh tra, tập trung vào các chuyên đề: việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC đối với các cơ quan, đơn vị kinh doanh sử dụng kho, bến bãi; kinh doanh, quản lý và sử dụng nhà cao tầng; kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng; kinh doanh xăng dầu; BQL KCN Hà Nội và 04 đơn vị trực thuộc; các cơ sở nguy hiểm về cháy, nổ. Đã ban hành 05 kết luận, 41 báo cáo, đưa ra 531 kiến nghị đề nghị đối tượng thanh tra khắc phục, sửa chữa; ra quyết định xử phạt hành chính đối với 51 cơ quan, doanh nghiệp, thu nộp ngân sách 257 triệu đồng.

+ **Năm 2014**: Tiến hành 52 cuộc thanh tra chuyên ngành (gồm 4 chuyên đề và 48 cuộc thanh tra độc lập) với 73 đối tượng thanh tra, tập trung vào thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC đối với các cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh, sử dụng nhà cao tầng; các công ty nhà máy, xí nghiệp sản xuất; Trung tâm thương mại, siêu thị; cơ quan, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh ngành nghề có điều kiện; thanh tra độc lập các cơ sở nguy hiểm về cháy, nổ... Đã phát hiện, đưa ra 564 kiến nghị yêu cầu các cơ sở khắc phục, sửa chữa; ra quyết định xử phạt hành chính 12 cơ quan doanh nghiệp với số tiền 62.200.000 đồng.

+ **Năm 2015:** Hoàn thành kết luận thanh tra Chuyên đề "Việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC đối với một số cơ quan, doanh nghiệp kinh doanh, quản lý, sử dụng nhà cao tầng trên địa bàn TP" tại 09 cơ sở và Chuyên đề "Việc chấp hành các quy định của pháp luật về PCCC đối với một số công ty, nhà máy, xí nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn TP" tại 09 cơ sở. Đưa ra 164 kiến nghị yêu cầu các cơ sở khắc phục, sửa chữa; ra quyết định xử phạt hành chính 09 cơ quan doanh nghiệp với số tiền 100.500.000 đồng.

D. Nhóm vấn đề về văn hóa-xã hội

Câu 16: Việc công bố công khai danh mục kêu gọi đầu tư xã hội hóa đối với 6 dự án có sự hỗ trợ đầu tư từ ngân sách Thành phố.

Trả lời:

Nhằm nâng cao tỷ lệ số người dân nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế, đồng thời tạo mô hình mới về quản lý sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch, qua đó nhân rộng mô hình trên địa bàn Thành phố, năm 2012 UBND Thành phố Hà Nội đã phê duyệt đầu tư 06 dự án cấp nước sạch liên xã tại các huyện Mê Linh (Quyết định số 5005/QĐ-UBND ngày 31/10/2012), Thanh Oai (Quyết định số 5232/QĐ-UBND ngày 14/11/2012), Ứng Hoà (Quyết định số 5346/QĐ-UBND ngày 19/11/2012), Mỹ Đức (Quyết định số 5231/QĐ-UBND ngày 14/11/2012), Phú Xuyên (Quyết định số 4865/QĐ-UBND ngày

25/10/2012), Thường Tín (Quyết định số 5152/QĐ-UBND ngày 12/11/2012), thời gian thực hiện đầu tư xây dựng năm 2013-2015, đưa vào hoạt động năm 2015; quy mô tổng công suất 40.000 m3/ngày đêm, phục vụ cho khoảng 240.730 người (tương đương 6,3% dân cư tại khu vực nông thôn) thuộc 27 xã được tiếp cận sử dụng nước sạch, tổng mức đầu tư dự kiến 1.386,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, do nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Thành phố giai đoạn 2013-2015 khó khăn, đến nay các dự án mới được bố trí 40,5 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Thành phố, chủ yếu để chi trả kinh phí thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, chưa được bố trí kế hoạch vốn để triển khai thực hiện.

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện các dự án trên, UBND thành phố Hà Nội đã đồng ý về nguyên tắc cho phép chuyển đổi hình thức đầu tư, đồng thời kêu gọi xã hội hoá và lựa chọn nhà đầu tư thực hiện (Thông báo số 108/TB-VP ngày 10/4/2015 và Thông báo số 174/TB-VP ngày 21/5/2015 của Văn phòng UBND Thành phố). Thực hiện chủ trương này của UBND Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 1258/KH&ĐT-NN ngày 20/4/2015 đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư chuyển đổi hình thức đầu tư các dự án nước sạch nông thôn liên xã trên địa bàn Thành phố. Đồng thời, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng Sở Nông nghiệp và PTNT đã hướng dẫn, cung cấp tài liệu cho các nhà đầu tư quan tâm để lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư năm 2014.

Hiện nay, đã có 02 doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố chính thức nộp hồ sơ đề xuất được tham gia đầu tư 02/6 dự án trên:

- Công ty TNHH đầu tư dịch vụ Hải Âu đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại huyện Mê Linh (hiện hồ sơ đang được Sở Kế hoạch và Đầu tư xin ý kiến thẩm định của các ngành liên quan).

- Công ty CP đầu tư xây dựng địa ốc Hoàng Dương đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án tại huyện Mê Linh (Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản hướng dẫn nhà đầu tư lập hồ sơ).

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định 15/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thủ tục chuyển đổi hình thức đầu tư đối với các dự án đầu tư bằng vốn đầu tư công nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội sẽ tham mưu cho UBND Thành phố tiếp tục công bố công khai danh mục kêu gọi đầu tư xã hội hoá đối với các DA xây dựng trạm cấp nước sạch nông thôn trong năm 2016.

Câu 17: Việc thực hiện quyết toán phần vốn ngân sách đầu tư và xác định giá trị còn lại đối với 16 dự án cấp nước sạch.

Trả lời:

Trong năm 2014 và 2015, UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ngành tham mưu để giao 16 trạm cấp nước không hoạt động, xây dựng dở dang có nguồn gốc từ vốn ngân sách nhà nước cho các doanh nghiệp tiếp nhận.

Để có sơ sở xác định giá trị còn lại của các trạm cấp nước giao cho doanh nghiệp thì chủ đầu tư phải thực hiện công tác quyết toán giá trị tài sản đã đầu tư. Vì vậy, UBND Thành phố đã chỉ đạo các Sở, ngành và UBND các huyện (các chủ đầu) khẩn trương quyết toán giá trị tài sản đã đầu tư.

Hiện nay, đã có 16/16 trạm cấp nước đã được quyết toán giá trị tài sản đã đầu tư; Sau khi hoàn thành việc quyết toán giá trị đã đầu tư, UBND các huyện sẽ phối hợp với Sở Tài chính và các sở ngành khác thực hiện công tác xác định lại giá trị tài sản đã đầu tư để giao cho doanh nghiệp. Hiện nay mới chỉ có 3/16 trạm cấp nước thực hiện được công tác xác định giá trị tài sản đã đầu tư. 13/16 trạm còn lại chưa xác định được giá trị, nguyên nhân là do công trình đã dở dang hàng chục năm, nhiều hạng mục đã bị xuống cấp, hư hỏng... đặc biệt là hệ thống đường ống nằm chìm dưới nền đường (hầu hết các tuyến đường nông thôn đã nâng cấp, cos nền được nâng cao) có chỗ hệ thống đường ống đã năm sâu so với cốt đường hiện tại tới 1m vì vậy không xác định được hiện trạng đường ống. (có danh sánh kèm theo).

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai công tác xác định giá trị tài sản còn lại của công trình cấp nước sạch đang xây dựng dở dang bằng nguồn vốn ngân sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư đưa vào khai thác sử dụng các Trạm cấp nước đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân trong vùng dự án, Sở Nông nghiệp & PTNT đề nghị UBND Thành phố tiếp tục chỉ đạo UBND các huyện và các đơn vị liên quan, cụ thể như sau:

- UBND các huyện, khẩn trương chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và các chủ đầu tư triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 3392/UBND-KT ngày 14/5/2013 về việc đôn đốc chuyển đổi hình thức đầu tư xây dựng các trạm nước sạch tập trung chưa hoạt động, cụ thể:

+ Đối với các trạm cấp nước đã phê duyệt quyết toán: UBND các huyện khẩn trương chỉ đạo các phòng chuyên môn thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá đủ điều kiện, năng lực theo quy định xác định giá trị còn lại gửi Sở Tài chính để thẩm định trình UBND Thành phố phê duyệt theo thẩm quyền. Trường hợp có vướng mắc phản ánh ngay về Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để có biện pháp tháo gỡ kịp thời.

+ Đối với các công trình bị thất lạc hồ sơ, không đủ hồ sơ thực hiện: UBND các huyện chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị, chủ đầu tư lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư 54/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung *"Trường hợp công trình không có tài liệu hoặc có tài liệu nhưng không đầy đủ theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng thì hồ sơ gồm: Biên bản kiểm tra hiện trạng và xác định lại giá trị công trình theo mẫu 01/BB/CTNSNT ban hành kèm theo Thông tư và các tài liệu liên quan (nếu có)".*

- Trong quá trình triển khai thực hiện xác định giá trị còn lại giao UBND các huyện chủ động phối hợp các Sở, ban ngành Thành phố cụ thể:

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chuyên ngành) để được tháo gỡ kịp thời các khó khăn trong việc đánh giá hiện trạng, tỷ lệ còn lại các hạng mục công trình của các trạm cấp nước theo quy định.

+ Sở Tài nguyên - Môi trường hướng dẫn thủ tục về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, thủ tục cấp Giấy phép khai thác nước ngầm để các chủ đầu tư thực hiện đầu tư cải tạo trạm cấp nước đưa vào khai thác, sử dụng.

+ Sở Tài chính tiếp tục phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc các huyện, các chủ đầu tư chưa thực hiện công tác lập hồ sơ xác định giá trị của 13 dự án còn lại, tháo gỡ kịp thời các khó khăn vướng mắc trong công tác định giá và trong công tác bàn giao, tiếp nhận tài sản hình thành sau đầu tư theo quy định nhằm sớm đưa các công trình vào khai thác sử dụng.

Câu 18: Việc hỗ trợ xây dựng 30.000 thiết bị xử lý nước hộ gia đình theo kế hoạch năm 2015.

Trả lời:

- Theo kế hoạch đề ra, trong giai đoạn 2010 – 2015 Thành phố triển khai dự án hỗ trợ xây dựng 40.000 bể lọc xử lý nước hộ gia đình. Trong năm 2012 và 2013 Thành phố đã bố trí ngân sách để thực hiện hỗ trợ 10.000 thiết bị, dự kiến trong năm 2014 và 2015 Thành phố tiếp tục bố trí kinh phí thực hiện 30.000 thiết bị còn lại.

- Tuy nhiên, trong bối cảnh điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn, trong khi nguồn ngân sách Thành phố còn hạn hẹp; Do vậy, trong 2014 và 2015 đã không bố trí được kinh phí để thực hiện 30.000 thiết bị còn lại mặc dù hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT vẫn đề xuất thực hiện.

- Dự kiến trong năm 2016 và những năm tiếp theo Sở Nông nghiệp và PTNT sẽ đề xuất Thành phố cân đối nguồn ngân sách để thực hiện hoàn thành việc hỗ trợ 30.000 thiết bị lọc nước hộ gia đình còn lại.

Câu 19: Bố trí vốn đối ứng để triển khai các dự án thuộc chương trình WB.

Trả lời:

Hợp phần I của Chương trình nước sạch và VSMT nông thôn dựa trên kết quả 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng do Ngân hàng Thế giới tài trợ (PforR) đầu tư 07 dự án nước sạch liên xã trên địa bàn Hà Nội. Cơ chế của Hợp phần I thực hiện theo Quyết định số 2283/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt Báo cáo NCKT của Chương trình Nước sạch và VSNT dựa trên kết quả tại 8 tỉnh đồng bằng sông Hồng do Ngân hàng Thế giới tài trợ (Chương trình PforR) là: Trung ương cấp phát 60% vốn ODA, thành phố Hà nội vay lại 30% vốn ODA và người dân đóng góp 10%.

Đến nay, UBND Thành phố Hà Nội đã phê duyệt 06 dự án tại các huyện Ba Vì (Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 18/3/2014), Phúc Thọ (Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 15/4/2014), Mỹ Đức (Quyết định số 2026/QĐ-UBND

ngày 15/4/2014), Thanh Oai (Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 26/5/2014), Thường Tín (Quyết định số 5293/QĐ-UBND ngày 15/10/2014), Chương Mỹ (Quyết định số 7259/QĐ-UBND ngày 30/12/2014), thời gian đầu tư xây dựng dự kiến 2014-2016; quy mô tổng công suất 21.350 m^3/ngày đêm, phục vụ cho khoảng 150.500 người (tương đương 3,9% dân cư tại khu vực nông thôn) thuộc 14 xã được sử dụng nước sạch, tổng mức đầu tư dự kiến 715,499 tỷ đồng (vốn vay WB: 628,229 tỷ đồng; vốn trong nước 87,200 tỷ đồng gồm: NSTP thực hiện GPMB 16,941 tỷ đồng, người dân đóng góp khoảng 70,529 tỷ đồng). Dự án tại huyện Mê Linh mới được UBND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư do phải rà soát, điều chỉnh quy hoạch (Quyết định số 280/QĐ-UBND ngày 20/01/2015); hiện Sở Nông nghiệp và PTNT đang hoàn thiện thủ tục phê duyệt dự án.

Về kế hoạch vốn: Đến hết năm 2015 06/7 dự án đã được bố trí 219,820 tỷ đồng (vốn ODA cho ĐTPT là 197,020 tỷ đồng; vốn NSTP cho công tác GPMB là 14,300 tỷ đồng và vốn SNKT 8,500 tỷ đồng); trong đó kế hoạch năm 2015 bố trí 101,785 tỷ đồng (vốn vay WB: 87,485 tỷ đồng; vốn trong nước 14,300 tỷ đồng), cụ thể:

- 03 dự án đang triển khai thi công tại Ba Vì, Phúc Thọ, Mỹ Đức bố trí vốn để tiếp tục thực hiện;

- 03 dự án tại Thanh Oai, Thường Tín, Chương Mỹ bố trí vốn để triển khai công tác GPMB, lập thiết kế, dự toán và lựa chọn nhà thầu, dự kiến khởi công quý IV/2014 theo chỉ đạo của UBND Thành phố;

- 01 dự án còn lại tại Mê Linh bố trí vốn để triển khai công tác chuẩn bị đầu tư.

Như vậy, việc bố trí vốn đối ứng từ ngân sách Thành phố trong kế hoạch năm 2015 cho các dự án trên phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng triển khai của Chủ đầu tư. Trong kế hoạch năm 2016 (đang trình HĐND Thành phố xem xét, thông qua) dự kiến bố trí 2,5 tỷ đồng cho công tác GPMB của dự án còn lại tại huyện Mê Linh, đảm bảo đủ vốn đối ứng từ ngân sách Thành phố cho việc triển khai các dự án này theo quy định.

Câu 20: Công tác quy hoạch, quản lý, đầu tư, khai thác vườn hoa, công viên, hồ nước.

Trả lời:

1. Về quy hoạch, đầu tư phát triển:

Việc đầu tư xây dựng vườn hoa công viên, hồ nước được thực hiện trên cơ sở Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 tầm nhìn 2050 tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ; các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu chức năng đô thị và Quy hoạch hệ thống Cây xanh, Công viên, vườn hoa và hồ Thành phố Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đã được UBND Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 18/03/2014; Điều chỉnh các quy hoạch phân khu giành đất cho công viên, vườn hoa, hồ nước.

Về quy hoạch chi tiết: Thành phố đã phê duyệt quy hoạch các Khu công viên và Hồ điều hòa khu phía Bắc và phần mở rộng phía Nam Nghĩa trang Mai Dịch (2013); Khu công viên và hồ điều hòa tại ô đất ký hiệu CV1 Khu đô thị mới Cầu Giấy (2014); Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết Công viên hồ điều hòa Nhân Chính (2015), Công viên hồ điều hòa thuộc khu đô thị Tây Nam Hà Nội (2015); Công viên giải trí Mễ Trì – Nam Từ Liêm (2015); phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết Công viên Yên Sở (2015), ...

Về đầu tư xây dựng phát triển hệ thống công viên, vườn hoa, hồ nước: Thành phố đã quan tâm đẩy mạnh công tác chuẩn bị đầu tư và thực hiện đầu tư, huy động các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư xây dựng; đã và đang thực hiện các vườn hoa, công viên, hồ nước trên địa bàn. Trong 5 năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn trong việc huy động các nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng các công viên, vườn hoa, hồ nước, Thành phố đã hoàn thành nhiều công trình: Công viên Hòa Bình, công viên Yên Sở, các công viên Yên Hòa, Việt Hưng, Sài Đồng,..., 11 hồ nước theo phương thức xã hội hóa, 9 hồ bằng vốn ODA (như Linh Đàm, Khương Trung, Hạ Đình). Tình hình thực hiện một số dự án đã và đang triển khai như sau:

- Dự án Khu công viên và Hồ điều hòa khu phía Bắc và phần mở rộng phía Nam nghĩa trang Mai Dịch, quận Cầu Giấy và quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo hình thức hợp đồng BT: Diện tích khoảng 15,16 ha. Tổng mức đầu tư: 815.154 triệu đồng. Nhà đầu tư là Công ty Cổ phần Bất động sản Hồng Ngân. Dự án đã được tổ chức giải phóng mặt bằng với tổng diện tích đã thu hồi khoảng 85% (phần diện tích quận Cầu Giấy cơ bản hoàn thành 100%). Phấn đấu khởi công dự án trong tháng 12/2015, thi công hoàn thành trong năm 2017.

- Dự án xây dựng Khu công viên - Hồ điều hòa tại ô đất ký hiệu CV1 thuộc Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 phần còn lại Khu đô thị mới Cầu Giấy theo hình thức hợp đồng BT: Diện tích khoảng 31,76ha; Tổng mức đầu tư: 938.294 triệu đồng. Nhà đầu tư là Công ty TNHH Indochina Land Management Việt Nam. UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 4336/QĐ-UBND ngày 28/8/2015 phê duyệt Dự án theo hình thức hợp đồng BT. Dự kiến sẽ khởi công Dự án trong quý I/2016.

- Dự án Công viên, hồ điều hòa Nhân Chính, quận Thanh Xuân: Chủ đầu tư là UBND quận Thanh Xuân. Diện tích 13,23ha; tổng mức đầu tư 298,740 triệu đồng. UBND Thành phố đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 18/6/2015; Sở Xây dựng đang thực hiện thẩm định Dự án theo thẩm quyền. Dự kiến sẽ khởi công Dự án trong quý I/2016.

- Dự án đầu tư xây dựng HTKT, cảnh quan cây xanh Công viên Hữu Nghị, quận Bắc Từ Liêm: Diện tích 20ha; Thành phố đã có văn bản số 7275/UBND-XDGT ngày 14/10/2015 về triển khai dự án xây dựng HTKT, cảnh quan cây xanh, công viên Hữu Nghị, trong đó giao Sở Xây dựng lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án để trình HĐND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2016-2020.

Cùng với việc đầu tư xây dựng công viên tập trung, Thành phố cũng phân cấp chỉ đạo các quận, huyện, thị xã tổ chức xây dựng, hoàn thiện các vườn hoa

trong các khu phố 4 quận nội thành (18 vườn hoa), thị trấn (23 vườn hoa) bằng nguồn kinh phí phân cấp cho các quận, huyện, thị xã thực hiện. Tại các khu dân cư, chung cư, tái định cư, các vườn hoa - sân chơi nhỏ thuộc thiết chế văn hóa của các phường từng bước được phục hồi; đồng thời đầu tư xây dựng mới các vườn hoa, sân chơi cho người dân và các cháu thiếu nhi. Đối với vườn hoa nhỏ trên các tuyến phố chính trên địa bàn Thành phố cũng ưu tiên bố trí vốn để cải tạo xây dựng mới; duy tu, duy trì một số các vườn hoa tại khu vực nội đô lịch sử như Vườn hoa Tây Sơn, Mê Linh, Lê Trực vv...

2. Về quản lý, khai thác, vận hành công viên, vườn hoa, hồ nước:

Việc quản lý hệ thống cây xanh đô thị, công viên, vườn hoa thực hiện theo phân cấp của UBND Thành phố tại Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND và số 12/2014/QĐ-UBND. Trong đó, Thành phố giao Sở Xây dựng quản lý duy tu, duy trì các công viên cấp Thành phố (Bách Thảo, Thủ Lệ, Hòa Bình, Thống Nhất...), hệ thống cây xanh đô thị trên các tuyến đường phố chính, vườn hoa, dải phân cách các tuyến đường chính, đường trục khu vực. UBND các quận, huyện quản lý duy tu, duy trì, khai thác các công viên, vườn hoa, cây xanh, thảm cỏ trong các khu dân cư, khu nhà ở, dải phân cách trên các tuyến đường khu vực theo địa bàn hành chính do quận huyện được giao quản lý. Ngày 27/11/2015, UBND Thành phố đã ban hành các quyết định giao từng quận, huyện, thị xã thực hiện quản lý duy tu, duy trì hệ thống hạ tầng kỹ thuật giao thông, đô thị (đường bộ, hè phố; công viên, cây xanh; chiếu sáng công cộng; thoát nước) trên địa bàn, thực hiện từ ngày 01/01/2016.

Trong thời gian vừa qua, việc quản lý duy trì của các đơn vị đã được thực hiện khá tốt, tuân thủ theo Quy trình kỹ thuật duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh số 6310/QĐ-SXD ngày 30/7/2010 của Sở Xây dựng. Một số công viên mới, cây xanh, thảm cỏ tại các giải phân cách, các khu đô thị mới hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần cải tạo cảnh quan môi trường, tiếp tục làm tăng diện tích xây xanh trên địa bàn Thành phố.

Thành phố cũng chỉ đạo Sở Xây dựng thực hiện tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc quản lý, duy trì và đảm bảo vệ sinh môi trường tại các công viên, vườn hoa trên địa bàn. Năm 2014, Thanh tra Sở đã kiểm tra tổng số 67 vườn hoa, công viên. Đã phát hiện, xử lý 24/67 trường hợp sử dụng hè, dựng lều quán bán hàng và bãi để xe gây mất mỹ quan đô thị và an toàn giao thông; 11/67 trường hợp không đảm bảo vệ sinh môi trường. Năm 2015, Sở Xây dựng Hà Nội đã xây dựng Kế hoạch số 3938/KH-SXD ngày 19/5/2015 tổ chức kiểm tra hiện trạng, xử lý các vi phạm lấn chiếm, sử dụng sai mục đích tại các công viên, vườn hoa gây mất mỹ quan đô thị, trật tự đô thị. Vừa qua, Sở Xây dựng đã phối hợp với các Sở, Ngành, UBND các quận, huyện kiểm tra 281 vườn hoa, công viên, sân chơi công cộng trên địa bàn Thành phố, qua đó xử lý vi phạm đối với các trường hợp lấn chiếm, vi phạm trật tự đô thị, đề xuất các giải pháp đầu tư xây dựng hoàn thiện các công viên hiện có, tổ chức giải tỏa, thu hồi, giải phóng mặt bằng các trường hợp cần thiết.

Việc tăng cường công tác kiểm tra an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường và công tác duy trì của các đơn vị đã góp phần nâng cao chất lượng thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, cơ bản đảm bảo chất lượng; cảnh quan môi trường và

an ninh trật tự được cải thiện, góp phần tạo nên bộ mặt đô thị ngày càng sáng, xanh, sạch, đẹp.

Về cải tạo, chống ô nhiễm hồ trên địa bàn thành phố

UBND Thành phố đã chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị liên quan về công tác nạo vét, cải tạo và quản lý hồ và triển khai các dự án cải tạo môi trường hồ. UBND Thành phố đang xin ý kiến góp ý của thành viên UBND Thành phố để ban hành quy định quản lý hồ trên địa bàn Thành phố, dự kiến sẽ phê duyệt vào tháng 12/2015.

Đối với các hồ trong công viên, hồ điều hòa và hồ tạo cảnh quan đô thị, Thành phố Hà Nội có khoảng 130 hồ/ao với tổng diện tích khoảng 1.300 ha bao gồm: các hồ tự nhiên và các hồ được đào, xây dựng theo quy hoạch, trong đó 67 hồ đã được cải tạo kè tách nước thải, xây dựng hạ tầng quanh hồ, tạo tiểu công viên quanh hồ; 63 hồ chưa được cải tạo, trong đó: 32 hồ đã có dự án đầu tư và đang được triển khai thực hiện.

- Dự án Thoát nước Hà Nội – Dự án II từ năm 2012 đến nay đã thực hiện cải tạo thêm 13 hồ nội thành nhằm nhiệm vụ điều hòa thoát nước, cải thiện cảnh quan môi trường khu vực, bao gồm: Hồ Bảy Mẫu, hồ Hào Nam, hồ Đống Đa, hồ Hố Mẻ, hồ Phương Liệt, hồ Khương Trung I, II, hồ Tân Mai, hồ Linh Đàm, hồ Định Công, hồ Hạ Đình, hồ Đầm Chuối, hồ Ngọc Khánh. Hiện tại, 06/13 hồ đã hoàn thành, vận hành điều hòa phục vụ thoát nước và cải thiện cải quan, môi trường khu vực. 07 hồ còn lại sẽ được khẩn trương thi công hoàn thành trong quý 2/2016 gồm: hồ Định Công, Khương Trung I, II, Tân Mai, Hạ Đình, Đầm Chuối, Ngọc Khánh.

- Một số (08) hồ nội thành bị ô nhiễm đã được Sở Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội áp dụng công nghệ xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường và bàn giao cho Sở Xây dựng đặt hàng duy trì bao gồm: hồ Hai Bà Trưng, Xã Đàn, Ngọc Khánh, Đền Lừ, Thanh Nhàn 1, Thanh Nhàn 2B, Kim Liên và Trúc Bạch;

3. Các tồn tại, hạn chế:

- So với quy hoạch và yêu cầu phát triển, hệ thống công viên, vườn hoa, hồ nước trên địa bàn Thành phố còn chưa đạt theo chỉ tiêu quy hoạch, một số hồ chưa cải tạo. Một số công viên như Thống Nhất, Vườn Thú, các vườn hoa .... đã được đầu tư xây dựng từ lâu, cảnh quan kiến trúc đã xuống cấp; công tác quản lý duy trì, vận hành chưa hiệu quả. Trên địa bàn các huyện số lượng công viên vườn hoa còn ít so với quy hoạch đề ra, chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, vui chơi giải trí nghỉ ngơi của người dân.

- Trật tự đô thị vệ sinh môi trường cảnh quan tại một số công viên, vườn hoa còn hạn chế. Một số đơn vị chức năng của Thành phố có kiểm tra xử lý nhưng chưa thường xuyên, triệt để nên vẫn còn tình trạng tái vi phạm bán hàng quán ảnh hưởng đến trật tự, mỹ quan đô thị.

- Đối với các hồ chưa cải tạo vẫn còn tình trạng vi phạm lấn chiếm đổ đất, phế thải xây dựng, vứt rác xuống hồ, môi trường nước hồ bị ô nhiễm mất mỹ quan đô thị, diện tích sử dụng thu hẹp, giảm khả năng điều hoà thoát nước.

- Việc bố trí kinh phí đầu tư, quản lý duy trì các vườn hoa trên địa bàn các huyện còn khó khăn do huyện chưa bố trí, cân đối được kinh phí đầu tư và quản lý duy trì.

- Đối với Công viên Tuổi trẻ: Thời gian vừa qua đã được Thành phố quan tâm chỉ đạo quyết liệt, việc quản lý duy trì cây xanh, thảm cỏ của Công ty TNHH Công viên cây xanh từ sau khi tiếp nhận từ Công ty dịch vụ du lịch Tuổi trẻ Thủ đô đã có chuyển biến. Nhân dân được đi dạo toàn bộ khu vực, tham gia vui chơi giải trí trong công viên thường xuyên, đông đảo hơn; các hành vi gây mất trật tự công cộng, an ninh trật tự khu vực đã được phát hiện và khắc phục. Các chủ đầu tư xã hội hóa đang vận hành kinh doanh dịch vụ đã sắp xếp gọn ghẽ, có thêm diện tích vui chơi cho người dân. Việc xử lý vi phạm về trật tự xã hội một số công trình xây dựng, công năng sử dụng sai mục đích đã được thực hiện nhưng tiến độ còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu. Một phần do trong quá trình đầu tư xây dựng, quy hoạch quản lý, việc xã hội hóa đầu tư xây dựng các công trình, hạng mục trong công viên có một số sai phạm, do công trình chưa quyết toán, công nợ giữa các đơn vị xảy ra nhiều năm chưa được giải quyết.

4. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới:

- Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh và xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác đầu xây dựng, quản lý vận hành, duy tu duy trì công viên, vườn hoa, hồ nước, phù hợp với các quy định của pháp luật

- Tổ chức đấu thầu công tác duy trì công viên, vườn hoa, hồ nước trong năm 2016.

- Đẩy mạnh công tác phân cấp, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các quận, huyện, thị xã trong quản lý duy trì công viên, vườn hoa, cây xanh

- Tập trung đầu tư, tiếp tục kêu gọi xã hội hóa đầu tư để huy động mọi nguồn lực để đầu tư phát triển Công viên cây xanh trên địa bàn Thành phố. Đẩy nhanh việc triển khai các dự án: công viên Yên Sở, Hữu Nghị, Nhân Chính, Bắc Nam Nghĩa trang Mai Dịch... đảm bảo tiến độ.

- Chỉ đạo các quận, huyện chủ động rà soát, lập dự án đầu tư xây dựng các công viên, vườn hoa, hồ nước trên địa bàn. Việc đầu tư phải đảm bảo thực hiện theo đúng Quy hoạch hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa và hồ nước và các Kế hoạch đã được phê duyệt.

- Tăng cường công tác tuyên truyền đến đông đảo các tầng lớp nhân dân để cùng có trách nhiệm bảo vệ hệ thống công viên, vườn hoa, hồ nước. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Câu 21: Công tác quản lý, khai thác và sử dụng các thiết chế văn hóa.

Trả lời:

1. Khái quát chung.

Hệ thống thiết chế văn hóa không chỉ giữ vai trò then chốt trong các hoạt động tuyên truyền, phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội tại địa phương, gắn bó mật thiết với cộng đồng dân cư mà quan trọng hơn nơi này là điểm sinh hoạt

của địa phương, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của người dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống tinh, đặc biệt là đối với người dân nông thôn.

Quyết định 2164/QĐ – TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 – 2020, định hướng đến năm 2030 trong đó đã nêu mục tiêu chung đến năm 2020, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được phát triển đồng bộ. Cụ thể: Đến năm 2020, có 70% số thôn có nhà văn hóa – khu thể thao thôn; 80% đơn vị hành chính xã có trung tâm văn hóa – thể thao; 90% đơn vị hành chính cấp huyện có trung tâm văn hóa – thể thao và 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có trung tâm văn hóa.

Thực hiện mục tiêu Quyết định của Thủ tướng Chính phủ,, những năm qua, bên cạnh việc thực hiện có hiệu quả nguồn đầu tư ngân sách của Nhà nước, cùng với việc huy động nguồn lực của toàn xã hội cho việc cải tạo, nâng cấp và trang bị mới các thiết chế văn hóa ở thôn, làng, khu dân cư, hệ thống các thiết chế văn hóa trên địa bàn Thành phố đã từng bước được cải thiện.... Tính đến nay đã có hàng trăm các tập thể, cá nhân đóng góp hàng trăm tỷ đồng vào việc xã hội hóa xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn Thành phố, nhất là từ khi thành phố phát động chương trình "Toàn dân chung tay xây dựng nông thôn mới". Các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn từng bước đổi mới về phương thức tổ chức và hoạt động, cơ sở vật chất được tăng cường, một số trung tâm văn hóa - thể thao được đầu tư xây dựng, tổ chức hoạt động và khai thác có hiệu quả, phục vụ nhu cầu của người dân.

2. Thực trạng quản lý, khai thác thiết chế văn hóa trên địa bàn Thành phố.

2.1. Cơ sở vật chất: Theo đánh giá, khảo sát tại Đề án khảo sát, đánh giá thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 3, đến thời điểm hiện tại, thực trạng cơ sở vật chất hệ thống thiết chế văn hóa trên địa bàn Thành phố như sau:

- Cấp Thành phố: Hiện có 01 Trung tâm Văn hóa và 01 Trung tâm Thông tin Triển lãm do Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội quản lý.

- Cấp huyện:

+ 24/30 trung tâm văn hóa, nhà văn hóa (Các đơn vị chưa có trung tâm văn hóa/nhà văn hóa là quận Nam Từ Liêm, huyện Ứng Hòa, huyện Quốc Oai);

+ 26/30 trung tâm TDTT (Quận Nam Từ Liêm chưa có Trung tâm TDTT; 03 đơn vị có Trung tâm Văn hóa và Thể thao hoạt động trên cùng một cơ sở là Hoàng Mai, Long Biên, Mê Linh).

- Nhà văn hóa xã, phường, thị trấn:

+ Theo số liệu thống kê năm 2012 tại kết quả điều tra giai đoạn 1 "Đề án khảo sát, đánh giá thiết chế văn hóa, thể thao", thành phố có 222 nhà văn hóa - trung tâm thể thao xã, phường thị trấn, các địa điểm sinh hoạt cộng đồng xã, phường, thị trấn hoặc các địa điểm tận dụng cơ sở vật chất hiện có như hội trường UBND xã... nhưng chưa bám sát vào các tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Theo kết quả điều tra giai đoạn 3 "Đề án khảo sát, đánh giá thiết chế văn hóa, thể thao" đến năm 2015, toàn Thành phố có 120 nhà văn hóa – trung tâm thể thao cơ bản đáp ứng các tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Hiện nay theo chỉ đạo của Thành phố, 100% số xã đang trong quá trình xây dựng nông thôn mới đều có quy hoạch xây dựng trung tâm văn hóa, thể thao xã.

- Cấp thôn, tổ dân phố: Theo thống kê năm 2012, toàn Thành phố có 3.048 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố. Một số thôn, tổ dân phố chưa xây dựng được nhà văn hóa mà tận dụng các công trình hiện có như: đình làng, trụ sở hợp tác xã... Tuy nhiên, đã đầu tư trang thiết bị đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người dân như: điện, bàn ghế, loa đài.

2.2. Tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ.

- Cấp Thành phố, cấp huyện: Trung tâm văn hóa Thành phố; Trung tâm Thông tin Triển lãm và các trung tâm văn hóa, trung tâm TDTT quận, huyện, thị xã là đơn vị hành chính sự nghiệp, có bộ máy tổ chức hành chính riêng.

- Cấp xã: Các nhà văn hóa xã, phường: cán bộ theo dõi văn hóa là kiêm nhiệm; có nơi do Phó Chủ tịch UBND xã/phường phụ trách; có nơi do cán bộ văn hóa xã hội phụ trách. Trừ một số ít cán bộ văn hóa xã phường được đào tạo chuyên ngành về quản lý văn hóa, còn lại phần lớn là không chuyên.

- Cấp thôn, tổ dân phố: Các nhà văn hóa thôn, tổ dân phố đều do Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố kiêm nhiệm. Phần lớn là những cán bộ hưu trí, không được đào tạo về lĩnh vực quản lý văn hóa, hơn nữa, họ cũng có quá nhiều công việc nên khó có thể chuyên tâm cho hoạt động của nhà văn hóa.

2.3. Tổ chức hoạt động.

- Cấp thành phố: Trung tâm Văn hóa và Trung tâm Thông tin Triển lãm Thành phố thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, với nhiều hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ như mở lớp đào tạo, cung cấp tài liệu cho cơ sở, hướng dẫn thể nghiệm các mô hình hoạt động, hội thi, hội diễn, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, góp phần thực hiện các chỉ tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội của Thành phố.

- Cấp quận, huyện, thị xã: ngoài việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ hoạt động tại chỗ còn tích cực xuống địa bàn cơ sở tuyên truyền, cổ động các sự kiện trọng đại của đất nước, địa phương, hướng dẫn và triển khai thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", hướng dẫn, tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao quần chúng, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ văn hóa, thể dục thể thao cấp cơ sở... Nhiều nhà văn hóa của các huyện đã tổ chức hàng trăm buổi hoạt động tuyên truyền, bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú, điển hình như: Nhà văn hóa các huyện Phú Xuyên, Thường Tín, Ba Vì, Đan Phượng, Thạch Thất, Đông Anh, Sóc Sơn...

- Cấp xã, phường, thị trấn: thường xuyên tập trung vào các hoạt động: thông tin tuyên truyền cổ động, tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ, tổ chức các hội thi, liên hoan, tập luyện, giao lưu văn hóa, thể thao, đọc sách báo, họp Đảng bộ, Chi bộ, các đoàn thể nhân dân, giáo dục về lối sống, thực hiện việc cưới, việc tang và lễ hội theo nếp sống văn hóa. Tuy nhiên, nội dung tính chất hoạt động ở nhiều nơi còn sơ sài, nghèo nàn và thiếu cán bộ văn hoá, thể dục, thể thao cơ sở, thiếu trang thiết bị và kinh phí hoạt động.

3. Về cơ chế, chính sách đầu tư, quản lý, khai thác

Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao đã có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác tiêu chí hệ thống thiết chế văn hóa, cách đánh giá tiêu chí cơ sở vật chất văn hóa trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, tính đến nay đã có 182/386 xã được cộng nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 100% các xã được công nhận có hệ thống nhà văn hóa, khu thể thao thôn cơ bản đảm bảo theo tiêu chí được quy định tại Thông tư 06 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Hệ thống trung tâm văn hóa – thể thao xã hầu hết các địa phương mới chỉ có quy hoạch mà chưa xây dựng do điều kiện khó khăn về kinh phí (20 - 25 tỷ đồng cho một trung tâm văn hóa - thể thao xã đạt chuẩn).

Trước thực trạng trên, Sở Văn hóa và Thể thao đã có văn bản kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, điều chỉnh một số tiêu chí quy định về trung tâm văn hóa – thể thao xã và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện tiêu chí số 06 về cơ sở vật chất văn hóa trong Bộ tiêu chí Quốc gia về Nông thôn mới của Thủ tướng Chính phủ. Ngành Văn hóa cũng đã có sự chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương tận dụng cơ sở vật chất sẵn có như hội trường của xã, trung tâm học tập cộng đồng, sân vận động... để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của địa phương, nhờ đó mà tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thể dục thể thao tăng lên, các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương được tổ chức thường xuyên với chất lượng tốt.

Để có cơ sở pháp lý nhằm quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, phù hợp với các yêu cầu đề ra tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa ở nông thôn do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, hiện nay UBND Thành phố đã giao Sở Văn hóa và Thể thao triển khai thực hiện Đề án "Điều tra, đánh giá hiệu quả của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở", đây là tiền đề quan trọng để xây dựng "Quy chế quản lý và khai thác các thiết chế văn hóa cơ sở" trong thời gian tới, đặc biệt là 02 thiết chế: trung tâm văn hóa - thể thao xã và nhà văn hóa, khu thể thao thôn. Đề án điều tra hoàn thiện trong năm 2015, từ kết quả của Đề án, UBND Thành phố sẽ giao Sở Văn hóa và Thể thao chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các đơn vị liên quan báo cáo UBND Thành phố trình HĐND TP ban hành Nghị quyết "Quy chế quản lý và khai thác các thiết chế văn hóa cơ sở".

4. Công tác đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở

- UBND Thành phố, ngành VHTTDL và các huyện hết sức quan tâm đầu tư, hàng năm ngành VHTTDL đều thực hiện việc đầu tư chương trình mục tiêu xây dựng đời sống văn hóa, trong đó chủ yếu dành cho việc đầu tư trang thiết bị hoạt động cho các nhà văn hóa, thôn, bản thông qua Chương trình mục tiêu Quốc gia để đầu tư, trang bị hệ thống cở sở, vật chất cho nhà văn hóa các thôn, làng, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào khó khăn, đồng bào dân tộc, hệ thống thiết bị cho các nhà văn hóa huyện, đội thông tin lưu động huyện, thị xã, hỗ trợ xây dựng nhà văn hóa thôn, làng...

+ Cấp quận, huyện, thị xã: hoạt động bằng nguồn kinh phí đầu tư của nhà nước, các hoạt động tạo nguồn thu tại chỗ còn rất hạn chế. Hệ thống trung tâm

văn hóa - thể thao nhiều quận, huyện, thị xã được đầu tư xây dựng mới nhưng việc khai thác hoạt động để tạo nguồn kinh phí còn hạn chế.

+ Cấp xã, phường, thị trấn: tuỳ vào điều kiện, khả năng thu ngân sách của địa phương mà mỗi nơi chi cho hoạt động văn hóa, thể dục thể thao ở cấp xã theo các mức khác nhau. Một số nhà văn hóa phường, xã hiện nay chỉ còn đủ điều kiện để sử dụng hội họp và hoạt động thông tin tuyên truyền nhưng không mấy hiệu quả, chưa quan tâm đầu tư cơ chế, nội dung, kinh phí để duy trì hoạt động.

+ Cấp thôn, làng, tổ dân phố: Cơ chế tài chính ở các nhà văn hóa - khu thể thao thôn, làng đều do nhân dân đóng góp, nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn tài trợ để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và chi phí cho các hoạt động thường xuyên.

- Về cơ chế tài chính cho các thiết chế văn hóa:

+ Thành phố đầu tư thông qua Chương trình mục tiêu Quốc gia về văn hóa chi cho việc xây dựng và phát triển đời sống văn hóa thông tin cơ sở, như hỗ trợ về trang thiết bị, chương trình hoạt động cho các điểm văn hóa cộng đồng và các nhà văn hóa cơ sở; xây dựng kho sách lưu động, tủ sách cơ sở; hỗ trợ duy trì hoạt động cho các điểm sinh hoạt văn hóa cơ sở; đào tạo tập huấn cán bộ văn hóa cơ sở; cấp thiết bị thông tin lưu động cho các đội thông tin lưu động của huyện.

+ Thành phố đầu tư qua Chương trình 121 đưa thông tin về cơ sở trong đó quan tâm đầu tư trang thiết bị hoạt động thông tin cho 16 xã miền núi thuộc địa bàn thành phố Hà Nội. Năm 2014 đã tiến hành đầu tư trang thiết bị cho 06 nhà văn hóa xã, 16 nhà văn hóa thôn trị giá 879.355.000đ; Năm 2015 đầu tư trang thiết bị cho 16 xã miền núi trị giá 1.286.304.000đ.

+ Quận, huyện, thị xã kinh phí đầu tư cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản đều bằng nguồn kêu gọi xã hội hóa, thực hiện Nhà nước và nhân dân cùng làm.

5. Nguyên nhân; phương hướng khắc phục

5.1. Nguyên nhân

- Các thiết chế văn hóa – thể dục thể thao cơ sở nhiều nơi bị xuống cấp và thiếu đồng bộ về trang thiết bị cho hoạt động. Việc xây dựng về quy mô, kiểu dáng, vị trí chưa theo quy chuẩn chung. Nhiều nơi xây dựng được trụ sở nhưng trang thiết bị thiếu thốn, không đủ điều kiện hoạt động. Hệ thống thiết chế văn hóa – thể dục thể thao cơ sở hiện nay còn thiếu đồng bộ và hiệu quả sử dụng chưa cao. Chưa có nhiều công trình văn hóa, công trình thể thao và khu vui chơi giải trí phù hợp với mức sống của nhân dân. Đầu tư của ngân sách Nhà nước cho văn hóa, thể dục thể thao còn thấp. Việc huy động các nguồn vốn khác đầu tư cho văn hóa, thể dục thể thao rất hạn chế do chính sách khuyến khích chưa cụ thể và thiết thực.

- Đội ngũ cán bộ văn hóa – thể dục thể thao cơ sở còn thiếu và yếu, nhất là ở các xã, phường, thị trấn.

- Kinh phí tổ chức hoạt động còn hạn hẹp, chưa tương xứng với nội dung tổ chức hoạt động. Kinh phí hoạt động thường xuyên của nhà văn hóa phường, xã hiện nay phụ thuộc vào sự điều tiết của UBND cùng cấp.

- Công tác quản lý, tổ chức hoạt động còn nhiều bất cập, thiếu chủ động, sáng tạo. Hiệu quả hoạt động chưa đồng đều, một số nơi chưa phát huy tốt điều kiện cơ sở vật chất của thiết chế văn hóa – thể dục thể thao cơ sở.

- Nhiều địa phương còn lúng túng trong tổ chức hoạt động của nhà văn hóa phường, xã do một số điều kiện pháp lý chưa đảm bảo như: định biên cán bộ quản lý nhà văn hóa, chế độ tài chính, hạn mức kinh phí, mặt bằng, trang thiết bị, phương thức quản lý hoạt động... Hầu hết, các nhà văn hóa phường, xã hiện nay đều đặt dưới sự quản lý của UBND phường, xã, việc xây dựng kế hoạch hoạt động vừa mang tính tự phát, vừa thiếu đầu tư cho kế hoạch hoạt động lâu dài. Một số nơi chỉ dừng ở các hoạt động mang tính ngắn hạn, chủ yếu chỉ tập trung vào công tác tuyên truyền thông tin, các hoạt động khác mang tính nghiệp vụ chuyên môn của nhà văn hóa còn tản mạn, rời rạc, chưa đi vào chuyên sâu.

5.2. Phương hướng khắc phục

- Đa dạng hóa các hình thức hoạt động của nhà văn hóa, trung tâm TDTT. Hoạt động của nhà văn hóa phải gắn liền với việc tổ chức các hoạt động đa dạng trong đó có việc bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của địa phương (tổ chức các câu lạc bộ hát dân gian của địa phương: ca trù, trống quân, các trò chơi dân gian...).

- Tạo nguồn nhân lực chuyên nghiệp cho các nhà văn hóa. Tăng cường công tác tập huấn cho cán bộ làm văn hóa, đặc biệt là cán bộ ở cấp cơ sở.

- Xây dựng cơ chế lồng ghép, phối hợp giữa phong trào xây dựng đời sống văn hóa với Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, cụ thể với 02 tiêu chí liên quan đến xây dựng nhà văn hóa, khu thể thao xã và nhà văn hóa, khu thể thao thôn.

6. Giải pháp trong thời gian tới.

- Từng bước hoàn thiện thiết chế văn hóa thể thao ở cơ sở. Có chính sách đầu tư phù hợp để cấp cơ sở có đủ nguồn lực về kinh phí, quy hoạch quỹ đất, nhằm từng bước hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể thao đạt quy chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Từng bước đưa việc tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa theo cơ chế tự chủ; Bổ sung kinh phí trong sự nghiệp văn hóa, thể thao để tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền, cổ động trực quan, khai thác và sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần của nhân dân.

- Cần có cơ chế chính sách để huy động các lực lượng tham gia xây dựng thiết chế văn hóa. Nghiên cứu đề xuất giải pháp, điều kiện để nhà văn hóa có thể liên kết trong đầu tư và vận hành nhưng vẫn đảm bảo hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng các thiết chế văn hóa, kịp thời phát hiện, khắc phục những sai lệch, tiêu cực, có biện pháp giải quyết phù hợp và biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong công tác.

- Tiếp tục đổi mới và đa dạng các hình thức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa; Đa dạng hóa các hình thức hoạt động, khuyến khích sự sáng tạo các

hình thức hoạt động. Gắn nhà văn hóa với việc bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, gắn với các hoạt động giáo dục trải nghiệm về truyền thống./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phụ lục 1

Kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng trong 9 tháng năm 2015

(kèm theo câu trả lời chất vấn số 8)

TT	Xã, phường, thị trấn	Vi phạm TTXD trên đất không được phép xây dựng (nông nghiệp, lâm nghiệp..v.v)	Đã xử lý theo quy định về trật tự xây dựng	Đã giải quyết theo quy định về đất đai	Đang giải quyết	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	
1	*Ba Đình*	0	0		0	1
2	*Ba Vì*	0	0		0	28
3	*Bắc Từ Liêm*	32	32		0	18
4	*Cầu Giấy*	0	0		0	45
5	*Chương Mỹ*	0	0		0	143
6	*Đan Phượng*	80	73		7	87
7	*Đông Anh*	53	30		23	49
8	*Đống Đa*	0	0		0	0
9	*Gia Lâm*	32	31		1	37
10	*Hà Đông*	9	9		0	20
11	*Hai Bà Trưng*	0	0		0	1
12	*Hoài Đức*	1	1		0	32
13	*Hoàn Kiếm*	0	0		0	0
14	*Hoàng Mai*	105	91		14	100
15	*Long Biên*	5	5		0	5
16	*Mê Linh*	3	3		0	13
17	*Mỹ Đức*	100	3		97	77
18	*Nam Từ Liêm*	34	31		3	128
19	*Phú Xuyên*	5	3		2	4
20	*Phúc Thọ*	0	0		0	28
21	*Quốc Oai*	45	36		9	48
22	*Sóc Sơn*	18	18		0	106
23	*Sơn Tây*	0	0		0	19
24	*Tây Hồ*	14	13		1	13
25	*Thạch Thất*	0	0		0	31
26	*Thanh Oai*	36	34		2	38
27	*Thanh Trì*	185	167		18	169
28	*Thanh Xuân*	50	50		0	32
29	*Thường Tín*	18	10		8	18
30	*Ứng Hòa*	24	24		0	24
Tổng cộng		**849**	**664**		**185**	**1314**

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phụ lục 2

Một số dự án vi phạm trật tự xây dựng có tính chất phức tạp, nổi cộm (Dự án Thương mại)

(kèm theo câu trả lời tái chất vấn số 9)

1. Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại văn phòng nhà ở để bán và cho thuê do Công ty cổ phần may Lê Trực làm chủ đầu tư tại số 8B Lê Trực, quận Ba Đình:

Chủ đầu tư đã tổ chức thi công xây dựng sai so với nội dung giấy phép được cấp về tổng chiều cao công trình, tổng diện tích sàn. UBND phường Điện Biên đã ban hành quyết định đình chỉ thi công. Sở Xây dựng, UBND quận Ba Đình đã tích cực đôn đốc chủ đầu tư tự khắc phục vi phạm. Hiện nay, chủ đầu tư đang thực hiện phá dỡ phần bộ phận công trình vi phạm. Sở Xây dựng đang tiếp tục đôn đốc UBND quận Ba Đình, UBND phường Điện Biên trong việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành của chủ đầu tư.

2. *Dự án Chung cư cao tầng do Công ty TNHH khách sạn Kinh Đô làm chủ đầu tư tại số 93 Lò Đúc, phường Phạm Đình Hổ*:

Chủ đầu tư đã tổ chức thi công xây dựng vượt số tầng so với giấy phép xây dựng duyệt, sử dụng sai công năng đối với các phần diện tích sử dụng chung (vi phạm phát sinh từ 2006 đến 2011, bộ phận công trình vi phạm đã có quyết định cưỡng chế nhưng chính quyền cơ sở chưa tổ chức thực để xử lý vi phạm). Sở Xây dựng đã có nhiều văn bản đôn đốc, hướng dẫn UBND quận Hai Bà Trưng trong quá trình xử lý vi phạm.

3. Dự án Chung cư cao tầng và Trung tâm thương mại văn phòng do Công ty cổ phần may Thăng Long làm chủ đầu tư tại số 250 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng:

Chủ đầu tư đã xây dựng 04 công trình trên đất được quy hoạch làm vỉa hè, cây xanh của dự án với quy mô từ 1-3 tầng, tổng diện tích sàn khoảng 1500m^2 sàn . Vi phạm phát sinh từ năm 2012 đến 2013, thời gian này vi phạm chỉ được thiết lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không được chính quyền cơ sở áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý dẫn đến các công trình tiếp tục thi công xây dựng, thậm chí 3 công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng phục vụ mục đích riêng của Chủ đầu tư gây bức xúc trong dư luận.

Sở Xây dựng đã ban hành nhiều văn bản, đồng thời tổ chức nhiều cuộc họp để đôn đốc, hướng dẫn UBND quận Hai Bà Trưng, UBND phường Minh Khai trong việc xử lý triệt để đối với 04 công trình vi phạm. Hiện nay, về cơ bản toàn bộ 04 công trình vi phạm đã được tháo dỡ triệt để.

4. Dự án cải tạo, nâng cấp khu vui chơi, giải trí bán đảo Hồ Đống Đa do Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Hà Thủy làm chủ đầu tư tại quận Đống Đa :

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, chủ đầu tư đã tổ chức thi công sai so với nội dung Giấy phép xây dựng (thêm 01 tum thang, chưa thi công đường dẫn xe lên xuống tầng hầm, sử dụng diện tích tầng 2 sai mục đích sử dụng đã được phê duyệt).

Hiện nay các cơ quan chức năng yêu cầu Chủ đầu tư dỡ bỏ các hàng rào ngăn cách, trả lại mặt bằng khuôn viên khu vui chơi giải trí theo chức năng được duyệt.

5. Dự án xây dựng công trình "Khu nhà ở CT36 Tower" tại 326 Lê Trọng Tấn, quận Thanh Xuân do Tổng công ty 36 làm chủ đầu tư:

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, chủ đầu tư đã thi công sai so với nội dung Giấy phép Xây dựng được cấp (Giảm 02 tầng hầm, xây thêm mỗi kios 01 gác lửng để làm kho chứa đồ với diện tích sàn xây dựng là 32 m^2/kios, bỏ thông tầng penthouse) đã được Thanh tra Sở lập Biên bản và xử phạt với số tiền là 30.000.000 đồng, đồng thời Sở Xây dựng đã có các Văn bản số 8529/SXD-TTr ngày 28/10/2014 và số 10447/SXD-TTr ngày 16/12/2014 UBND báo cáo UBND Thành phố và văn bản số 4435/SXD-QLCP ngày 02/6/2015 yêu cầu chủ đầu tư thực hiện việc điều chỉnh nội dung giấy phép theo chỉ đạo của UBND Thành phố.

6. Dự án Xây dựng công trình Trụ sở văn phòng làm việc, DVCC và nhà ở tại tổ 50 Yên Hòa do Công ty TNHH Thăng Long làm chủ đầu tư:

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án chủ đầu tư đã thi công sai so với hồ sơ thiết kế được duyệt (tăng diện tích sàn khoảng 50 m2/tầng, làm thêm bể bơi và sảnh phục vụ bể bơi diện tích khoảng 1.050 m2) đã được Thanh tra Sở lập Biên bản và xử phạt với số tiền là 80.000.000 đồng. Công trình đã được UBND quận Cầu Giấy, UBND phường Yên Hòa ban hành Quyết định đình chỉ thi công và yêu cầu chủ đầu tư dừng toàn bộ thi công đến khi nào hoàn chỉnh các tục đầu tư xây dựng mới được tục tục thi công xây dựng.

Hiện nay, Sở Xây dựng đang tham gia Đoàn thanh tra do Thanh tra Bộ Xây dựng chủ trì tiến hành thanh tra toàn diện dự án theo phản ánh của cơ quan báo chí và đơn thư, cuộc thanh tra chưa có kết luận chính thức.

7. Công trình Tòa nhà làm việc và kinh doanh dịch vụ tại số 38 đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy do Công ty Cổ phần Tập đoàn Phúc Lộc làm chủ đầu tư:

Trong quá trình cài tạo, phá dỡ chủ đầu tư không có Giấy phép xây dựng đã được Thanh tra Sở (Đội Thanh tra Xây dựng quận Cầu Giấy) kiểm tra lập biên bản vi phạm, UBND quận Cầu Giấy đã Quyết định XPHC với số tiền là 80.000.000 đồng, đồng thời UBND phường Dịch Vọng Hậu đã ban hành Quyết định đình chỉ thi công xây dựng.

Hiện nay, Sở Xây dựng đang tham gia Đoàn thanh tra do Thanh tra Bộ Xây dựng chủ trì tiến hành thanh tra toàn diện dự án theo phản ánh của cơ quan báo chí và đơn thư, cuộc thanh tra chưa có kết luận chính thức.

8. Dự án Chung cư 88 Láng Hạ, quận Đống Đa do Công ty TNHH Hanotex làm chủ đầu tư:

Công trình đã hoàn thiện và đưa vào sử dụng từ năm 2010. Tuy nhiên chủ đầu tư chưa hoàn thiện hồ sơ hoàn công xây dựng công trình theo quy định, xây dựng sai so với nội dung giấy phép, sai công năng sử dụng (xây dựng cầu thang bộ tại trục giữa tòa nhà B không thông từ tầng kỹ thuật xuống tầng 1; tầng kỹ thuật mái và tầng mái chuyển thành căn hộ penthouse, 1/2 tầng kỹ thuật sử dụng làm văn phòng) đã được Sở Xây dựng kiểm tra và báo cáo UBND Thành phố tại văn bản số 7988/SXD-TTr ngày 01/9/2015.

Ngày 16/11/2015, UBND Thành phố đã có văn bản số 7908/VP-XDGT giao cho Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp phối hợp với các Sở, Ngành của Thành phố

và UBND quận Đống Đa kiểm tra, đề xuất giải pháp xử lý, báo cáo UBND Thành phố đối với các hạng mục công trình không phép, sai phép và sử dụng sai công năng tại Dự án trên.

Hiện tại, Liên ngành đang triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố. Sở Xây dựng đang tham gia Đoàn thanh tra do Thanh tra Bộ Xây dựng chủ trì tiến hành thanh tra toàn diện dự án theo phản ánh của cơ quan báo chí và đơn thư, cuộc thanh tra chưa có kết luận chính thức.

9. Dự án Xây dựng trụ sở làm việc do Công ty CP tư vấn và ĐTXD CCIC Hà Nội làm chủ đầu tư:

Trong quá trình xây dựng có một số hộ dân phản ánh chủ đầu tư xây dựng lấn chiếm phần diện tích đường cống thoát nước của Khu tập thể Cục An ninh quân đội đã được Đội Thanh tra Xây dựng quận Cầu Giấy, UBND phường Yên Hòa kiểm tra, xử lý. Chủ đầu tư và nhà thầu đã khắc phục đường thoát nước của khu dân cư (nằm trong ranh giới đất của dự án được giao) xây dựng hồ ga thoát nước để nạo, vét bùn đất không bị tắc nghẽn dòng chảy.

Hiện nay, Sở Xây dựng đang tham gia Đoàn thanh tra do Thanh tra Bộ Xây dựng chủ trì tiến hành thanh tra toàn diện dự án theo phản ánh của cơ quan báo chí và đơn thư, cuộc thanh tra chưa có kết luận chính thức.

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Phụ lục 3

Một số dự án vi phạm trật tự xây dựng có tính chất phức tạp, nổi cộm (Dự án Khu đô thị)

(kèm theo câu trả lời tái chất vấn số 9)

1. Dự án xây dựng công trình có chức năng hỗn hợp Đại Thanh, xã Tả Thanh Oai, huyện Thanh Trì:

Chủ đầu tư đã tổ chức xây dựng 6 khối nhà vượt số tầng so với quy hoạch được duyệt, xây dựng một số công trình phục vụ mục đích sử dụng riêng của Chủ đầu tư trên đất được quy hoạch làm cây xanh, đồng thời thi công các nhà thấp tầng, biệt thự liền kề vượt số tầng so với quy hoạch. Hiện nay, phần lớn các hạng mục của dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, khoảng 40% số căn hộ đã được Sở Tài nguyên Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà nhưng Chủ đầu tư vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ tài chính với ngân sách nhà nước.

Thời điểm phát sinh vi phạm, chính quyền cơ sở chưa áp dụng các biện pháp ngăn chặn, xử lý dẫn đến các công trình tiếp tục thi công xây dựng và hoàn thành đưa vào sử dụng). Chủ đầu tư có hành vi không hợp tác với các đoàn kiểm tra (Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ Xây dựng, Thanh tra Thành phố, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch Kiến trúc, Sở Tài nguyên & Môi trường, Sở Kế hoạch & Đầu tư). Hiện nay, Sở Xây dựng đang tiếp tục đôn đốc UBND huyện Thanh trì đình chỉ mọi hoạt động xây dựng tại dự án (các nhà biệt thự liền kề chưa xây dựng tại dự án) và mọi hoạt động kinh doanh nhà trái phép của chủ đầu tư.

2. Dự án đầu tư xây dựng tại Khu đô thị Mỗ Lao do công ty TSQ Việt Nam làm chủ đầu tư:

Chủ đầu tư đã thực hiện sai quy hoạch chi tiết được duyệt đối với Chung cư cao tầng CT-01 (Tăng diện tích tầng áp mái; thêm tầng lửng; thay đổi chiều cao các tầng; thay đổi cơ cấu căn hộ từ tầng 16 đến tầng 21), đồng thời tại Dự án Làng việt kiều Châu Âu tăng 11 căn hộ thấp tầng so với Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp,vv....

Đối với vi phạm trên, ngày 19/4/2011 Thanh tra Sở Xây dựng đã ban hành Quyết định xử phạt VPHC đối với hành vi tổ chức thi công công trình sai thiết kế được duyệt với mức phạt tiền là 30.000.000 đồng. Thanh tra Bộ Xây dựng đã tiến hành Thanh tra theo Quyết định số 113/QĐ-TTr và ngày 12/10/2015 và ban hành Kết luận số 276/KL-TTr về việc thanh tra đối với Dự án khu đô thị Mỗ Lao, trong đó có dự án do công ty TSQ Việt Nam làm chủ đầu tư. Kết luận của Thanh tra Bộ Xây dựng đang được triển khai thực hiện.

3. Dự án Khu nhà ở liền kề LK2, LK3 KĐT Mỗ Lao, Hà Đông do Công ty TNHH Quản lý phát triển Đá đỉnh vòm Việt Nam làm chủ đầu tư:

Trong quá trình thực hiện dự án chủ đầu tư đã tổ chức thi công xây dựng sai quy hoạch chi tiết được duyệt (Điều chỉnh cơ cấu căn hộ, một số căn hộ đầu hồi làm thêm tầng hầm, một số căn hộ làm thêm tum thang kết hợp phòng thờ trên tầng 4) đã được Thanh tra Sở lập Biên bản và xử phạt với số tiền là 40.000.000 đồng, đồng thời Sở Xây dựng đã có các văn bản số 10444/SXD-TTr ngày 16/12/2014, số 5180/SXD-TTr ngày 23/6/2015 và số 8651/SXD-TTr ngày 16/9/2015 báo cáo

UBND Thành phố. Hiện nay UBND Thành phố đã giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các thủ tục về điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

4. Các dự án do Tổng Công ty Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị (HUD) làm chủ đầu tư:

Thực hiện Kết luận thanh tra số 811/KL-TTCP ngày 13/4/2015 của Thanh tra Chính phủ, Sở Xây dựng đã phối hợp với các Sở, ngành của Thành phố và các đơn vị có liên quan đôn đốc HUD đã thực hiện nộp tiền vào ngân sách nhà nước với tổng số tiền là: 1.351.000.000 đồng, đồng thời kiến nghị UBND Thành phố thu hồi và đưa vào quản lý với tổng diện tích 181.730 m^2 đất và 11.474 m^2 nhà, Yêu cầu HUD nộp bổ sung phí xây dựng do xây dựng tăng thêm 45.935 m^2 sàn tại dự án Khu đô thị Văn Quán, quận Hà Đông.

Sở Xây dựng đã có văn bản số 8265/BC-SXD ngày 09/9/2015 báo cáo và tham mưu giúp UBND Thành phố có văn bản số 7005/UBND-KT ngày 06/10/2015 báo cáo Thủ tướng Chính phủ.